

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1447/BC - BYT

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO**Tổng kết 12 năm thi hành Luật an toàn thực phẩm năm 2010**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và được sửa đổi, bổ sung năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Bộ Y tế đã tiến hành rà soát, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật an toàn thực phẩm (ATTP) và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Ngày 22/8/2022, Bộ Y tế ban hành công văn số 4488/BYT-ATTP gửi các Bộ: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT), Công An, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Nội vụ và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật ATTP theo đề cương, gồm ba nhóm nội dung: (1) Về tình hình triển khai thi hành Luật ATTP; (2) Kết quả thực hiện, các khó khăn, vướng mắc khi triển khai thi hành Luật ATTP, nguyên nhân, biện pháp khắc phục; (3) Đề xuất, kiến nghị nội dung sửa đổi, bổ sung Luật ATTP.

Trên cơ sở báo cáo tổng kết của các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố; Bộ Y tế kính báo cáo Chính phủ tổng kết 12 năm thi hành Luật ATTP năm 2010 như sau:

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI LUẬT AN TOÀN THỰC PHẨM

A. TỔNG QUAN PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

I. Pháp luật Việt Nam

1. Kết quả đạt được

- Số liệu thống kê từ các bộ và UBND các tỉnh/thành phố, trong giai đoạn từ 2011 đến nay, hệ thống pháp luật về ATTP của Việt Nam đã có trên 250 văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) do các cơ quan trung ương ban hành, trong đó gồm: Luật ATTP và 14 văn bản Luật của Quốc hội có nội dung liên quan đến ATTP, 52 Nghị định hướng dẫn thi hành của Chính phủ, 18 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 17 Thông tư của Bộ Công Thương, 62 Thông tư của Bộ Y tế, 60 Thông tư của Bộ NN&PTNT, đặc biệt là Chỉ thị số 08-CT/TW ngày 21/10/2011, Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới, trong đó Luật ATTP là văn bản có hiệu lực pháp lý chuyên ngành cao nhất quy định đầy đủ, toàn diện các nội dung về quản lý ATTP (*chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*).

- Nhìn chung, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ban hành giai đoạn 2011-2023 đã thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về ATTP, cơ bản phù hợp các Điều ước, Hiệp định quốc tế mà Việt Nam ký kết tham gia, thống nhất và đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành. Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành cơ bản phù hợp với chuẩn mực, thông lệ quốc tế (được minh bạch hóa qua hệ thống thông tin và hỏi đáp SPS theo quy định của WTO).

- Nội dung các quy định đã bám sát các yêu cầu quản lý đối với thực phẩm nước ta, tập trung vào các vấn đề chính trong công tác quản lý ATTP, đó là: (i) Xây dựng Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; tổ chức bộ máy quản lý ATTP; (ii) Quy định phương thức quản lý ATTP; yêu cầu về điều kiện, sản xuất, kinh doanh, lưu thông, vận chuyển, quảng cáo thực phẩm; kiểm soát mối nguy trong quản lý ATTP; (iii) Phân công trách nhiệm quản lý giữa các Sở, ngành và địa phương theo các lĩnh vực thực phẩm; tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ các cơ quan trong quản lý ATTP, quy trình tổ chức thực hiện; (iv) Các công cụ kỹ thuật quản lý (tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phòng thử nghiệm, kiểm nghiệm; hướng dẫn kỹ thuật; chỉ tiêu, giới hạn cho phép tồn dư trong thực phẩm; (v) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về ATTP. Các quy định đã bám sát đối tượng/ loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm để có phương thức quản lý phù hợp; kiểm soát các nguy cơ gây mất an toàn đối với các loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm như sản xuất, kinh doanh thực phẩm tươi

sống, chế biến, xuất khẩu, nhập khẩu...

- Đã xây dựng được một hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về thực phẩm, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước áp dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh thực phẩm cũng như kiểm soát ATTP. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn về ATTP cơ bản phù hợp với tiêu chuẩn của Ủy ban Tiêu chuẩn Thực phẩm quốc tế (Codex); một số quy định chưa có trong Codex hoặc đặc thù của quốc gia thì cũng hài hòa với quy định các nước phát triển như Mỹ, Nhật Bản, EU và các nước ASEAN.

- Các quy định về tổ chức bộ máy thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã từng bước được củng cố và hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu quản lý, khắc phục được tình trạng bất cập trong phân công, phân cấp quản lý ATTP.

- Các quy định về ATTP trong hoạt động thương mại hiện hành đã tạo hành lang pháp lý tích cực cho hoạt động kinh doanh thực phẩm trong nước cũng như quốc tế.

II. Về pháp luật quốc tế

Hiện thực phẩm Việt Nam đã có mặt ở 3 thị trường lớn trên thế giới là Mỹ, Nhật Bản và EC với các yêu cầu quản lý ATTP khá nghiêm ngặt, cụ thể:

1. Pháp luật ATTP của Mỹ

- Mỹ có hệ thống pháp luật lâu đời về thực phẩm từ những năm đầu thế kỷ thứ 20; Năm 2015, Mỹ ban hành Bộ Luật hiện đại hóa an toàn vệ sinh thực phẩm (Food Safety Modernization Act - FSMA) để sửa đổi các quy định liên quan đến sản xuất thực phẩm, đáp ứng với những thay đổi mạnh mẽ trong hệ thống thực phẩm toàn cầu. Luật này có hiệu lực toàn diện vào năm 2019. Luật này đòi hỏi các biện pháp phòng ngừa toàn diện, kiểm soát chặt chẽ sản xuất thực phẩm trong nước và nhập khẩu.

- Một số nội dung trọng điểm của luật FSMA là: Các chiến lược bảo vệ thực phẩm khỏi bị làm giả một cách cố ý; vận chuyển thực phẩm cho người và động vật hợp vệ sinh; quy tắc sản xuất an toàn cuối cùng và báo cáo tác động môi trường; các chương trình xác nhận nhà cung cấp nước ngoài (FSVP); chứng nhận tin cậy của bên thứ ba; giám sát ngăn ngừa đối với Quy tắc cuối cùng thực phẩm cho người; kiểm soát ngăn ngừa đối với Quy tắc cuối cùng thực phẩm cho động vật. Tất cả nhằm mục tiêu:

(1) Nâng cao trách nhiệm của các nhà nhập khẩu, theo đó các nhà nhập khẩu chịu trách nhiệm về các hành động bao gồm:

Xác định các mối nguy có thể đoán trước được hoặc đã biết với từng thực phẩm; “Mối nguy” nghĩa là nhà nhập khẩu (và cả các nhà cung cấp nước ngoài của họ) phải phân tích và “lường trước” tất cả những rủi ro của thực phẩm; phải

ghi rõ các biện pháp đã thực hiện để ngăn ngừa trong quá trình sản xuất, vận chuyển và xử lý từng loại thực phẩm họ sản xuất.¹

(2) Bảo đảm ATTP thông qua: (1) Đánh giá rủi ro của thực phẩm, dựa trên phân tích mối nguy và việc thực hiện của các nhà cung cấp. Việc đánh giá phải xem xét các yếu tố bao gồm: (i) Công thức thực phẩm; (ii) Điều kiện, chức năng và thiết kế của các cơ sở và thiết bị của một công ty sản xuất thực phẩm điển hình; (iii) nguyên liệu và các thành phần khác; (iv) Thực tiễn vận chuyển; (v) Quy trình khai thác, nuôi trồng, sản xuất, chế biến và đóng gói; (vi) Các hoạt động đóng gói và dán nhãn; (vii) lưu trữ và phân phối; (viii) cách sử dụng dự định và có thể lường trước; (ix) bảo đảm vệ sinh lao động; (2) Sử dụng đánh giá rủi ro của các thực phẩm nhập khẩu và việc thực hiện của các nhà cung cấp để chấp thuận nhà cung cấp; (3) Xác minh nhà cung cấp phù hợp.

(3) Thực hiện các hoạt động khắc phục: Luật mới cho phép FDA (Food and Drug Administration) ngăn chặn việc đưa vào thị trường Mỹ các thực phẩm bị pha trộn hoặc bị nhầm lẫn, bao gồm các thực phẩm có nguy cơ gây hại. Thực phẩm pha trộn có thể do nhiều yếu tố, bao gồm nhiễm bẩn vi khuẩn và hoá học, ôi thiu hoặc phân huỷ, có chứa một phụ gia không an toàn, được chuẩn bị, đóng gói và bảo quản trong điều kiện không vệ sinh, và thay các nguyên liệu giá trị bằng các nguyên liệu kém khác. Thực phẩm bị nhầm lẫn trên bao bì có thể do nhiều nguyên nhân, bao gồm không công bố các thành phần nhất định hoặc các chất gây dị ứng thực phẩm chính, và không tuân thủ các thông tin dinh dưỡng trên bao bì. Công cụ này cho phép FDA loại bỏ hiệu quả các thực phẩm khỏi kênh phân phối, trong khi cơ quan này thực hiện các hành động hợp pháp và thực thi khác.

- Trên cơ sở Luật mới này, FDA đã ban hành 07 quy tắc để thực hiện Luật gồm: (1) Kiểm soát phòng ngừa đối với thực phẩm cho người: Các cơ sở thực phẩm dành cho người đã đăng ký với FDA phải thực hiện một kế hoạch bằng văn bản xác định các mối nguy và vạch ra các biện pháp kiểm soát phòng ngừa thích hợp; (2) Kiểm soát Phòng ngừa đối với thức ăn chăn nuôi. Các cơ sở thức ăn chăn nuôi đã đăng ký với FDA phải thực hiện một kế hoạch bằng văn bản xác định các mối nguy và vạch ra các biện pháp kiểm soát phòng ngừa thích

¹ Đó là, các mối nguy về sinh học, bao gồm ký sinh trùng và vi khuẩn gây bệnh; các mối nguy về hoá học, bao gồm các mối nguy phóng xạ, thuốc trừ sâu và dư lượng thuốc, độc tố tự nhiên, phân huỷ thực phẩm, các chất phụ gia và tạo màu không được chấp thuận, và các chất gây dị ứng thực phẩm; các mối nguy vật lý, như nhiễm bẩn thủy tinh hoặc kim loại; các mối nguy gây ra bệnh hoặc thương tích xảy ra tự nhiên, hoặc xảy ra vô tình hay cố ý để đạt được lợi ích kinh tế, như thay thế một thành phần rẻ tiền hơn.

hợp; (3) Sản xuất an toàn; Thiết lập các tiêu chuẩn an toàn tối thiểu để trồng, thu hoạch, đóng gói và lưu trữ sản phẩm; (4) Chương trình xác minh nhà cung cấp nước ngoài: Các nhà nhập khẩu phải xác minh rằng các nhà cung cấp nước ngoài của họ tuân thủ các quy định của FDA; (5) Chứng nhận của bên thứ ba - Công nhận các tổ chức chứng nhận của bên thứ ba để quản lý các cuộc đánh giá tự vấn tự nguyện và theo quy định để giúp các công ty chuẩn bị cho các cuộc đánh giá theo quy định hoặc đạt được chứng nhận; (6) Bảo vệ thực phẩm (chống lại việc gian lận/ giả mạo/ trộn lẫn có chủ ý - quy tắc IA): các cơ sở thực phẩm đã đăng ký với FDA phải phát triển một kế hoạch đánh giá các lỗ hổng ô nhiễm và lập thành văn bản chiến lược giảm thiểu cho mỗi lỗ hổng đó; (7) Vận chuyển vệ sinh - yêu cầu mới đối với các công ty vận chuyển thực phẩm, bao gồm người gửi hàng, người nhận hàng, người bốc xếp và người vận chuyển phải tuân thủ các quy định bắt buộc.

2. Quản lý thực phẩm của Nhật Bản

2.1- Nhật Bản xây dựng luật về ATTP từ rất sớm, ngay từ năm 1947. Đến nay, xứ sở mặt trời mọc là nơi có các tiêu chuẩn ATTP thuộc loại nghiêm ngặt nhất thế giới, với 06 bộ luật chính liên quan các lĩnh vực khác nhau, gồm:

(1) *Luật Cơ bản về an toàn thực phẩm*: đặt ra các nguyên tắc xây dựng khuôn khổ về ATTP và vai trò của Ủy ban ATTP quốc gia (FSC) - cơ quan đánh giá về các rủi ro liên quan đến thực phẩm;

(2) *Luật Vệ sinh thực phẩm*, thuộc quyền hạn của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi (MHLW) - cơ quan quản lý các rủi ro về thực phẩm liên quan vệ sinh và an toàn của thực phẩm, nước giải khát. Cơ quan này định ra các quy chuẩn và quy định đối với thực phẩm, nước giải khát, dụng cụ chế biến và vật dụng đựng thực phẩm hay bao bì đóng gói, chất phụ gia, chất gây ngộ độc và dư lượng hóa chất nông nghiệp và nghiêm cấm việc mua bán, nhập khẩu các loại thực phẩm có chất gây hại;

(3) *Luật Khuyến khích bảo vệ sức khỏe*: cũng thuộc thẩm quyền của MHLW, đưa ra các hướng dẫn và biện pháp thực hiện để nâng cao sức khỏe toàn dân. Một trong các biện pháp là tăng cường việc quản lý dinh dưỡng thực phẩm, với hệ thống đánh giá và dán nhãn hiệu “thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt” cho những nhóm khác nhau như trẻ sơ sinh, trẻ em, phụ nữ có thai, người đang bệnh....

(4) *Luật Tiêu chuẩn nông nghiệp Nhật Bản*: thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (MAFF) với hệ thống bảo đảm chất lượng cho các mặt hàng thực phẩm và đồ uống (trừ rượu ra) và sản phẩm lâm

ngiệp. Các bộ tiêu chuẩn nông nghiệp Nhật Bản (JAS) hay thực phẩm hữu cơ Nhật Bản (JAS Organic) do Bộ này xây dựng.

(5) *Luật Bảo vệ cây trồng và Luật kiểm soát bệnh truyền nhiễm trên động vật trong nước*: đều thuộc thẩm quyền của MAFF. Đây là cơ quan bảo vệ và ngăn ngừa bệnh tật ở động thực vật trong nước và nhập khẩu;

(6) *Luật Nhãn hiệu thực phẩm*: Cơ quan các vấn đề người tiêu dùng định ra các tiêu chuẩn về nhãn hiệu như quốc gia xuất xứ, chất gây dị ứng, ngày hết hạn, thực phẩm chức năng.

2.2- Pháp luật thực phẩm của Nhật Bản tập trung vào kiểm soát chặt chẽ nguy cơ gây mất ATTP; kiểm soát, đánh giá rủi ro trong quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm và kiểm soát thực phẩm nhập khẩu; tăng trách nhiệm của nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

a) *Về kiểm soát nguy cơ*: Ở Nhật Bản, cơ quan quản lý nguy cơ được thiết lập trong Bộ Lao động, Y tế và Phúc lợi, Bộ Nông nghiệp, Ngư nghiệp và Thủy sản, Cục bảo vệ người tiêu dùng.

- Bộ Lao động, Y tế và Phúc lợi, dựa theo Bộ Luật ATTP thực hiện các biện pháp sau: (1) Thực hiện phòng ngừa phát sinh các nguy hại về mặt vệ sinh an toàn do nguyên nhân ăn uống; (2) Tiến hành quản lý thực phẩm được sử dụng để buôn bán kinh doanh.

- Bộ Nông nghiệp, Ngư nghiệp và Thủy sản, thực thi các biện pháp dưới đây để bảo đảm cung cấp thực phẩm an toàn; (3) Các biện pháp quản lý nguy cơ liên quan đến quá trình sản xuất trong nghiệp vụ liên quan đến; (4) Các biện pháp quản lý nguy cơ liên quan đến quá trình sản xuất trong nghiệp vụ liên quan đến bảo đảm ATTP nông lâm thủy sản; (5) Các biện pháp thúc đẩy, cải tiến sản xuất, lưu thông, tiêu thụ và chế biến sản phẩm nông lâm thủy sản.

- Cục Bảo vệ người tiêu dùng (căn cứ vào Luật bảo vệ người tiêu dùng thi hành từ năm 2004), lấy sự "hỗ trợ về sự độc lập của người tiêu dùng" và "tôn trọng các quyền của người tiêu dùng" làm gốc, có tính kỹ đến yếu tố quốc tế hóa đời sống tiêu dùng để đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng. Liên quan đến việc đảm bảo an toàn an tâm đối với thực phẩm, các cơ quan đánh giá rủi ro cùng với các cơ quan quản lý rủi ro phải đứng trên quan điểm của người tiêu dùng, đóng vai trò nòng cốt trong việc cung cấp đầy đủ thông tin và tập hợp mọi ý kiến phản ánh của người tiêu dùng đối với các chính sách.

b) Về kiểm soát đầu ra của thực phẩm được tập trung chủ yếu vào việc kiểm thành phẩm cuối cùng mà người dân sử dụng và xử phạt rất nặng nếu có vi phạm.

- Việc kiểm soát đầu ra khiến cho những người bán thực phẩm, bán hàng ăn từ cửa tiệm nhỏ ở đường phố đến khách sạn 5 sao luôn phải tự ý thức được việc mình mua thực phẩm, phụ gia từ ai, ở đâu. Những khách sạn, nhà hàng lớn phải tự lập ra bộ phận chuyên trách kiểm tra chất lượng đầu vào, còn những cửa hàng nhỏ phải liên kết lại trong các tổ chức hợp tác xã để hỗ trợ nhau thông tin xuất xứ của hàng hoá đầu vào. Ở bất cứ cửa hàng nào bán đồ ăn của Nhật Bản đều thấy một cái bảng nhỏ ghi rõ xuất xứ của thực phẩm ngay bên cạnh (chẳng hạn cá ngừ từ Aomori, cá hồi từ Tottori, hàu từ Miyagi, rau xanh từ Hokkaido, Chiba hay Ibaraki...). Luật vệ sinh thực phẩm cũng quy định rất rõ về quy cách, tiêu chuẩn sản phẩm, ngoài các yêu cầu chung như không được chứa chất kháng sinh, không được chiếu tia phóng xạ vào thực phẩm nhằm mục đích bảo quản; sử dụng các chất phụ gia, bảo quản thực phẩm; sản xuất, chế biến từ các nguyên phụ liệu; cấm buôn bán đối với thực phẩm mới nghiên cứu phát triển; thịt gia súc, gia cầm nhiễm bệnh; yêu cầu xuất trình các tài liệu về thành phần thuốc nông dược; yêu cầu tổng hợp quá trình sản xuất quản lý vệ sinh thực phẩm (HACCP). Đối với các mặt hàng cụ thể thì có các yêu cầu riêng.

- Về tổ chức quản lý ATTP: Nhật Bản phân định rất rõ: (1) Cơ quan hoạch định chính sách về ATTP là Bộ Lao động, Y tế và Phúc lợi Nhật Bản được giao trọng trách quản lý ATTP trong tất cả quá trình sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu (thực hiện kiểm tra những sản phẩm nhập khẩu và cấp giấy chứng nhận ATTP cho những sản phẩm xuất khẩu căn cứ theo thỏa thuận song phương), lưu thông, tiêu dùng; (2) Cơ quan thực hiện chính sách về ATTP: (i) Cấp khu vực: Gồm 7 Cơ quan Y tế và Phúc lợi vùng (Regional Bureau of Health and Welfare) chịu trách nhiệm quản lý ATTP đối với những cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thông qua: Tư vấn, đánh giá cơ sở, thanh tra cơ sở, phê duyệt, gia hạn, thu hồi phê duyệt cơ sở. Bên cạnh đó, Cơ quan Y tế và Phúc lợi còn thanh tra và phê duyệt phòng kiểm nghiệm có thẩm quyền để thực hiện những thử nghiệm kiểm tra riêng của cơ sở; (ii) Cấp địa phương: Những Cơ quan địa phương (Prefectural and municipal Governments) chịu trách nhiệm về: Thanh tra cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm, cấp giấy phép kinh doanh, thu hồi giấy phép kinh doanh, đình chỉ hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, Nhật Bản còn có 549 Trung tâm Y tế cộng đồng (Public Health Centers) chịu sự giám sát từ Cơ quan địa phương mang trách nhiệm thanh tra, hướng dẫn cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm làm theo những quy định ATTP.

3. Pháp luật thực phẩm của Liên minh Châu Âu (EU)

Pháp luật của Liên minh châu Âu về thực phẩm được thực hiện dưới dạng các quy định của EU gồm trên 10 Quy định, được 27 nước trong cộng đồng áp dụng trực tiếp. Đây là một thị trường lớn với yêu cầu kiểm soát chặt chẽ, minh bạch đối với thực phẩm và thức ăn chăn nuôi.

3.1. Quy định (EU) 178/2002 (Luật thực phẩm chung của EU) là văn bản luật quan trọng nhất đưa ra nguyên tắc và quy tắc chung về ATTP ở EU. Quy định này áp dụng cho tất cả các công đoạn sản xuất, chế biến và phân phối thực phẩm (từ trang trại đến bàn ăn). Quy định này áp dụng cho tất cả các khâu sản xuất, chế biến và phân phối thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Tuy nhiên, quy định này không áp dụng cho sản xuất cơ bản để tiêu dùng cá nhân hoặc chuẩn bị, phục vụ hoặc bảo quản thực phẩm để tiêu dùng trong gia đình.

a) Nguyên tắc chính của luật pháp về thực phẩm của EU: (1) Trách nhiệm đầu tiên đối với ATTP thuộc về cơ sở sản xuất và kinh doanh thực phẩm (FBO); (2) ATTP được đảm bảo trong suốt chuỗi thực phẩm “từ trang trại đến bàn ăn”, các quy trình đều dựa vào HACCP; (3) Nguyên tắc cẩn trọng: có thể áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro tạm thời để bảo vệ sức khỏe ở mức độ cao mà không phải chờ đợi bằng chứng khoa học; (4) Minh bạch: tham vấn công chúng và thông tin; (5) Áp dụng yêu cầu vệ sinh chung cơ bản và yêu cầu cụ thể đối với các nhóm thực phẩm nhất định; (6) Đăng ký hoặc phê duyệt cơ sở thực phẩm; (7) Linh hoạt cho thực phẩm được sản xuất ở vùng xa (ví dụ: vùng núi cao, hải đảo và sản xuất theo phương pháp truyền thống).

b) Mục tiêu chính của pháp luật EU về thực phẩm: Để đảm bảo bảo vệ tính mạng và sức khỏe con người và bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng ở mức độ cao; đảm bảo thực hiện công bằng trong thương mại thực phẩm, trong đó có xét đến sức khỏe và phúc lợi động vật, sức khỏe thực vật và môi trường; tạo thuận lợi cho thương mại thực phẩm an toàn trên toàn cầu.

c) Yêu cầu chính của Luật thực phẩm chung của EU: (1) Thực phẩm (và thức ăn chăn nuôi) không được mất an toàn; (2) Việc ghi nhãn, quảng cáo và trình bày đối với thực phẩm không được làm người tiêu dùng hiểu nhầm; (3) Doanh nghiệp thực phẩm phải có khả năng xác định doanh nghiệp đã cung ứng cho mình thực phẩm, nguyên liệu hoặc động vật làm thực phẩm, và xác định doanh nghiệp được mình cung ứng sản phẩm; và cung cấp những thông tin này khi được yêu cầu; (4) Thực phẩm mất an toàn không được phép bán trên thị trường hoặc phải được thu hồi từ người tiêu dùng nếu đã được bán.

d) Một số nội dung chính trong Luật chung của EU

- *Truy xuất nguồn gốc là nền tảng trong chính sách ATTP của EU*: Luật thực phẩm chung của EU đưa ra yêu cầu bắt buộc truy xuất nguồn gốc đối với tất cả các doanh nghiệp thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Truy xuất nguồn gốc là công cụ quản lý nguy cơ, công cụ này cho phép FBO hoặc cơ quan có thẩm quyền thu hồi sản phẩm từ nhà phân phối hoặc thu hồi từ người tiêu dùng những sản phẩm được xác định là không an toàn².

- *Hệ thống cảnh báo nhanh về thực phẩm và thức ăn chăn nuôi (RASFF)*: Quy định (EC) 178/2002 là cơ sở pháp lý của RASFF. Ủy ban Châu Âu xây dựng cơ sở dữ liệu RASFF để đảm bảo thông tin minh bạch hết sức có thể cho người tiêu dùng, cơ sở kinh doanh và cơ quan có thẩm quyền trên toàn thế giới. RASFF là kết quả cụ thể và hữu hình của việc thống nhất trong EC. Việc trao đổi thông tin về thực phẩm và thức ăn chăn nuôi liên quan đến nguy cơ đối với sức khỏe con người giúp đảm bảo sao cho tất cả các nước thành viên EC đều có hành động nhất quán và cùng lúc. Nhờ có RASFF, nhiều nguy cơ đe dọa ATTP đã được ngăn chặn trước khi có thể gây hại cho người tiêu dùng.

3.2. Quy định của EU về thuốc bảo vệ thực vật và dư lượng tối đa cho phép (MRL) trên thực phẩm (Quy định (EC) số 1107/2009, Quy định (EC) 396/2005).

- Luật pháp của EU (đặc biệt là Chỉ thị của Hội đồng 79/117/EEC) trước đây cấm đưa ra thị trường và cấm sử dụng những loại thuốc bảo vệ thực vật có chứa một số hoạt chất có thể gây hại tới sức khỏe con người hoặc môi trường ngay cả khi sử dụng có kiểm soát. Từ ngày 14/6/2011, việc marketing thuốc bảo vệ thực vật tại EU phải tuân thủ Quy định (EC) số 1107/2009. Quy định này cấm sử dụng mọi hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật nếu không được phê duyệt theo Quy định. Hoạt chất chỉ được phê duyệt nếu chứng minh được hoạt chất đó và dư lượng của nó không gây hại ngay hoặc sau đó đối với sức khỏe con người và động vật và không có ảnh hưởng không thể chấp nhận được đối với môi trường. Hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật được phê duyệt ở EU được liệt kê tại Quy định thực hiện (EC) 540/2011 và các bản sửa đổi của Quy định thực hiện này. Cũng có thể tìm thấy Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được EU phê duyệt trên website Cơ sở dữ liệu thuốc bảo vệ thực vật của EU. Kể từ năm 2005, MRL được thiết lập, trong đó sử dụng cách tiếp cận hài hòa ở EU, theo Quy định (EC) 396/2005 (Quy định MRL) của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng về MRL

² Theo luật của EU, “truy xuất nguồn gốc” nghĩa là khả năng truy xuất và theo dõi bất kỳ thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, động vật làm thực phẩm hoặc chất sẽ được sử dụng để tiêu dùng, thông qua toàn bộ các công đoạn sản xuất, chế biến và phân phối.

trên hoặc trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật và động vật.

- Theo Quy định (EC) 396/2005, sản phẩm có nguồn gốc thực vật và động vật không được chứa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nào vượt quá quy định cho phép.

3.3. Quy định của EU về chất gây ô nhiễm thực phẩm (không phải là thuốc bảo vệ thực vật) (Quy định Ủy ban (EC)1881/2006)

EU đã ban hành Quy định Ủy ban (EC)1881/2006 về thiết lập mức tối đa đối với một số chất gây ô nhiễm nhất định trên thực phẩm. Mức tối đa này được thiết lập cho các chất gây ô nhiễm mà người tiêu dùng EU quan ngại nhất, do độ độc hoặc do có nguy cơ phổ biến trong chuỗi thực phẩm. Chất gây ô nhiễm quan trọng nhất trên thực phẩm có nguồn gốc thực vật được kiểm soát chặt chẽ ở EU gồm: mycotoxin, kim loại nặng (ví dụ: chì và cadmium), dioxin và nitrate. Đồng thời, EU còn ban hành các Luật về Yêu cầu của EU về các tiêu chí vi sinh Trong quy định EC/2073/2005; Yêu cầu vệ sinh chung của EU đối với rau quả chưa cắt sẵn và nước rau quả chưa tiệt trùng, cần tập trung vào cơ sở chế biến đạt yêu cầu vệ sinh chung nêu tại Phụ lục II của EC/852/2004;

3.4. Quy định về văn hóa ATTP (Quy định EU 2021/382)

Quy định được ban hành vào ngày 3/3/2021 đã lồng ghép “Văn hóa an toàn thực phẩm” (FSC) vào nghĩa vụ của FBO (người sản xuất kinh doanh thực phẩm). Mục đích của văn hóa ATTP là nâng cao nhận thức và cải thiện hành vi của nhân viên về an toàn thực phẩm. Yêu cầu chung về văn hóa ATTP gồm có: (1) Người sản xuất kinh doanh thực phẩm (FBO) phải thiết lập, duy trì và cung cấp bằng chứng về văn hóa ATTP phù hợp bằng cách hoàn thành các yêu cầu như: (i) Cán bộ quản lý và nhân viên cam kết sản xuất và phân phối thực phẩm an toàn; (ii) Bộ phận lãnh đạo hướng tới sản xuất thực phẩm an toàn và thu hút tất cả nhân viên áp dụng các thực hành an toàn thực phẩm; (iii) Tất cả các nhân viên trong doanh nghiệp nhận thức được mối nguy đối với ATTP và tầm quan trọng của vệ sinh an toàn thực phẩm; (iv) Giao tiếp cởi mở và rõ ràng giữa tất cả nhân viên trong doanh nghiệp, trong từng hoạt động và giữa các hoạt động liên tiếp, trong đó có việc thông tin về các sai lệch và mong đợi; (v) Có đủ nguồn lực để đảm bảo chuẩn bị và chế biến thực phẩm an toàn, vệ sinh.

3.5. Yêu cầu của EU về thực phẩm chiếu xạ (Chỉ thị 1999/2/EC)

Có thể xử lý sản phẩm bằng biện pháp chiếu xạ theo các điều khoản nêu trong Chỉ thị 1999/2/EC. Thực phẩm được xử lý bằng biện pháp chiếu xạ không được nhập khẩu từ nước thứ ba vào EU nếu không: tuân thủ các điều kiện áp dụng cho các loại thực phẩm đó; có kèm theo giấy tờ cho biết tên và địa chỉ của cơ sở chiếu xạ, và

giấy tờ này cung cấp thông tin mà EU yêu cầu; được xử lý tại cơ sở chiếu xạ được EU phê duyệt, cơ sở này nằm trong danh sách cơ sở đã được EU phê duyệt; trên nhãn mác và bao bì phải ghi rõ đã được chiếu xạ; thông tin cần thiết cho từng lô thực phẩm được xử lý bằng biện pháp chiếu xạ gồm có: số lô, người yêu cầu xử lý chiếu xạ, ngày chiếu xạ, vật liệu đóng gói được dùng trong xử lý; dữ liệu về kiểm soát quá trình chiếu xạ; tham chiếu việc đo lường thẩm định liều ban đầu.

3.6. Quy định về tiêu chuẩn marketing (Quy định (EU) 543/2011)

Luật pháp Châu Âu đặt ra tiêu chuẩn marketing chung và cụ thể về chất lượng tối thiểu và độ chín tối thiểu của rau quả tươi. Các tiêu chuẩn này áp dụng cho cả chất lượng của sản phẩm và cách thức trình bày, phân loại và bán cho người tiêu dùng. Phần lớn rau quả đều phải tuân thủ Tiêu chuẩn marketing chung như nêu tại Phụ lục I, Phần A, Quy định (EU) 543/2011.

3.7. Quy định của EU về ghi nhãn và đóng gói (Quy định (EU) 1169/2011)

Cách ghi nhãn thực phẩm nói chung và thông tin tối thiểu cần in trên bao bì đều được quy định thống nhất toàn EU, căn cứ vào Quy định (EU) 1169/2011. Bao bì và thùng giấy dùng trong thương mại FFV (trái cây và rau tươi) phải có các thông tin sau: Tên và địa chỉ của nhà đóng gói hoặc người gửi; Tên và giống của sản phẩm (nếu sản phẩm không nhìn thấy được từ bên ngoài bao bì); Nước xuất xứ; Loại và kích cỡ; số lô để truy xuất hoặc chứng nhận GLOBAL GAP; xử lý sau thu hoạch: ví dụ như chất chống mốc được dùng trong xử lý cam quýt sau thu hoạch, cần phải được ghi trên bao bì thương mại; chứng nhận hữu cơ, bao gồm cả tên của cơ quan kiểm tra và số chứng nhận (nếu có)... Bao bì lưu thông trên thị trường Châu Âu phải đáp ứng các yêu cầu chung, các yêu cầu này nhằm mục đích bảo vệ môi trường, cũng như tuân thủ các điều khoản cụ thể để ngăn ngừa mọi nguy cơ đối với sức khỏe của người tiêu dùng.

3.8. Văn bản pháp luật mới về thực phẩm hữu cơ tại EU (Quy định (EU) 2018/848).

- Đây là văn bản luật pháp mới về hữu cơ, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022. Theo quy định mới này, sản phẩm nhập vào EU có thể được lưu thông trên thị trường là sản phẩm hữu cơ chỉ khi tuân thủ bộ quy tắc giống như sản phẩm sản xuất tại EU. Đây là sự chuyển dịch từ nguyên tắc tương đương sang nguyên tắc phù hợp. Trong quy định mới này sẽ có hai hệ thống nhập khẩu sản phẩm hữu cơ từ các nước không thuộc EU: Thỏa thuận thương mại: tất cả các nước thứ ba hiện được công nhận tương đương sẽ phải đàm phán lại các điều khoản của thỏa thuận thương mại theo quy trình mới của EU. Trong hệ

thống này, 13 nước thứ ba được công nhận gồm có: Argentina, Australia, Canada, Chile, Costa Rica, Ấn Độ, Israel, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thụy Sĩ, Tunisia, Hoa Kỳ và New Zealand; Cơ quan chứng nhận: nếu không có thỏa thuận thương mại, Ủy ban sẽ xây dựng danh sách các tổ chức/cơ quan kiểm tra được công nhận, các tổ chức /cơ quan này sẽ được ủy quyền để thực hiện kiểm tra và cấp chứng nhận ở nước thứ ba. Quy định này của EU sẽ được thực hiện như nhau cả trong và ngoài khối EU. Quy định cũng sẽ cho phép áp dụng linh hoạt trong một số trường hợp về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón thường được sử dụng tại nước thứ ba.

- Hiện nay, tại Việt Nam có hơn 10 tổ chức kiểm tra hữu cơ đã được EU công nhận đăng ký hoạt động. Các sản phẩm được nhập khẩu từ nước không phải là thành viên của EU có thể sẽ bị kiểm soát thêm hoặc đáp ứng thêm yêu cầu. Yêu cầu đối với chứng nhận kiểm tra điện tử: Tất cả các sản phẩm hữu cơ nhập khẩu vào EU đều phải có chứng nhận kiểm tra điện tử phù hợp (e-COI). Các sản phẩm này được quản lý thông qua hệ thống TRACES³. Chứng nhận kiểm tra gốc phải được trình cùng với sản phẩm hữu cơ nhập khẩu cho cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên EU. Thông thường, đó là cơ quan có thẩm quyền tại cửa khẩu nhập, hoặc điểm nhà nhập khẩu muốn giải phóng hàng để lưu thông tự do vào EU. Logo sản phẩm hữu cơ của EU giúp đưa ra đặc điểm nhận dạng hữu hình nhất quán cho sản phẩm hữu cơ do EU sản xuất và bán tại EU. Điều này giúp cho người tiêu dùng tại EU dễ dàng nhận dạng sản phẩm hữu cơ hơn và giúp nông dân tiếp thị sản phẩm ở tất cả các nước EU. Chỉ có thể dùng logo sản phẩm hữu cơ cho những sản phẩm đã được chứng nhận hữu cơ bởi cơ quan hay đơn vị kiểm soát được ủy quyền. Điều này có nghĩa là các sản phẩm đó đã đáp ứng điều kiện khắt khe về cách thức sản xuất, vận chuyển và bảo quản.

3.9. Kiểm soát chính thức ATTP của EU đối với sản phẩm nhập khẩu (Quy định EC 2017/625)

- Kiểm soát chính thức về ATTP do cơ quan có thẩm quyền thực hiện để:

(1) Đảm bảo sự an toàn và toàn vẹn của tất cả thực phẩm, sản phẩm thực phẩm và nguyên liệu ở từng công đoạn trong chuỗi nông sản thực phẩm; (2) Xác minh

³ Giấy chứng nhận có thể được chuẩn bị bởi nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu hoặc tổ chức kiểm tra của nhà xuất khẩu. Sau đó, chứng nhận này phải được cấp bởi tổ chức kiểm tra của nhà xuất khẩu theo 02 phương thức: (1) Nước tương đương: chứng nhận được cấp bởi tổ chức kiểm tra do cơ quan có thẩm quyền của nước đó chỉ định; (2) Tất cả các nước khác (trong đó có Việt Nam): chứng nhận được cấp bởi tổ chức kiểm tra do EU chỉ định. Nếu không có chứng nhận kiểm tra điện tử, sản phẩm sẽ không được thông quan tại cảng đến của EU.

rằng tất cả các đối tượng tham gia chuỗi nông sản thực phẩm đều tuân thủ yêu cầu pháp lý và tiêu chuẩn vệ sinh.

- Ủy ban Sức khỏe và An toàn thực phẩm của EC (DG-SANTE) chịu trách nhiệm về chính sách của EU đối với ATTP và sức khỏe, và chịu trách nhiệm giám sát thực thi các luật liên quan. Tổng vụ Directorate F – Kiểm tra và phân tích sức khỏe và thực phẩm là một phần của DG SANTE. Nhiệm vụ của Tổng vụ F là kiểm tra việc tuân thủ các yêu cầu luật pháp về an toàn và chất lượng thực phẩm, sức khỏe và phúc lợi động vật, và sức khỏe thực vật trong khối EU và nước thứ ba xuất sang EU.

Nhận xét: Pháp luật các nước đều hướng tới trách nhiệm của nhà sản xuất thực phẩm trên cơ sở truy xuất nguồn gốc thực phẩm; nhận diện và kiểm soát các mối nguy đối với ATTP, từ đó đề ra các phương thức kiểm soát thực phẩm thích hợp. Một số nước có đặt ra giới hạn kỹ thuật cho sản phẩm nhập khẩu dựa trên bằng chứng bảo đảm ATTP cho người tiêu dùng như thực phẩm chiếu xạ, thực phẩm hữu cơ.

B. THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

I. Công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền của Chính phủ, các bộ ngành, Ủy ban nhân dân các cấp hướng dẫn thi hành Luật ATTP

1- Số lượng, loại văn bản đã ban hành

- Sau khi Luật ATTP được Quốc hội ban hành năm 2010, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2011, Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng, trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền, gồm 01 Luật, 02 Chỉ thị của Thủ tướng, 17 Thông tư của Bộ Công Thương, 62 Thông tư của Bộ Y tế, 60 Thông tư của Bộ NN&PTNT (*chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*).

- Ở các địa phương, tỉnh ủy, HĐND, UBND cấp tỉnh ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, tổ chức thực hiện Luật cho phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm của địa phương. Việc ban hành và thực hiện Chương trình OCOP “mỗi xã một sản phẩm” đã thúc đẩy nâng cao chất lượng sản phẩm trong sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm đặc sản của mỗi địa phương góp phần quảng bá văn hóa, thu hút du lịch; đưa quản lý ATTP vào chiều sâu, đi vào thực chất.

- Cùng với các văn bản pháp luật theo hệ thống pháp luật về ATTP thì trong giai đoạn 2011-2023 cũng có nhiều văn bản pháp luật mới được ban hành, sửa đổi có liên quan đến ATTP theo pháp luật về Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật, Thú y, Thủy sản, Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Đầu tư, Ngân sách nhà nước, Luật quảng cáo, Bộ Luật

Hình sự, Luật thanh tra, Luật xử lý vi phạm hành chính đã tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho công tác quản lý ATTP, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Đồng thời, các địa phương đã ban hành trên 1500 văn bản quản lý (*chi tiết tại phụ lục 1b kèm theo*).

2- Đánh giá

2.1- Tính đầy đủ, đồng bộ, hội nhập quốc tế của các văn bản đã ban hành.

- Nhìn chung, văn bản chính sách pháp luật về ATTP thời gian qua được ban hành tương đối đầy đủ và kịp thời; nhiều văn bản hướng dẫn thi hành Luật ATTP đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế⁴; các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ATTP giai đoạn 2011-2023 về cơ bản đã bám sát quy định của Luật, sát thực với tình hình thực tế của địa phương và hội nhập quốc tế; (theo hướng quản lý theo phương thức hậu kiểm thay vì tiền kiểm như trước đây). Việc ban hành các văn bản đảm bảo tính đồng bộ trong chỉ đạo và triển khai thực hiện từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở.

- Hầu hết các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thực phẩm đều đã có quy định quản lý từ thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm, thực phẩm tươi sống đến thức ăn đường phố, thực phẩm chiếu xạ, thực phẩm biến đổi gen...; các nội dung cần hướng dẫn trong Luật ATTP đều đã được cụ thể hóa trong Nghị định, Thông tư hướng dẫn.

- Quy định về phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP được quy định rõ ràng, cụ thể hơn giai đoạn trước, những lĩnh vực giao thoa trong công tác quản lý ATTP được phân định rõ, bảo đảm nguyên tắc: một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

2.2- Tiến độ ban hành văn bản: Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ATTP cơ bản đảm bảo tiến độ thời gian. Tuy nhiên, vẫn còn một số hướng dẫn ban hành chậm làm ảnh hưởng đến quá trình thực thi pháp luật về ATTP tại địa phương, cụ thể như hướng dẫn các chỉ tiêu an toàn (vi sinh, hóa học) cho các sản phẩm, nhóm sản phẩm thực phẩm để thuận lợi trong việc tư vấn, hướng dẫn cơ sở thực phẩm thực hiện việc công bố hợp quy/ đăng ký bản công bố/tự công bố sản phẩm khi Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế đã bãi

⁴ như Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ATTP được sửa đổi 2 lần. Đầu tiên là Nghị định số 38/2012/NĐ-CP, sau là Nghị định 15/2018/NĐ-CP; Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT được sửa đổi, hoàn thiện từ Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT, Thông tư 14/2011/TT-BNNPTNT; Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung từ Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT); Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 11/9/2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung 05 Thông tư: Thông tư số 43/2014/TT-BYT về quản lý thực phẩm chức năng, Thông tư số 24/2019/TT-BYT về quản lý phụ gia thực phẩm, Thông tư số 48/2015/TT-BYT quy định về hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế, Thông tư số 18/2019/TT-BYT về hướng dẫn Thực hành sản xuất tốt (GMP) trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe, Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT về Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

bỏ gần như toàn bộ bởi Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 25/9/2023 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành (Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT chỉ còn duy nhất nội dung Phần 7 về Chất hỗ trợ chế biến). Các văn bản pháp luật Việt Nam còn chậm cập nhật sự thay đổi về quy định mới về ATTP trên thế giới như quy định về miễn giảm kiểm tra thực phẩm nhập khẩu; quản lý điều kiện bảo đảm ATTP...

2.3- Về chất lượng văn bản, tính khả thi:

Các văn bản ban hành đúng thẩm quyền, bám sát yêu cầu về quản lý nhà nước về ATTP, bảo đảm tính khả thi đã tạo hành lang pháp lý toàn diện và tương đối đầy đủ phục vụ công tác quản lý ATTP phù hợp với thực tiễn tình hình tại địa phương; đảm bảo tính pháp lý và phù hợp với các quy định pháp luật của Nhà nước về bảo đảm an toàn thực phẩm; đảm bảo tính khả thi trong thực hiện và phù hợp với thực tiễn tình hình tại địa phương. Hầu hết các văn bản đã ban hành tương đối phù hợp với tình hình và sát với thực tế của địa phương, tạo điều kiện tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn.

2.4- Về một số tồn tại, hạn chế:

- Hệ thống văn bản về quản lý chất lượng, ATTP tương đối đầy đủ nhưng số lượng văn bản còn nhiều gây khó khăn khi tra cứu, áp dụng phục vụ công tác quản lý ATTP của cơ quan quản lý và việc sản xuất, kinh doanh thực phẩm của cơ sở. Nội dung các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ATTP tập trung nhiều vào các quy định về quản lý và kỹ thuật mà ít đề cập đến các quy định về nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu ATTP.

- Một số quy định và cấp chứng nhận hợp quy về công bố hợp quy đối với sản phẩm thực phẩm chưa phù hợp với thực tiễn (giai đoạn 2011-2017) vì số lượng sản phẩm thực phẩm nhiều nhưng số lượng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia còn ít; điều kiện sản xuất, kinh doanh chưa sát đối với hộ sản xuất nhỏ lẻ (tuy sản xuất nhỏ lẻ nhưng cung cấp một khối lượng thực phẩm rất lớn cho nhu cầu của xã hội nếu không chú ý quản lý đối tượng này sẽ dẫn đến nguy cơ ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm rất lớn).

- Còn thiếu quy định về quản lý như: quy định về chỉ tiêu ATTP đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật, chưa đồng bộ để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay⁵, quy định về phân cấp trong điều tra ngộ độc thực phẩm, quy định về thu hồi Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy/ đăng ký bản công bố sản phẩm, chưa ban hành quy

⁵ ví dụ như chưa sửa đổi, bổ sung và ban hành Thông tư thay thế Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 31/12/2016 quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm cho phù hợp thông lệ quốc tế và qui định của Việt Nam).

chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, thiếu văn bản quy định về đảm bảo nguồn lực để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về ATTP; thiếu tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với các sản phẩm truyền thống của địa phương như tinh bột nghệ, dụng cụ ăn uống bằng tre và mo cau, men rượu...

- Do lĩnh vực ATTP rộng, liên quan đến nhiều quy định của nhiều pháp luật khác nhau nên một số quy định hướng dẫn Luật ATTP còn chưa đồng bộ. Ví dụ: quy định việc quản lý về ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP của 03 ngành chưa có sự thống nhất⁶; chưa thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về ATTP đối với loại hình kinh doanh dịch vụ ăn uống (cụ thể là loại hình nhà hàng trong khách sạn, bếp ăn tập thể không có đăng ký ngành nghề kinh doanh thực phẩm); chưa thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về ATTP đối với loại hình chợ...

- Một số khái niệm còn thiếu như sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn; chưa thống nhất giữa các luật như khái niệm “sản xuất thực phẩm” và “kinh doanh thực phẩm” chưa thống nhất giữa Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật ATTP; khái niệm “cấm sử dụng”, “danh mục được phép sử dụng”, “chưa được phép sử dụng”, “chưa được phép lưu hành tại Việt Nam”...chưa được thống nhất và giải thích rõ ràng trong các tiêu chuẩn và quy chuẩn để thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện Luật ATTP.

- Một số quy định còn chưa đồng bộ, khó triển khai. Cụ thể: tại điểm a, khoản 1 Điều 36 Luật ATTP, quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP trong đó quy định hồ sơ cấp có “Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về ATTP của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định của Bộ trưởng Bộ quản lý ngành”, khoản 1 Điều 10 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 5/2/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương quy định “Người trực tiếp sản xuất phải được tập huấn kiến thức ATTP và được chủ cơ sở xác nhận”. Tuy nhiên, các văn bản hướng dẫn Luật ATTP chưa quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm thuộc cơ quan nào thực hiện tập huấn kiến thức ATTP. Việc giao cho các doanh nghiệp, cá nhân tự tổ chức tập huấn không đảm bảo tính khách quan và tính hiệu quả trong thi hành pháp luật. Điều 37 Luật An toàn thực phẩm năm 2010 quy định giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm có hiệu lực trong thời gian 03 năm; trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hết hạn, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải nộp hồ sơ xin cấp

⁶ Đối với 02 ngành (NN&PTNT, Công thương) thì có các văn bản hướng dẫn quản lý bằng hình thức ký bản cam kết bảo đảm ATTP, riêng ngành Y tế không thực hiện hình thức ký bản cam kết bảo đảm ATTP.

lại...;như vậy, thời gian làm hồ sơ để cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP trước ngày hết hạn là quá dài, gây khó khăn cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm

II. Việc xây dựng, công bố, áp dụng tiêu chuẩn; xây dựng, ban hành, áp dụng quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm và các quy định kỹ thuật để quản lý.

1- Kết quả đạt được

- Theo thống kê chưa đầy đủ, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ công tác quản lý chất lượng ATTP gồm trên 2.000 tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; trên 68% TCVN được xây dựng trên cơ sở chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế. Chỉ tính riêng ngành nông nghiệp đã có 31 QCVN và 743 TCVN⁷ làm công cụ kỹ thuật quản lý chất lượng, ATTP cho từng công đoạn theo chuỗi sản xuất kinh doanh sản phẩm nông, lâm thủy sản; về chất lượng đã tương đồng hoặc tiệm cận các chuẩn mực về an toàn thực phẩm của các tổ chức quốc tế (FAO, CODEX,...) và các nước có hệ thống quản lý ATTP tiên tiến (EU, Mỹ, Nhật,...). Ngành Y tế với trên 65 QCVN về phụ gia thực phẩm, sữa và sản phẩm sữa, bao bì, giới hạn chất ô nhiễm đối với thực phẩm; Xây dựng và chuyển Bộ Khoa học và Công nghệ công bố 123 TCVN về phương pháp thử; Xây dựng và ban hành quy định kỹ thuật về mức giới hạn đối với phụ gia thực phẩm; thuốc bảo vệ thực vật; vi chất dinh dưỡng trong thực phẩm và thuốc thú y trong thực phẩm...Ngành Công Thương đã xây dựng và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và ban hành TCVN về Chợ kinh doanh thực phẩm phục vụ công tác quản lý ATTP. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để hướng dẫn các địa phương quản lý an toàn thực phẩm tại chợ kinh doanh thực phẩm, là cơ sở để chứng nhận chợ đạt chuẩn theo các cấp độ đề ra. Hiện nay Bộ Công Thương đã hỗ trợ và hướng dẫn 63/63 địa phương xây dựng mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, chợ theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11856:2017-Chợ kinh doanh thực phẩm, nhiều địa phương đã thực hiện và nhân rộng mô hình thí điểm chợ kinh doanh thực phẩm thành công hoặc huy động các nguồn vốn xã hội hóa để thực hiện.

- Việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về ATTP và các quy định kỹ thuật để quản lý đã được các cấp, ngành thực hiện nghiêm túc; kịp thời áp dụng, triển khai các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định về điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống do các Bộ NN&PTNT, Công Thương, Y tế ban hành. Hầu hết các cơ sở sản xuất, kinh doanh (SXKD) nông thủy sản lớn trên địa bàn các địa phương đều có ý thức áp

⁷ Theo báo cáo số 7597/BNN-QLCL ngày 14/11/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn vào quá trình sản xuất, kinh doanh, đầu tư nâng cấp nhà xưởng phù hợp với hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến.

- Theo thống kê sơ bộ, đến tháng 6 năm 2024 đã có 38 tỉnh, thành phố ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt như Nghệ An, Cần thơ, Long An, Ninh Thuận....; tỉnh Trà Vinh đã ban hành 01 quy chuẩn kỹ thuật địa phương về Quy trình sản xuất và sản phẩm rượu Xuân Thạnh và 05 quy chuẩn kỹ thuật địa phương khác; tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành 04 quy chuẩn kỹ thuật về ATTP đối với các sản phẩm, thực phẩm sản xuất trên địa bàn tỉnh: Quy chuẩn địa phương đối với sản phẩm mè xừng Huế; Quy chuẩn địa phương đối với sản phẩm tôm chua Huế; Quy chuẩn địa phương đối với sản phẩm Chả Huế, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với sản phẩm ruốc Huế⁸.

- Việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật về ATTP và các quy định kỹ thuật đã được các Bộ ngành, Sở và UBND các cấp triển khai, phổ biến đến cơ sở, người dân.

2- Tồn tại, hạn chế

- Hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ATTP được ban hành còn chưa đầy đủ gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Việc phân công các bộ xây dựng các quy định giới hạn ATTP cho các sản phẩm mình quản lý rồi chuyển cho Bộ Y tế ban hành chưa phù hợp, chưa đảm bảo thống nhất, đồng bộ, đầy đủ cho các sản phẩm do 03 bộ quản lý.

- Còn nhiều sản phẩm thực phẩm sản xuất nhỏ lẻ, các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế của các bộ ngành/ quy định quốc tế nên quá trình triển khai hậu kiểm còn gặp nhiều khó khăn. Tính đến thời điểm hiện tại, nhiều địa phương chưa xây dựng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với các sản phẩm mang tính đặc sản, đặc trưng vùng miền của địa phương (mắm, nem chua, tương, chè,...). Tỷ lệ các sản phẩm thực phẩm có áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về ATTP so với sản phẩm thực phẩm được sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ trên thị trường còn thấp. Hiện nay việc sản xuất sản phẩm rất đa dạng nhưng số lượng tiêu chuẩn, quy chuẩn chưa đảm bảo cho công tác quản lý vẫn còn thiếu, đặc biệt là đối với những thực phẩm truyền thống. Số lượng các Quy chuẩn địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý.

- Các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ rất khó áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về ATTP. Nhiều thực phẩm mang tính đặc sản vùng miền đang

⁸ Theo báo cáo số 363/BC-UBND ngày 23/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế

được các địa phương phát triển thương hiệu hoặc sản phẩm OCOP (One Commune One Product - Mỗi xã một sản phẩm) nhưng vẫn chưa có quy chuẩn kỹ thuật địa phương để áp dụng, quản lý.

C- TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUẬT ATTP

I- Công tác chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện Luật ATTP của Chính phủ, bộ ngành, Ủy ban nhân dân các cấp

1- Kết quả đạt được

1.1- Ở Trung ương:

- Giai đoạn 2011-2023 đánh dấu sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với công tác bảo đảm ATTP. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, UBND các cấp theo chức năng nhiệm vụ được giao đã khẩn trương ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan chức năng thực hiện. Nhiều văn bản mang tính chiến lược đã được ban hành để chỉ đạo các bộ, ngành và địa phương triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm ATTP⁹.

- Thủ tướng Chính phủ thường xuyên chỉ đạo trực tiếp qua các buổi họp Ban chỉ đạo (BCĐ) liên ngành, giao ban trực tuyến với các địa phương về công tác ATTP hoặc trực tiếp thị sát, kiểm tra tình hình ATTP tại một số điểm nóng, qua đó đã giải quyết dứt điểm các vụ việc nóng như: gà nhập lậu, sử dụng chất cấm trong chăn nuôi (Salbutamol, vàng ô...) hay cá chết hàng loạt ở miền Trung do sự cố môi trường biển, các thông tin không chính xác liên quan đến nước mắm... Hoạt động của các BCĐ liên ngành đã được tăng cường cả ở Trung ương và địa phương. Nội dung hoạt động có nhiều sự đổi mới, tập trung vào thanh tra, kiểm tra liên ngành, xử lý sự cố ATTP, giải quyết các vướng mắc trong phân công, phân cấp quản lý ATTP¹⁰.

- Đoàn thanh tra liên ngành đã có sự đổi mới theo hướng tăng cường thanh tra đột xuất, áp dụng thí điểm thanh tra chuyên ngành ATTP tuyến huyện, xã¹¹. Nhiều vấn đề vướng mắc trong quản lý ATTP đã được tháo gỡ, nhiều vụ vi

⁹ Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật ATTP; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định 20/2018/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia ATTP giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030, Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới; UBND các tỉnh đã ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia ATTP làm căn cứ cho hoạt động quản lý ATTP của địa phương...

¹⁰ đã ban hành 03 Thông tư liên tịch để xử lý các vấn đề liên ngành trong phân công, phối hợp quản lý ATTP.

¹¹ Theo Quyết định số 38/2015/QĐ-TTg, Quyết định số 47/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Thí điểm triển khai thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm tại huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và xã, phường, thị trấn thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố của 09 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Gia Lai

phạm pháp luật về ATTP bị phát hiện, bắt giữ kịp thời¹². Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 38/2015/QĐ-TTg thí điểm triển khai thanh tra chuyên ngành ATTP tại quận, huyện, thị xã và phường, xã, thị trấn của Tp. Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh và Quyết định số 47/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thí điểm triển khai thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm tại huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và xã, phường, thị trấn thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố của 09 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Gia Lai bước đầu đã thành công.

- Thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới, các tỉnh đã tăng cường chỉ đạo công tác quản lý ATTP; chỉ đạo quyết liệt việc kiện toàn BCD liên ngành về ATTP các cấp với Chủ tịch UBND làm Trưởng ban nhằm nhấn mạnh vai trò và quy định trách nhiệm của người đứng đầu địa phương. Do vậy, công tác chỉ đạo, điều hành ATTP ở địa phương đã chuyển biến rõ rệt; trách nhiệm của các Bộ, ngành, cấp chính quyền đối với công tác ATTP được làm rõ, đề cao. Đến nay 52 tỉnh/thành phố có Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp làm Trưởng Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP.

- Các Bộ Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương trong phạm vi quyền hạn của mình đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện Chiến lược quốc gia ATTP giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam 2011-2020; Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn 2045. Trên cơ sở chiến lược, các bộ đã xây dựng và ban hành các đề án như: Đề án đẩy mạnh hoạt động truyền thông về ATTP giai đoạn đến 2015, Đề án nâng cao năng lực thanh tra chuyên ngành ATTP, Đề án đào tạo nguồn nhân lực bảo đảm ATTP, Đề án quy hoạch tổng thể ngành nông nghiệp cả nước đến năm 2030; phát triển các chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn; Đề án “Tăng cường năng lực quản lý chất lượng ATTP nông lâm thủy sản giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030”...trên cơ sở đó, cơ cấu lại các ngành sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng phát huy tiềm năng, lợi thế và đặc điểm, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và gắn với sản xuất hàng hoá, xuất khẩu; các văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện quản lý trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình.

¹² Như vụ giữ 411 tấn chân và và phù tạng tại tỉnh Lạng Sơn, thu giữ 202 tấn thực phẩm không rõ nguồn gốc tại tỉnh Nghệ An.

- Đối với ngành nông nghiệp, được phân công quản lý ATTP đối với 19/33 nhóm ngành hàng về ATTP, Bộ đã tập trung cho công tác xây dựng thể chế; cải cách hành chính mà trọng tâm là cắt giảm thủ tục hành chính, kiểm tra chuyên ngành, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Hàng năm, đã ban hành các chỉ thị, công điện, văn bản chỉ đạo về tăng cường quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, tăng cường kiểm tra, thanh tra ATTP, kiểm soát việc lạm dụng hóa chất, kháng sinh trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản; đồng thời, ban hành kế hoạch hành động năm cao điểm vệ sinh ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp; tập trung nguồn lực triển khai 04 nhiệm vụ trọng tâm là: (1) Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hướng dẫn thi hành Luật ATTP; (2) Tăng cường thông tin, truyền thông về ATTP, đặc biệt là giới thiệu, quảng bá các nông sản thực phẩm an toàn đến người tiêu dùng; (3) Phát triển các chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn; (4) Chuyển mạnh từ thanh tra theo kế hoạch sang thanh tra đột xuất nhằm ngăn chặn sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, hóa chất, kháng sinh trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

- Đối với ngành công thương: Được phân công quản lý đối với 8/33 nhóm ngành hàng về an toàn thực phẩm. Hàng năm thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, Bộ Công Thương tăng cường chỉ đạo công tác bảo đảm an toàn thực phẩm thông qua lồng ghép vào các chỉ đạo về bình ổn thị trường dịp cuối năm và Tết Nguyên đán, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại.

- Đối với ngành y tế được phân công quản lý đối với 6/33 nhóm sản phẩm đã thực hiện kiểm soát tốt đối với các nhóm ngành được phân công quản lý; xử lý và chỉ đạo kịp thời các vụ ngộ độc thực phẩm; theo dõi hướng dẫn công tác thí điểm thanh tra chuyên ngành, mô hình tổ chức Ban quản lý ATTP tại 3 tỉnh; các văn bản chỉ đạo, điều hành chung về công tác ATTP trong cả nước.

1.2- Ở địa phương:

- Tỉnh ủy, HĐND, UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch, kết luận thực hiện các văn bản của Đảng về ATTP như: (1) hướng dẫn về tổ chức sản xuất, dồn điền đổi thửa, tổ chức các mô hình sản xuất hàng hóa tập trung trong lĩnh vực nông nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp; kế hoạch triển khai thực hiện các văn bản pháp luật cho phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; (2) ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, triển khai công tác QLNN về ATTP; (3) giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đối với lĩnh vực ATTP; (4) thành lập, kiện toàn BCĐ liên ngành về ATTP do Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban. Hiện 100% huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn đồng

chí Chủ tịch UBND làm Trưởng ban chỉ đạo theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Chính phủ.

- UBND cấp tỉnh kiện toàn BCD liên ngành về ATTP các cấp, trong đó Chủ tịch UBND làm Trưởng ban nhằm tăng cường vai trò và quy định trách nhiệm của người đứng đầu địa phương trong kiểm soát ATTP. Hằng năm, BCD liên ngành về ATTP cấp tỉnh ban hành kế hoạch, giao chỉ tiêu chuyên môn, hướng dẫn triển khai công tác QLNN về ATTP; chỉ đạo quán triệt các ngành, địa phương triển khai công tác ATTP theo quy định của Luật ATTP¹³; đánh giá xếp loại cấp huyện, xã về quản lý ATTP; hướng dẫn thực hiện các phương án xử trí sự cố về ATTP; tăng cường chỉ đạo, thực hiện vào các dịp cao điểm trong năm; định kỳ tổ chức hội nghị kiểm điểm công tác QLNN về ATTP để rút kinh nghiệm, định hướng triển khai nhiệm vụ trong kỳ kế tiếp. Các Sở, ngành thành viên BCD liên ngành về ATTP tỉnh; UBND cấp huyện, xã; Ủy ban MTTQ và các đơn vị thành viên các cấp: Căn cứ nội dung chỉ đạo của UBND, BCD liên ngành về ATTP tỉnh đã chủ động ban hành văn bản, chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thuộc ngành, địa phương, đoàn thể tích cực triển khai thường xuyên công tác truyền thông, thanh tra, kiểm tra về ATTP và phòng, chống các sự cố về ATTP; tăng cường thực hiện vào các dịp cao điểm trong năm như dịp Tết, lễ hội, Tháng hành động vì ATTP, mùa hè, các sự kiện được tổ chức trên địa bàn.

- UBND cấp tỉnh đã kịp thời ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành để hướng dẫn, cụ thể hóa quy định của Luật ATTP trong quản lý ATTP trên địa bàn; xây dựng các cơ chế chính sách hỗ trợ về nông nghiệp, nông thôn trình Hội đồng nhân dân (HĐND) ban hành phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội (KT-XH) của tỉnh. Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP; quy định phân công, phân cấp về ATTP đến các cấp chính quyền huyện, xã... Hoạt động cung cấp thông tin về ATTP cho người dân cho cộng đồng được thực hiện thường xuyên; triển khai các giải pháp bảo đảm ATTP tạo sự chuyển biến trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước về ATTP và nâng cao nhận thức của xã hội về bảo đảm ATTP.

- UBND cấp tỉnh đã tăng cường thông tin, truyền thông về ATTP, đặc biệt là giới thiệu, quảng bá các nông sản thực phẩm an toàn đến người tiêu dùng;

¹³ trong đó giải pháp chỉ đạo nêu rõ: “Các cấp ủy Đảng, chính quyền tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, đơn vị chức năng thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm quản lý ATTP theo đúng quy định từ Điều 61 đến Điều 70 Luật ATTP; thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công, phân cấp quản lý của Chính phủ; các bộ, ngành Trung ương và của UBND tỉnh; kịp thời xử lý dứt điểm các điểm nóng về ATTP được dư luận xã hội, người tiêu dùng quan tâm, phản ánh trên địa bàn; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức trong việc chỉ đạo, thực hiện đảm bảo ATTP. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương từ cấp xã đến cấp tỉnh, hằng năm phải đưa công tác bảo đảm ATTP là một nhiệm vụ trọng tâm, phải chịu trách nhiệm khi để xảy ra vi phạm pháp luật về ATTP trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý”

công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật của nhà nước về ATTP với nhiều hình thức khác nhau, qua đó nâng cao được nhận thức của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm cũng như hiểu biết của người dân trong việc lựa chọn, sử dụng thực phẩm an toàn.

2- Tồn tại, hạn chế

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể còn xem nhẹ vai trò, vị trí của công tác ATTP nên chưa quan tâm đầu tư đúng mức trong lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, giáo dục, kiểm tra, giám sát công tác quản lý ATTP. Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người dân chưa cao nên vẫn còn tình trạng không tuân thủ những quy định của pháp luật.

- Việc thay đổi phương thức quản lý ATTP được quy định trong Nghị định 15/2018/NĐ-CP với việc chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp nhưng lại đặt ra mối lo ngại về quản lý chất lượng sản phẩm lưu thông trên thị trường. Các sản phẩm tự công bố một cách dễ dàng, không qua xét duyệt của các cơ quan chuyên môn. Trong khi đó hoạt động thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm do thiếu nhân lực, thiếu trang thiết bị cần thiết, thiếu kinh phí nên hoạt động hậu kiểm của cơ quan quản lý chỉ đáp ứng được một phần yêu cầu so với thực tế, hiệu lực hoạt động hạn chế, nhất là trong bối cảnh lượng sản phẩm tự công bố ngày càng phong phú. Vì vậy, từ khi thực hiện tự công bố đã tồn tại nhiều các sản phẩm công bố không đúng, không đầy đủ, thậm chí không công bố sản phẩm do mình sản xuất, kinh doanh, dẫn đến nhiều sản phẩm không được hậu kiểm.

- Phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về ATTP còn hạn chế; phần lớn cán bộ làm công tác ATTP cấp huyện, cấp xã hoạt động kiêm nhiệm nên hiệu quả chưa cao. Bên cạnh đó, thiếu công chức làm công tác thanh tra chuyên ngành. Lực lượng làm công tác an toàn thực phẩm còn thiếu, chưa được đầu tư nguồn lực tương xứng yêu cầu của công tác quản lý và khối lượng công việc được giao. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thuộc Sở Y tế vừa thực hiện công tác bảo đảm an toàn thực phẩm liên ngành, đồng thời thực hiện công tác bảo đảm an toàn thực phẩm chuyên ngành lĩnh vực ngành Y tế quản lý là quá thiếu, những năm gần đây liên tục bị giảm chỉ tiêu biên chế được giao; cán bộ thực hiện quản lý về ATTP tại Sở Công Thương thực hiện công tác kiêm nhiệm, không có đơn vị quản lý an toàn thực phẩm riêng. Cán bộ quản lý ATTP tại các phòng Kinh tế, Nông thôn của Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao nhiệm vụ quản lý ATTP thuộc ngành Công Thương, Nông nghiệp; cán bộ quản lý ATTP tại UBND cấp xã cũng làm công tác kiêm nhiệm, chưa chuyên tâm và thiếu chuyên môn trong quản lý ATTP. Lực lượng cán bộ chuyên trách về ATTP

trong lĩnh vực công thương cấp quận, huyện, xã, phường hiện nay chưa được bố trí đầy đủ. Việc xử lý vi phạm sau thanh tra, kiểm tra có lúc không kịp thời, thiếu kiên quyết làm hạn chế hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý về an toàn thực phẩm.

- Phần lớn các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm chủ yếu là hộ gia đình, cơ sở nhỏ lẻ và hoạt động theo mùa vụ nên việc tiếp nhận và duy trì quy định về ATTP hạn chế. Số lượng các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy mô nhỏ lẻ trên địa bàn các tỉnh rất nhiều và thường xuyên biến động, trong khi Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ, cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ, nhà hàng trong khách sạn, bếp ăn tập thể không có đăng ký ngành nghề kinh doanh thực phẩm thuộc diện không phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Các cơ sở thực phẩm thuộc quản lý của ba ngành ở tuyến xã chủ yếu là kinh doanh nhỏ lẻ đa lĩnh vực nên việc phân loại hình thuộc ngành nào quản lý còn chưa rõ ràng, dẫn đến việc tổng hợp, thống kê, theo dõi và báo cáo số liệu tại tuyến xã độ chính xác chưa cao.

II. Tổ chức, kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý ATTP ở trung ương, cơ quan chuyên môn về quản lý ATTP ở địa phương

1- Kết quả đạt được

1.1- Đã củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý từ trung ương tới địa phương đáp ứng yêu cầu tình hình mới

- Tại Trung ương: Theo Luật ATTP, quản lý nhà nước về ATTP được phân công cho 03 bộ: Y tế, NN&PTNT, Công Thương quản lý theo chuỗi cung cấp thực phẩm với từng nhóm ngành hàng cụ thể: Bộ Y tế chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về ATTP. Tại mỗi bộ có đơn vị giúp Bộ trưởng trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ATTP. BCĐ liên ngành Trung ương về ATTP (cơ quan thường trực là Bộ Y tế) được thành lập do một Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban để chỉ đạo việc phối hợp hoạt động giữa các Bộ trong các vấn đề liên ngành.

+ Bộ Y tế đã kiện toàn tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Cục An toàn thực phẩm bảo đảm năng lực quản lý; tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị chức năng trong Bộ đảm đương thực hiện nhiệm vụ. Củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý và thanh tra chuyên ngành ATTP đáp ứng yêu cầu tình hình mới. Rà soát, hoàn thiện phân công, phân cấp, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan cùng cấp cũng như giữa cấp trung ương và địa phương.

+ Bộ Công Thương: tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về ATTP được củng cố từ trung ương đến địa phương. Tại Trung ương, Bộ Công Thương giao Vụ Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối, tham mưu cơ chế chính sách và tổ chức triển khai

quản lý nhà nước về ATTP, phối hợp thực hiện là Tổng cục Quản lý thị trường và Vụ Thị trường trong nước.

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: đã hình thành hệ thống cơ quan quản lý chất lượng, ATTP bao gồm Cục Chất lượng, Chế biến và phát triển thị trường làm đầu mối, **02** Tổng Cục (Thủy sản, Lâm nghiệp), **05** Cục chuyên ngành (Thú y, Bảo vệ thực vật, Trồng trọt, Chăn nuôi, Chế biến Nông lâm thủy sản và Nghề muối; Kinh tế Hợp tác và Phát triển nông thôn); Thanh tra Bộ NN&PTNT. Các đơn vị: Văn phòng Điều phối Quốc gia nông thôn mới; **02** Trung tâm (Tin học và Thống kê; Khuyến nông Quốc gia) phối hợp triển khai nhiệm vụ. Bộ đã rà soát, ban hành chức năng nhiệm vụ của các Cục, Tổng cục, trong đó làm rõ phân công nhiệm vụ quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm theo từng chuỗi sản phẩm. Bộ đã ban hành **02** Nghị quyết và **01** Kế hoạch triển khai thực hiện **02** Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương; chỉ đạo các đơn vị tiến hành rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu quả.

- Tại địa phương:

+ UBND các cấp thực hiện quản lý nhà nước về ATTP trong phạm vi địa phương. BCĐ liên ngành về ATTP các cấp (được thành lập tới cấp xã và đang được kiện toàn theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ với Chủ tịch UBND là Trưởng ban) có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp hoạt động liên ngành tại địa phương. Có **03** tỉnh/thành phố thực hiện thí điểm mô hình Ban quản lý ATTP (Đà Nẵng, Hồ Chí Minh, Bắc Ninh). Sau khi tổng kết thí điểm mô hình Ban Quản lý ATTP, hiện nay thành phố Hồ Chí Minh đã thành lập Sở An toàn thực phẩm. Riêng tỉnh Cà Mau, UBND tỉnh đã chuyển chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành Công thương sang Sở Y tế chịu trách nhiệm quản lý.

+ Tham mưu giúp UBND huyện có các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện gồm: Văn phòng HĐND và UBND/Phòng Y tế; Phòng NN&PTNT, Phòng Kinh tế/Kinh tế hạ tầng.

1.2- Hoàn thiện việc phân công, phân cấp; cơ chế phối hợp giữa các cơ quan cùng cấp cũng như giữa cấp trung ương và địa phương trong công tác quản lý nhà nước về ATTP.

- Theo Luật ATTP, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quản lý nhà nước về ATTP được phân công cho ba Bộ: Y tế, NN&PTNT và Công Thương theo nguyên tắc quản lý theo chuỗi cung cấp thực phẩm với từng nhóm thực phẩm, ngành hàng cụ thể. Bộ Y tế chịu trách nhiệm chung đồng thời trực tiếp quản lý **06** nhóm ngành hàng; Bộ Công Thương quản lý **08** nhóm ngành hàng; Bộ

NN&PTNT quản lý 19 nhóm ngành hàng. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP cũng phân định rõ trách nhiệm quản lý về ATTP của chính quyền địa phương để hạn chế tối đa chồng chéo trong quản lý. Bộ Y tế chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về ATTP. Tại mỗi bộ có đơn vị giúp Bộ trưởng trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ATTP. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 300/QĐ-TTg ngày 13/3/2018 về việc kiện toàn BCD liên ngành Trung ương về ATTP do một Phó Thủ tướng làm Trưởng ban để chỉ đạo việc phối hợp hoạt động giữa các Bộ trong các vấn đề liên ngành.

- Tại các địa phương đã có phân công, phân cấp trách nhiệm rõ ràng: (1) UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm trước Chính phủ về ATTP tại địa phương. Tham mưu giúp UBND tỉnh là Sở Y tế, Sở NN&PTNT, Sở Công Thương. Sở Y tế (Thường trực BCD liên ngành về ATTP) chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về ATTP trên địa bàn. Các sở đều có đơn vị giúp giám đốc Sở trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ATTP trên địa bàn¹⁴; (2) cấp huyện: UBND quận, huyện chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về ATTP trên phạm vi địa bàn. Tham mưu giúp UBND huyện có các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện gồm: Phòng Y tế; Phòng NN&PTNT hoặc Phòng Kinh tế/Kinh tế và hạ tầng; (3) Cấp xã: UBND xã, phường chịu trách nhiệm trước UBND quận, huyện về ATTP trên phạm vi địa bàn. Trạm Y tế xã, phường, thị trấn hiện nay chỉ có cán bộ chuyên môn làm chung các lĩnh vực y tế, trong đó có ATTP, chưa có chuyên trách trong lĩnh vực ATTP. Tại một số địa phương được giao cho 01 cán bộ kiêm nhiệm làm công tác ATTP chung của 3 ngành.

1.3- Đã kiện toàn nhân lực cho các đơn vị QLNN và tham gia QLNN về ATTP; các đơn vị tuyến tỉnh đã củng cố, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra chuyên ngành về ATTP.

- Về biên chế, nhân sự: Ở trung ương, các đơn vị thuộc Bộ NN&PTNT, Bộ Y tế, Bộ Công Thương cơ bản được bố trí đủ nguồn lực triển khai nhiệm vụ. Ở địa phương, giai đoạn 2011-2016, UBND các tỉnh, thành phố đã quan tâm bố trí biên chế (gồm công chức, viên chức và lao động hợp đồng) cho các Chi cục, trung bình mỗi Chi cục được giao 15,3 người, nhiều Chi cục được giao ít hơn 10 biên chế; giai đoạn 2016-2021 có nhiều biến động về tổ chức, nhân sự thực hiện

¹⁴ Sở Y tế có Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm làm đầu mối; Sở Nông nghiệp và PTNT có Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản là cơ quan đầu mối cùng Chi cục Trồng trọt - Bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi - Thú y, Chi cục Thủy sản có nhiệm vụ quản lý chất lượng VTNN, ATTP; Sở Công Thương có các phòng chức năng để tổ chức triển khai thực hiện công tác bảo đảm ATTP và thực hiện phân cấp quản lý ATTP trên địa bàn theo chỉ đạo của Bộ Công Thương và của UBND tỉnh/TP trực thuộc TW.

nhiệm vụ quản lý chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản do có sự sắp xếp, bố trí lại tổ chức nên có giảm.

- Theo số liệu thống kê từ 63 tỉnh/thành phố thì nhân lực làm công tác ATTP tuyển tỉnh là 3.536 người (trung bình mỗi tỉnh 65,47 người) cho cả 3 ngành; cấp huyện là 3.601 người, cấp xã là 24.062 người. Tính riêng biên chế chuyên làm công tác ATTP của 53 Chi Cục ATVSTP, 1 Sở An toàn thực phẩm, 02 Ban Quản lý ATTP, 8 Phòng ATTP thuộc Sở Y tế và 62 Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản là **2.373** người, trung bình mỗi chi cục có 19 biên chế. Ngành Công Thương không có bộ phận chuyên trách.

1.4- Hoạt động của Ban chỉ đạo liên ngành ATTP được tăng cường: Thực hiện quán triệt, triển khai các nội dung theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 và Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP trong tình hình mới, BCD liên ngành về VSATTP các cấp (được thành lập tới cấp xã và đang được kiện toàn theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ với Chủ tịch UBND là trưởng ban) có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp hoạt động liên ngành tại địa phương, đến nay đã có **52** địa phương kiện toàn lại BCD do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố làm Trưởng ban. Nhờ đó, hoạt động phối hợp liên ngành về quản lý ATTP cũng được đẩy mạnh, công tác ATTP được chỉ đạo sâu sát hơn từ tuyển tỉnh đến tuyển xã. Hàng năm, BCD liên ngành về ATTP tuyển tỉnh, huyện, xã thường xuyên được củng cố và kiện toàn. BCD liên ngành về ATTP tại các cấp do đồng chí Chủ tịch UBND làm Trưởng ban theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP. Thông qua hệ thống BCD liên ngành về ATTP từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã, công tác quản lý ATTP tại các địa phương cơ bản đã vận hành thống nhất và hiệu quả.

1.5- Về thí điểm thành lập Ban Quản lý ATTP tại một số địa phương (Tp Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bắc Ninh) đã đạt được những kết quả đáng kể: Ban quản lý ATTP được thành lập trên cơ sở tiếp nhận nhân sự từ 03 Sở (Y tế, Công Thương, NN&PTNT), do đó việc thống nhất một đầu mối quản lý ATTP không làm tăng biên chế của tỉnh, thành phố. Do vậy, việc chỉ đạo, thực hiện, phối hợp trong công tác quản lý ATTP được chặt chẽ, hiệu quả; sử dụng tiết kiệm hiệu quả nguồn lực. Ban QLATTP tập trung được một đầu mối kiểm tra, thanh tra thuận lợi cho doanh nghiệp khi chỉ có một cơ quan quản lý ATTP tiến hành kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm với tần suất theo quy định, tránh chồng chéo giữa các ngành, các cấp, thuận lợi hơn so với trước khi thành lập Ban quản lý ATTP. Công tác hậu kiểm được tăng cường. Ban Quản lý ATTP

tập trung một đầu mối trong giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực ATTP đã tạo sự tin nhiệm và thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết các thủ tục hành chính về an toàn thực phẩm, đơn giản hóa thủ tục hành chính từ tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp phép, quản lý làm tăng tỷ lệ hài lòng của người dân đối với cung cấp dịch vụ hành chính công về an toàn thực phẩm.

- Đối với Ban quản lý ATTP thành phố Hồ Chí Minh: Căn cứ Nghị quyết số 98/2023-QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh đã thành lập Sở An toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động từ ngày 1/1/2024.

- Đối với Ban Quản lý ATTP Đà Nẵng: UBND thành phố Đà Nẵng trình Chính phủ đề trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung đối với Nghị quyết số 119/2020/QH14 của Quốc hội về việc thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng, trong đó có bổ sung nội dung thành lập Sở An toàn thực phẩm thành phố Đà Nẵng.

Đối với Ban Quản lý ATTP Bắc Ninh: ngày 25/1/2024 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 105/QĐ-TTG về việc kéo dài thí điểm hoạt động của Ban Quản lý ATTP Bắc Ninh, kéo dài thời gian hoạt động của Ban Quản lý ATTP Bắc Ninh kể từ ngày 25/1/2024 cho đến khi có Quyết định của cơ quan có thẩm quyền đối với mô hình tổ chức chính thức về quản lý ATTP tỉnh Bắc Ninh. Đồng thời, Chính phủ đã giao Ủy ban nhân dân, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn việc kiêm nhiệm nhiệm vụ theo dõi công tác ATTP đối với công chức cấp xã¹⁵.

2-Tồn tại, hạn chế

2.1- Hệ thống quản lý, mô hình tổ chức bộ máy quản lý về ATTP trên toàn quốc chưa thống nhất, chưa tương xứng với nhiệm vụ được giao.

Việc thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW tại các địa phương khác nhau nên một số địa phương đã sáp nhập các cơ quan chuyên môn. Đối với ngành Y tế, hệ thống Chi Cục ATVSTP tại các địa phương được thành lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Tuy nhiên, hiện nay sau khi Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy

¹⁵ Trong Nghị Quyết số 106/NQ-CP ngày 10/10/2017 về phiên họp thường kỳ tháng 9 năm 2017.

ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được ban hành, trong đó giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyền thành lập, giải thể, sát nhập các Chi Cục thuộc Sở. Theo đó, một số tỉnh như Bắc Giang, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Bình Thuận, Bắc Cạn, Phú Yên, Tuyên Quang, Hậu Giang đã yêu cầu giải thể Chi Cục ATVSTP và thành lập Phòng ATTP thuộc Sở Y tế (một số địa phương khác cũng đang có xu hướng này). Việc giải thể Chi Cục ATVSTP ảnh hưởng tới sự thống nhất và đồng bộ của toàn bộ hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về ATTP từ trung ương tới địa phương, ảnh hưởng tới hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về ATTP của ngành Y tế nói riêng và lĩnh vực ATTP toàn quốc nói chung. Đối với ngành Nông nghiệp, các chi cục trong nông nghiệp thành đơn vị cấp phòng thuộc sở NN&PTNT gây khó khăn trong hoạt động; Hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y tại các địa phương cũng có nhiều xáo trộn do việc tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị trực thuộc Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gây nhiều khó khăn, bất cập trong công tác kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y và quản lý ATTP có nguồn gốc từ động vật.

2.2- Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về ATTP còn phân tán, chưa tập trung đầu mối,

- Tại tuyến tỉnh đang giao cho ba ngành quản lý dẫn đến việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn có lúc hiệu quả chưa cao; tuyến xã chủ yếu hoạt động kiêm nhiệm, không có cán bộ chuyên trách nên trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về công tác quản lý ATTP còn hạn chế (một số nơi giao cho ngành Y tế đảm nhiệm các hoạt động về ATTP; ngành Công Thương không có cán bộ phụ trách công tác ATTP tuyến xã).

- Ở cấp tỉnh, cấp huyện: trừ ngành y tế có Chi cục ATVSTP; còn ngành nông nghiệp và công thương, tuy được giao quản lý ATTP nhưng không có bộ phận chuyên trách quản lý. Nhiều địa phương quản lý ATTP của lĩnh vực nông nghiệp được giao cho phòng Kinh tế nên chưa bố trí cán bộ chuyên trách làm nhiệm vụ quản lý về ATTP mà chủ yếu hoạt động kiêm nhiệm, lực lượng cán bộ mỏng nên việc tham mưu, quản lý còn nhiều hạn chế. Đối với ngành Công Thương, mới có hệ thống quản lý đến UBND các huyện, thành, thị. Tuyến tỉnh công tác quản lý nhà nước về ATTP giao cho các phòng thuộc Sở Công Thương kiêm nhiệm, trong đó Phòng Quản lý công nghiệp là đầu mối về quản lý ATTP và thực hiện quản lý nhà nước về ATTP trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thực phẩm, đồng thời phối hợp với Thanh tra Sở và các phòng chuyên môn thực hiện việc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, liên ngành về ATTP nhưng không

có bộ phận chuyên trách về ATTP dẫn đến tình trạng thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ phục vụ cho việc thanh tra, kiểm tra về ATTP.

- Tuyển huyện nguồn nhân lực còn mỏng và chưa có đầu mối về công tác ATTP; hiện tại chưa có cán bộ chuyên trách thực hiện công tác quản lý chất lượng ATTP, chủ yếu là kiêm nhiệm, trung bình 1 người/quận hoặc huyện. Đối với ngành nông nghiệp, do không có tổ chức Trạm Quản lý chất lượng (QLCL) trên địa bàn các huyện, thị xã nên rất khó khăn khi triển khai nhiệm vụ QLCL ở cơ sở, công tác theo dõi giám sát tổng hợp báo cáo không được thường xuyên, liên tục.

- Tuyển xã, phường, thị trấn: Ủy ban nhân dân xã, phường chịu trách nhiệm về ATTP trên phạm vi địa bàn. Tuy nhiên, trên thực tế không có cán bộ làm công tác chuyên trách ATTP lĩnh vực nông nghiệp ở cấp xã nên nhiệm vụ này giao cho cán bộ khuyến nông hoặc cán bộ phụ trách nông nghiệp, cán bộ văn hóa kiêm nhiệm. Các cơ sở thực phẩm thuộc quản lý của ngành Công Thương ở tuyến xã phụ thuộc hoàn toàn vào lực lượng quản lý thị trường nên việc quản lý, thống kê báo cáo không được kịp thời.

2.3- Nguồn lực tại các địa phương chưa đáp ứng để triển khai đầy đủ các nhiệm vụ quản lý, thanh tra về ATTP theo phân công, phân cấp.

- Nhân lực làm công tác ATTP còn ít, đa số kiêm nhiệm; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ ở cơ sở còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế. Nguồn lực, điều kiện làm việc, trang thiết bị cho công tác quản lý ATTP còn hạn chế. Biên chế cán bộ làm công tác quản lý chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản tại hệ thống Cục và các địa phương cũng như cơ sở vật chất phục vụ cho quản lý tại địa phương chưa đảm bảo yêu cầu, tiếp tục bị cắt giảm hàng năm. Đa số cán bộ làm công tác ATTP tuyển huyện, xã còn kiêm nhiệm nhiều việc, không được đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực ATTP, thường xuyên thay đổi vị trí công việc nên việc nắm bắt các nội dung của ATTP chưa sâu, đa số sản xuất kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ nên khó kiểm tra, giám sát, và thường xuyên thay đổi nhân sự nên rất khó khăn trong việc hướng dẫn và đào tạo chuyên sâu công tác ATTP; ở một số xã còn giao cho cán bộ văn hóa phụ trách kiêm nhiệm lĩnh vực ATTP. Nhân lực tuyến xã đặc biệt thiếu, chỉ có nhân lực của ngành y tế (thuộc trạm y tế xã) theo dõi công tác ATTP. Hiện nay tại các văn bản từ Luật ATTP, các Nghị định và các Thông tư chưa có văn bản nào quy định chức năng, nhiệm vụ của công chức cấp xã theo dõi về ATTP.

- Việc thực hiện cơ chế thí điểm Ban Quản lý ATTP ở một số địa phương như Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Bắc Ninh, Thành phố Đà Nẵng, Ban Quản lý ATTP còn một số lúng túng trong thanh tra, xử phạt vi phạm hành chính trong

lĩnh vực ATTP. Khối lượng công việc của Ban Quản lý hiện nay rất lớn nhưng nguồn nhân lực thực hiện công tác bảo đảm ATTP còn chưa đủ mạnh cả về số lượng và chất lượng.

III- Về bảo đảm điều kiện kỹ thuật cho công tác ATTP; tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức kiểm nghiệm, kiểm định thực phẩm; nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực ATTP

1. Kết quả đạt được

1.1- Bảo đảm điều kiện kỹ thuật cho công tác ATTP: Nhìn chung, các bộ, địa phương cơ bản được bố trí trụ sở làm việc, đầy đủ trang thiết bị, điều kiện làm việc để triển khai nhiệm vụ. Các phòng kiểm nghiệm chuyên ngành đã được đầu tư, nâng cấp cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

1.2- Nghiên cứu khoa học và công nghệ trong quản lý ATTP

Các bộ, ngành đã có một số đề tài nghiên cứu phục vụ công tác quản lý nhà nước về ATTP về một số chỉ tiêu, ngưỡng giới hạn về ATTP; tổ chức sản xuất, quy trình sản xuất bảo đảm ATTP. Hoạt động nghiên cứu khoa học đã hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý thông qua việc điều tra, đánh giá tình hình ATTP trên một số địa bàn; xác định những vấn đề còn hạn chế, bất cập, qua đó giúp định hướng cho công tác quản lý nhà nước về ATTP hiệu quả hơn. Các đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực ATTP ngày càng được chú trọng hơn về nội dung cũng như tính ứng dụng thực tế. Tuy nhiên, số lượng các nhiệm vụ nghiên cứu còn thấp so với yêu cầu quản lý; việc xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật còn chưa được xây dựng trên kết quả nghiên cứu khoa học. Công tác nghiên cứu khoa học là cơ sở cho việc xây dựng chiến lược, nâng cao chất lượng quản lý trong lĩnh vực ATTP đã được quan tâm nhưng số lượng đề tài nghiên cứu chưa nhiều; nghiên cứu khoa học về thực phẩm, dinh dưỡng chưa chú trọng.

1.3- Tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức kiểm nghiệm, kiểm định thực phẩm

- Đến nay, cả nước hiện có trên 167 phòng kiểm nghiệm thực phẩm; 103 phòng kiểm nghiệm thực phẩm cấp tỉnh được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025, trong đó có 58 phòng kiểm nghiệm được chỉ định phục vụ quản lý ATTP. Bộ NN&PTNT cũng chỉ định 24 phòng thử nghiệm phục vụ cho quản lý ATTP, 13 tổ chức chứng nhận hợp quy; đề nghị đình chỉ, đình chỉ một phần đối với 01 phòng kiểm nghiệm, 01 tổ chức chứng nhận; Bộ Công Thương cũng chỉ định 28 cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm ngoài công lập; chỉ định /ủy quyền cho 9 cơ quan kiểm tra nhà nước về thực phẩm nhập khẩu; chỉ định 1 cơ sở kiểm

nghiệm trọng tài¹⁶. Bộ Y tế chỉ định 43 phòng kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước, 03 đơn vị kiểm nghiệm kiểm chứng, 01 đơn vị kiểm nghiệm giảm định. Các bộ đã chỉ định 215 phòng thử nghiệm, 49 tổ chức chứng nhận hợp quy để phục vụ công tác quản lý ATTP của ngành. Tuy nhiên, một số tỉnh vẫn chưa có phòng kiểm nghiệm nên việc xét nghiệm các mẫu vẫn phải gửi các tỉnh lân cận. Ở Trung ương, các đơn vị thuộc Bộ đã cơ bản được bố trí trụ sở làm việc, đầy đủ trang thiết bị, điều kiện làm việc để triển khai nhiệm vụ, các phòng kiểm nghiệm chuyên ngành đã được đầu tư, nâng cấp cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ (*chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo*).

- Trong giai đoạn 2011 -2023, đã có 25 phòng kiểm nghiệm thực phẩm được Bộ NN&PTNT chỉ định và duy trì được hiệu lực chỉ định. Quyết định chỉ định các phòng kiểm nghiệm ATTP có hiệu lực trong vòng 3 năm và mỗi năm đều có hoạt động đánh giá giám sát, những nội dung không đạt yêu cầu được phát hiện trong quá trình đánh giá giám sát sẽ ban hành quyết định đình chỉ hiệu lực nội dung tương ứng. Các phòng kiểm nghiệm này ở các cấp độ khác nhau đều đã được đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại; một số phòng kiểm nghiệm được trang bị máy móc thiết bị tương đương với các nước thuộc nhóm đầu ở ASEAN để phân tích được hầu hết các chỉ số về ATTP theo qui định quốc tế như: Sắc ký khối phổ phân giải cao phân tích Dioxin; thiết bị đo hàm lượng phóng xạ; quang phổ phát xạ khối phổ phân tích kim loại nặng; sắc khí lỏng, sắc khí ký khối phổ phân tích tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phụ gia thực phẩm; thiết bị PCR thời gian thực phân tích thực phẩm biến đổi gen.... Cơ chế hoạt động chủ yếu của các phòng kiểm nghiệm được chỉ định là cung cấp dịch vụ và thu phí để duy trì hoạt động. Cán bộ, nhân viên các phòng kiểm nghiệm đều đã được đào tạo trong và ngoài nước.

- Để tăng cường năng lực quản lý nhà nước về ATTP, Bộ Công Thương đã đầu tư, mua sắm một số trang, thiết bị (máy tính, máy in di động, máy ảnh,...) phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ cho đơn vị đầu mối quản lý ATTP của Bộ; trang bị một số máy móc, thiết bị kỹ thuật và xe chuyên dụng phục vụ công tác kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về ATTP cho cơ quan quản lý thị trường Trung ương và địa phương¹⁷. Bộ NN&PTNT đã huy động nguồn lực xã hội tham gia các hoạt động kiểm nghiệm, tư vấn, chứng nhận chất lượng, ATTP. Đến nay đã có 28 phòng thử nghiệm được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước về ATTP nông lâm thủy sản. Đồng thời, Bộ NN&PTNT đã tăng

¹⁶ Báo cáo số 6329/BCT-KHCN, ngày 13/9/2023 về tổng kết 10 năm thi hành Luật ATTP.

¹⁷ gồm: 08 bộ Kist kiểm tra các chỉ tiêu hóa sinh ATTP; 100 test nhanh Histamine; 48 test nhanh Ecoli; 48 test nhanh Samolela; 04 Cồn kể; 01 Máy đo nước đa chỉ tiêu; 02 tủ lạnh bảo quản mẫu, ủy quyền cho 23 Chi cục.

cường chỉ đạo các địa phương tổ chức sản xuất tập trung, quy mô lớn, kiểm soát ATTP ngay từ các yếu tố đầu vào và liên kết sản xuất với tiêu thụ nông sản thực phẩm an toàn. Bên cạnh đó, các Trạm chẩn đoán xét nghiệm và điều trị bệnh động vật; Trạm chẩn đoán xét nghiệm và điều trị bệnh động vật (thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y) được Bộ NN&PTNT chỉ định là cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ QLNN về ATTP; các Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật có phòng thí nghiệm bố trí cán bộ kiểm tra nhanh định tính dư lượng thuốc BVTV. Nhìn chung, cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác quản lý trong lĩnh vực ATTP.

2- Tồn tại, hạn chế

Thiết bị kiểm nghiệm, kiểm tra nhanh tại hiện trường, phần lớn các địa phương còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu quản lý do thiếu kinh phí đầu tư. Công tác kiểm nghiệm về ATTP chưa theo kịp nhu cầu thực tiễn. Năng lực của các phòng kiểm nghiệm tại địa phương còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý nhà nước về ATTP. Hiện nay còn nhiều chỉ tiêu chưa kiểm nghiệm được như: các độc tố tự nhiên có sẵn trong thực phẩm, định tính được liệu trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe, xác định hàm lượng phụ gia trong thực phẩm ... Cùng với đó, công tác kiểm nghiệm về ATTP chưa phát triển theo kịp nhu cầu thực tiễn, việc kiểm nghiệm các chỉ tiêu chưa chuyên sâu, nhiều mẫu vẫn phải gửi về đơn vị kiểm nghiệm trung ương thực hiện. Một đơn vị kiểm nghiệm muốn được thực hiện kiểm nghiệm ATTP đối với tất cả các loại sản phẩm thực phẩm thì phải được Bộ Công Thương và Bộ NN&PTNT chỉ định kiểm nghiệm phục vụ QLNN đối với các sản phẩm thuộc các bộ chuyên ngành quản lý; một số mẫu xét nghiệm phục vụ QLNN phải gửi về các trung tâm kiểm nghiệm tuyến trên dẫn đến kéo dài thời gian, khó khăn cho việc xử lý vi phạm...

IV. Về đầu tư ngân sách cho công tác quản lý ATTP

1. Kết quả đạt được

1.1-Giai đoạn 2011- 2020: Ngân sách cho công tác ATTP tại Trung ương và địa phương chủ yếu từ nguồn kinh phí sự nghiệp và Chương trình mục tiêu quốc gia VSATTP (giai đoạn 2011- 2015); Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số (2016- 2021). Trong đó, Chương trình mục tiêu quốc gia vệ sinh ATTP, theo Quyết định 1228/QĐ-TTg Chương trình có tổng mức vốn là 4.139 tỷ đồng (giai đoạn 2012-2015), trong đó NSTW 1.949 tỷ đồng, chiếm 47%; NSDP: 1.320 tỷ đồng, chiếm 32%. Tuy nhiên tính cả năm 2011 đến 2015 thì tổng nguồn vốn là 1.251,49 tỷ đồng, mới chỉ chiếm 30,2% so với tổng mức vốn được phê duyệt, trong đó vốn đầu tư là 94 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 1.147,49 tỷ đồng. Đối với bố trí từ nguồn kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn

2016-2020, cho thực hiện dự án số 4 về ATTP (Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ) với tổng nguồn vốn là 2.964 tỷ đồng, trong đó NSTW là 1.225 tỷ đồng; NSDP là 1.100 tỷ đồng.

(chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo)

1.2- *Giai đoạn 2021-2023*: do không còn Chương trình mục tiêu nên ngân sách cấp cho hoạt động ATTP tại Trung ương được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên với tổng kinh phí: 36,52 tỷ đồng. Nguồn huy động tại địa phương cho công tác ATTP là 252,5 tỷ đồng

- Đối với Bộ NN&PTNT¹⁸, theo thống kê chưa đầy đủ của Bộ NN&PTNT, đầu tư ngân sách nhà nước về cho công tác ATTP của Bộ NN&PTNT giai đoạn 2011-2021 là 1.048,687 tỷ đồng trong đó: (1) Chương trình mục tiêu quốc gia vệ sinh ATTP giai đoạn 2011-2015 là: 278,42 tỷ đồng; (2) Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 là: 260,05 tỷ đồng; (3) Nguồn khác là: 510,217 tỷ đồng. Ngoài ra, bên cạnh nguồn kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia vệ sinh ATTP (2011-2015), chương trình Y tế - dân số (2016-2020) và kinh phí sự nghiệp kinh tế nông nghiệp, ngành NN&PTNT cũng sử dụng các nguồn kinh phí khác để triển khai nhiệm vụ quản lý ATTP như: một phần nguồn thu được để lại phục vụ trực tiếp cho quản lý ATTP (phí, lệ phí); sự hỗ trợ kỹ thuật quốc tế qua các dự án như: ODA của WB, ADB, Canada, Nhật, Hàn Quốc, FAO, Úc... hỗ trợ ngành nông nghiệp và PTNT triển khai nâng cao năng lực kiểm soát ATTP nông sản, thủy sản, xây dựng mô hình kiểm soát ATTP...

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về vệ sinh an toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2015 và Chương trình mục tiêu Y tế-Dân số giai đoạn 2016-2020, Bộ Công Thương đã triển khai hướng dẫn, hỗ trợ kinh phí cho 62/63 tỉnh xây dựng 70 mô hình chợ thí điểm bảo đảm vệ sinh ATTP trên cả nước và xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành Tiêu chuẩn quốc gia về chợ kinh doanh thực phẩm

1.3- Ở địa phương:

- Kinh phí cho ATTP từ nguồn NSDP, một phần từ nguồn chương trình mục tiêu quốc gia vệ sinh ATTP (2011-2015), chương trình Y tế dân số (2016-2021). Từ năm 2017, kinh phí cho công tác quản lý ATTP tại địa phương còn được đảm bảo bố trí tương ứng với số thu tiền xử phạt vi phạm hành chính về ATTP nộp ngân sách địa phương theo Nghị quyết số 27/2016/QH14 ngày 11/11/2016 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 và Nghị quyết số 43/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện chính sách pháp luật về ATTP. Ngoài ra, không

¹⁸ Báo cáo số 7597/BNN-QLCL, ngày 14/11/2022 của Bộ NN&PTNT về tổng kết 10 năm thi hành Luật ATTP

có nguồn kinh phí từ các nguồn khác. Kinh phí đầu tư cho ATTP của Trung ương từ Chương trình mục tiêu Quốc gia chỉ cấp cho một số địa phương cho phần mua sắm trang thiết bị kỹ thuật.

- Theo thống kê của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổng kinh phí cho công tác quản lý ATTP giai đoạn 2017- 2021 có tăng hơn giai đoạn 2011 – 2016 từ 11,4 tỷ lên 18,7 tỷ/tỉnh/năm. Tuy nhiên, con số này còn là thấp so với yêu cầu.

- Nhìn chung, Chính phủ, các bộ và địa phương đã quan tâm chỉ đạo, bố trí NSNN để đảm bảo cho hoạt động quản lý nhà nước về ATTP, đảm bảo phù hợp với hoạt động đặc thù của từng ngành, địa phương, phù hợp tình hình thực tế của từng hoạt động chuyên môn và theo đúng quy định của Luật NSNN. Từ đó, hoạt động ATTP được đẩy mạnh giúp cho người dân nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi tạo sức lan tỏa trong cộng đồng về sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm an toàn. Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị đã tích cực huy động sự tham gia vào cuộc của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và Nhân dân đối với các hoạt động đảm bảo ATTP.

2- Tồn tại, hạn chế

- Đầu tư ngân sách cho quản lý ATTP mặc dù đã được quan tâm, tuy nhiên về mức đầu tư còn rất hạn chế so với mục tiêu được đặt ra trong Nghị quyết số 43/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm giai đoạn 2016 - 2020 cũng như Chiến lược quốc gia về ATTP (kinh phí Bộ NN&PTNT được cấp để triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2011-2015 chỉ đạt 29,68% so với kế hoạch đề xuất; giai đoạn 2016- 2021, Bộ Y tế xây dựng tiêu chí, định mức phân bổ vốn dự án hàng năm và thông báo tới Bộ NN&PTNT nên cũng là một khó khăn lớn để đảm bảo hiệu quả quản lý ATTP đặc biệt là hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, giám sát, thanh tra, kiểm tra đòi hỏi phải có nguồn lực từ ngân sách, chưa tương xứng với phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT (quản lý toàn bộ chuỗi sản xuất của 19/33 nhóm ngành hàng).

- Ở địa phương, từ năm 2021, kết thúc chương trình mục tiêu Y tế - dân số nên các tỉnh không có nguồn NSNN cho công tác ATTP. Nguồn ngân sách đầu tư cho công tác bảo đảm ATTP còn thấp so với chức năng nhiệm vụ được giao; ngân sách đầu tư cho công tác ATTP còn hạn chế; nhiều xã, phường chưa bố trí ngân sách đầu tư cho công tác ATTP. Kinh phí chi từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động bảo đảm ATTP còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu công việc ở một số đơn vị, nhất là tuyến cơ sở; chưa bố trí nguồn kinh phí cho công tác quản lý ATTP trong nông lâm thủy sản tại cấp huyện, cấp xã và đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện phục vụ công đảm bảo ATTP của

ngành Công Thương (về trang bị kỹ thuật, test nhanh và chi phí kiểm nghiệm thực phẩm); ngành Nông nghiệp chưa bố trí được đủ kinh phí để lấy mẫu phân tích chất lượng ATTP; cấp huyện, cấp xã chưa bố trí được kinh phí cho công tác quản lý chất lượng ATTP.

- Tổng kinh phí đầu tư cho công tác quản lý ATTP trong các năm 2015-2021 giảm nhiều so với năm 2011. Từ khi Nghị định số 15/2018/NĐ-CP được ban hành, nhiều thủ tục hành chính về cấp phép như đăng ký công bố với các sản phẩm thực phẩm thông thường; cấp giấy Chứng nhận đủ điều kiện ATTP đối với các nhà hàng trong khách sạn, đối với các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ... được miễn giảm, nguồn thu từ phí, lệ phí cũng giảm, trong khi công tác đảm bảo ATTP ngày càng yêu cầu đầu tư về con người, trang thiết bị dụng cụ, kinh phí cho công tác kiểm nghiệm, lấy mẫu, tiêu hủy mẫu.....

- Nguồn kinh phí cho công tác đảm bảo ATTP chủ yếu là từ nguồn kinh phí thường xuyên được giao hàng năm. Hiện chưa huy động được các nguồn lực xã hội từ các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước để phục vụ quản lý nhà nước về ATTP. Do đầu tư ngân sách nhà nước thấp lại không có cơ chế thích hợp để bổ sung nguồn lực nên nhiệm vụ của công tác quản lý ATTP không được thực hiện hoặc thực hiện chưa tốt như: công tác quy hoạch vùng, cơ sở ATTP, quy hoạch cơ sở giết mổ tập trung; chưa bố trí đủ kinh phí để lấy mẫu phân tích chất lượng ATTP điều tra, giám sát nguy cơ gây ô nhiễm thực phẩm... Nguồn kinh phí cấp cho công tác quản lý ATTP hàng năm chưa kịp thời (Thường cấp vào Quý II, QIII), ảnh hưởng tới kế hoạch và tiến độ thực hiện các hoạt động chuyên môn...

V. Thực thi trách nhiệm quản lý nhà nước của Chính phủ, các bộ, ngành, UBND các cấp

1-Kết quả đạt được

- Chính phủ, các bộ Y tế, NN&PTNT, Công Thương đã chủ động, tích cực triển khai Chỉ thị số 08/CT-TW, Kết luận số 11- KL/TW; Luật ATTP và các văn bản hướng dẫn theo lĩnh vực được phân công phụ trách. Công tác xây dựng thể chế; cải cách hành chính mà trọng tâm là cắt giảm thủ tục hành chính, kiểm tra chuyên ngành, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được triển khai tốt, tạo sự chuyển biến tích cực góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành, sản phẩm. Các cơ quan địa phương nghiêm túc thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ và Bộ ngành, hướng dẫn các cơ sở thuộc địa bàn quản lý thực hiện theo đúng quy định về đảm bảo ATTP.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản, chỉ đạo thực hiện Luật ATTP; quy định về phân công, phân cấp và phối hợp quản lý về ATTP cho từng

sở ngành, đến tận cấp huyện, xã thực hiện đồng bộ, thống nhất trong công tác quản lý ATTP; hạn chế được sự đùn đẩy trách nhiệm cũng như sự chông chéo giữa các ngành; đưa các chỉ tiêu, nhiệm vụ về ATTP vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Các văn bản của UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai khá toàn diện trên các mặt công tác, theo đó đã phân công rõ trách nhiệm cụ thể giữa các ngành, các cấp trong việc quản lý cũng như triển khai các biện pháp bảo đảm ATTP trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Luật ATTP.

Công tác đảm bảo ATTP được triển khai khá đồng bộ; đạt kết quả và có nhiều chuyển biến tích cực; nguồn lực để đảm bảo ATTP được tăng cường. Trách nhiệm của chính quyền các cấp, của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thực phẩm được nâng cao; nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình có ý thức sản xuất theo các quy trình, tiêu chuẩn an toàn, hướng đến nền nông nghiệp hữu cơ; các hình thức liên kết, hợp tác và các chuỗi giá trị. Công tác thanh tra, kiểm tra; thông tin, tuyên truyền cũng được tăng cường thực hiện với nhiều hình thức, nội dung đa dạng, phong phú và đạt được một số hiệu quả tích cực cụ thể như tuyên truyền, phổ biến các kiến thức chung về ATTP, các văn bản pháp luật quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm¹⁹.

- Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP các cấp được thành lập và thường xuyên được kiện toàn củng cố, do đồng chí Chủ tịch UBND làm Trưởng Ban, có Quy chế hoạt động của BCD liên ngành; hoạt động của các Ban góp phần tăng cường sự phối hợp trong việc quản lý, huy động sự tham gia tích cực của toàn xã hội; theo dõi, đánh giá tình hình ATTP ở địa phương; tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, nhất là vào các đợt cao điểm như: tết Nguyên đán, lễ hội, tết Trung thu, “Tháng hành động vì ATTP”... Công tác phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị chức năng có liên quan được tăng cường; hoạt động thanh tra chuyên ngành, kiểm tra, kiểm soát thị trường nhằm ngăn ngừa và khắc phục sự cố về ATTP. Qua đó nhằm phát hiện kịp thời, truy xuất nguồn gốc thực phẩm, thu hồi và xử lý nghiêm các vi phạm đối với thực phẩm không bảo đảm an toàn.

- Việc thành lập mô hình thí điểm Ban quản lý ATTP kết hợp lực lượng từ 03 Sở (Y tế, Công Thương, NN&PTNT) là một bước đột phá trong quản lý ATTP. Các Ban Quản lý với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định cụ thể, rõ ràng đã tập trung giải quyết vướng mắc về cơ chế phối hợp quản lý ATTP trên địa bàn tỉnh/thành phố. Ban Quản lý đã xây dựng và triển khai kế

¹⁹ về sử dụng thuốc, hóa chất, kháng sinh cấm trong nuôi trồng thủy sản và trong thú y; các qui định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc 4 đúng, các cơ sở kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật không mua, bán thuốc bảo vệ thực vật ngoài danh mục, cấm, giả phục vụ trong sản xuất; các điều khoản trong Bộ Luật Hình sự... đến các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh.

hoạch hành động tập trung vào các điểm chính: (1) Nâng cao nhận thức về bảo đảm ATTP cho cộng đồng và người hành nghề, đồng thời đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, hướng đến sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp trong công tác cấp phép ATTP; (2) Xây thực phẩm sạch trong cả hai khâu sản xuất và kinh doanh phân phối: phát triển chuỗi thực phẩm an toàn, nông sản sạch, truy xuất nguồn gốc, giám sát chất lượng; phát triển mô hình kinh doanh hiện đại và cải thiện kinh doanh truyền thống - xây dựng mô hình chợ thực phẩm an toàn; (3) Chống thực phẩm bẩn: Tăng cường công tác hậu kiểm, thanh tra thông qua việc triển khai mô hình các Đội quản lý ATTP tại chợ đầu mối và các quận - huyện của tỉnh/thành phố. Phòng chống NĐTP thông qua việc tăng cường giám sát chất lượng, triển khai các kế hoạch bảo đảm ATTP tại các bếp ăn tập thể, suất ăn sẵn cho trường học, bệnh viện, công ty, thức ăn đường phố, lễ hội, sự kiện...

- Theo báo cáo của 03 địa phương thực hiện thí điểm, mô hình Ban quản lý ATTP đã tạo ra sự đồng bộ, thống nhất 1 đầu mối trong công tác quản lý ATTP như tham mưu, chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật về ATTP trên địa bàn tỉnh. Theo mô hình này, Ban quản lý ATTP cấp tỉnh đã thành lập các đội thanh tra - quản lý ATTP đặt tại trụ sở các huyện, làm nhiệm vụ QLNN, là cơ quan thường trực, thành viên BCD liên ngành về ATTP nên đã nâng cao hiệu quả hoạt động tham mưu, quản lý nhà nước về ATTP; đồng thời, tại tuyến xã đã kiện toàn mạng lưới cộng tác viên, như Bắc Ninh 100% xã phường có cán bộ kiêm nhiệm là công tác ATTP thuộc trạm y tế xã. Đội ngũ công tác viên này hàng năm được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ. Tuy nhiên cũng có 1 số khăn do không rõ vị trí pháp lý nên việc bố trí nguồn lực chưa tương xứng như 1 sở, chức năng thanh tra bị thiếu từ khi có Nghị định số 124/2021/NĐ-CP thì trường đoàn thanh tra chuyên ngành của Ban quản lý ATTP không thuộc chức danh thanh tra chuyên ngành cấp sở trong quá trình thanh tra, xử lý vi phạm hành chính về ATTP nên ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức này.

2- Tồn tại, hạn chế

- Nhận thức của một số cấp ủy, cán bộ, lãnh đạo quản lý; nhận thức, ý thức trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh, của người tiêu dùng về công tác đảm bảo chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản chưa đầy đủ; chưa có cơ chế chính sách đủ mạnh khuyến khích, động viên người dân, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp đảm bảo chất lượng và thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn; sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và nông lâm thủy sản còn manh mún, chưa nhiều mô hình chuỗi giá trị chất lượng cao, đảm bảo ATTP.

- Biên chế, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác quản lý chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản trong ngành Nông nghiệp chưa đảm bảo yêu cầu, tiếp tục bị cắt giảm hàng năm. Công tác tuyên truyền, giáo dục chính sách, pháp luật chưa có tổng kết, đánh giá hiệu quả tác động đến các nhóm đối tượng được tuyên truyền. Việc tuyên truyền chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục; thông điệp tuyên truyền chưa trực diện, trực tiếp tới đối tượng được tuyên truyền; tình hình triển khai tại các địa phương còn dàn trải, mang tính hình thức, kém hiệu quả.

- Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về ATTP còn chưa có mô hình quản lý thống nhất; chưa tập trung đầu mối. Hiện ATTP được quản lý theo 3 ngành (y tế, NN&PTNT, Công Thương) nên trong tổ chức thực hiện, chưa huy động và tập trung được nguồn lực để triển khai quản lý ATTP theo chuỗi sản phẩm và theo quản lý nguy cơ. Việc triển khai công tác đảm bảo ATTP còn gặp nhiều hạn chế do nhân lực không ổn định, thiếu về cả số lượng và chất lượng, trang thiết bị phục vụ thanh tra, kiểm tra còn sơ sài chưa đáp ứng được nhu cầu (đặc biệt là ở tuyến huyện, xã: tại tuyến tỉnh đang giao cho ba ngành quản lý chính dẫn đến bất cập trong triển khai thực hiện chuyên môn, tuyến huyện nguồn nhân lực còn mỏng và chưa có đầu mối về công tác ATTP; 100% cán bộ tuyến xã hoạt động kiêm nhiệm, không có cán bộ chuyên trách nên trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về công tác quản lý ATTP còn gặp nhiều khó khăn.

- Việc chỉ đạo triển khai hoạt động, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về ATTP của cơ quan nhà nước thực hiện chưa thường xuyên, chủ yếu tập trung trong các dịp trọng điểm; các đoàn kiểm tra liên ngành tuyến huyện, tuyến xã ít hoặc không xử phạt vi phạm về ATTP.

- Vai trò của chính quyền địa phương, đặc biệt là cấp xã chưa được coi trọng, cấp xã chưa được phân bổ kinh phí để hoạt động. Công tác xã hội hoá một số khâu dịch vụ công phục vụ quản lý nhà nước về chất lượng ATTP chưa được cụ thể hóa thành chính sách để huy động nguồn lực về chuyên môn, tài chính từ các tổ chức hội, hiệp hội, doanh nghiệp, các viện, trường đại học,...

VI- Công tác phối hợp liên ngành về quản lý ATTP

1- Kết quả đạt được

- Hoạt động phối hợp liên ngành về quản lý ATTP được thực hiện thống nhất dưới sự chỉ đạo của BCD liên ngành Trung ương về ATTP do Phó Thủ tướng làm Trưởng ban; tập trung vào hoạt động thanh tra, kiểm tra liên ngành về ATTP, xử lý sự cố ATTP, giải quyết các vướng mắc trong phân công, phân cấp.

- Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương và Ban Chỉ đạo liên ngành các địa phương về ATTP đã phát huy tốt vai trò, chức năng, nhiệm vụ trong đảm bảo ATTP từ Trung ương đến địa phương, đặc biệt là giải quyết các vấn đề nóng về

ATTP, nhờ đó, công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương và giữa các bộ, ngành với địa phương về ATTP ngày càng chặt chẽ và hiệu quả hơn. Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương định kỳ họp hai lần một năm, ngoài ra có các cuộc họp đột xuất. Nội dung các buổi họp tập trung vào đánh giá công tác bảo đảm ATTP trong thời gian qua, rà soát từng nhiệm vụ được giao và những nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới; tập trung thảo luận, trao đổi các chuyên đề bảo đảm ATTP đang được xã hội quan tâm liên quan đến từng lĩnh vực của các bộ, ngành quản lý nhằm đưa ra những giải pháp phù hợp, góp phần tăng cường quản lý ATTP.

- Hoạt động phối hợp giữa Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương và các bộ, ngành liên quan chủ yếu trong xây dựng cơ chế, chính sách pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn về ATTP; công tác thông tin, tuyên truyền, vận động, giáo dục; công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về ATTP.... và đặc biệt trong xử lý, giải quyết những vấn đề nóng về ATTP như truy xuất, thu hồi và xử lý thực phẩm không an toàn, điều tra nguyên nhân, truy xuất nguồn gốc và xử lý thực phẩm gây ngộ độc... Các bộ, ngành Trung ương cũng thường xuyên phối hợp với chính quyền các địa phương trong công tác bảo đảm ATTP trên địa bàn, đặc biệt là trong các đợt thanh tra, kiểm tra liên ngành và khi có vấn đề phát sinh về ATTP ở địa phương; chủ động theo dõi yêu cầu các địa phương báo cáo về tình hình ATTP để kịp thời có biện pháp xử lý.

- Chính phủ đã ký kết Chương trình phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo từng giai đoạn, tập trung vào việc tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thực hiện ATTP, trên cơ sở đó các bộ, ngành liên quan đã ban hành các hướng dẫn, kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình phối hợp này ngay từ đầu mỗi giai đoạn. Ngoài ra, theo chức năng, nhiệm vụ và các nội dung cụ thể, các ban, bộ, ngành, đoàn thể phối hợp ký kết các chương trình hợp tác riêng.

- Tại địa phương, Ban Chỉ đạo liên ngành về ATTP các cấp (được thành lập tới cấp xã) là đầu mối chỉ đạo, điều phối các hoạt động liên ngành. Một số địa phương xây dựng và ban hành các quy chế, kế hoạch phối hợp giữa các sở, ban, ngành trong quản lý ATTP trên địa bàn; xây dựng các chương trình phối hợp giữa các địa phương có liên quan trong cung cấp và đảm bảo ATTP

2- Tồn tại, hạn chế

- Do thành viên Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP chủ yếu hoạt động kiêm nhiệm, chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu nên có lúc, có nơi chưa chỉ đạo sát sao, kịp thời, chưa chú trọng đúng mức công tác tuyên truyền phổ biến pháp

luật; bên cạnh đó có tình trạng cán bộ, công chức thực thi pháp luật nhưng không cập nhật văn bản mới để triển khai thực hiện, do vậy ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động. Thực phẩm liên quan đến lĩnh vực quản lý của nhiều ngành nên có những văn bản hướng dẫn của các bộ ngành chưa thống nhất, đồng bộ trong quản lý thực phẩm dẫn đến khó khăn trong triển khai thực hiện.

- Nguồn nhân lực quản lý ATTP của Sở Y tế, Sở Công thương và Sở NN&PTNT còn kiêm nhiệm cùng lúc nhiều chương trình chưa đáp ứng về số lượng so với chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu đặt ra, nhất là ở tuyến cơ sở nhân lực còn thiếu, kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác, hạn chế về trình độ chuyên môn, trang thiết bị và kinh phí chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Đối với tuyến huyện, xã: Công tác bảo đảm ATTP chủ yếu là do cơ quan thường trực Ban chỉ đạo (cơ quan Y tế) thực hiện, chưa phát huy hiệu quả việc huy động các ngành, cả hệ thống chính trị và toàn xã hội tham gia.

- Thực phẩm liên quan đến lĩnh vực quản lý của nhiều bộ, ngành, nên còn có tình trạng văn bản quy phạm mang tính cục bộ, lĩnh vực của bộ nào thì bộ đó quản lý, ít quan tâm đến tính thống nhất, đồng bộ trong quản lý thực phẩm. Sự hợp tác, phối hợp giữa các bộ trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật còn chưa được quan tâm đúng mức nên việc thực hiện pháp luật gặp nhiều khó khăn.

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ 12 NĂM THỰC THI LUẬT ATTP

A- QUY ĐỊNH QUẢN LÝ ATTP TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH, VẬN CHUYỂN, BẢO QUẢN THỰC PHẨM

I- Quy định quản lý ATTP trong sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, bảo quản rau, củ, quả tươi và các sản phẩm đã qua sơ chế, chế biến.

1- Kết quả đạt được

- Tính đến hết năm 2021, cả nước đã có 463 nghìn ha cây trồng được chứng nhận VietGAP và tương đương (tăng 27 lần so với 16.969 ha cây trồng năm 2016) với 6211 doanh nghiệp được chứng nhận (tăng gấp 4,5 lần so với 1380 cơ sở năm 2016). Việc thực hiện các quy định về sử dụng thuốc BVTV và thời gian cách ly trước khi thu hoạch rau quả, ý thức của người sản xuất ngày càng được nâng cao nên tồn dư hóa chất, thuốc BVTV trong rau, quả tươi đã có chuyển biến tích cực, nhiều sản phẩm đã được dán tem, nhãn mác, truy xuất được nguồn gốc và được chứng nhận sản phẩm OCOP 3-4 sao.

- Hầu hết các tỉnh đã triển khai vận động, hỗ trợ sản xuất nông sản, thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP. Tính đến nay đã có 1.406 cơ sở trồng trọt được chứng

nhận VietGAP với diện tích khoảng hơn 18.200 ha (trong đó rau là hơn 3.443 ha, quả là hơn 11.813 ha, chè là hơn 1.864 ha, cà phê là 100 ha và lúa là hơn 979,42 ha); khoảng 500 cơ sở nuôi thủy sản với diện tích nuôi trồng thủy sản là 2.618 ha được cấp chứng nhận VietGAP và tương đương; 313 trang trại và 2.502 hộ chăn nuôi được chứng nhận VietGAHP. Đã có một số doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nhiều mô hình về liên kết với Hợp tác xã, hộ nông dân tổ chức chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn, quy mô lớn như: Tập đoàn Vingroup triển khai chương trình liên kết với 1000 hợp tác xã; Tập đoàn Dabaco triển khai nhân rộng mô hình sản xuất chuỗi giá trị 3F; Công ty cổ phần Hùng Nhon đầu tư hệ thống trang trại theo tiêu chuẩn Global GAP; Công ty Sanha triển khai chương trình liên kết sản xuất chuỗi sản phẩm thịt gà an toàn, trong đó có 120 trang trại chăn nuôi đạt chuẩn; Công ty Ba Huân đầu tư Nhà máy xử lý trứng sạch... Liên minh hợp tác xã Việt Nam cũng đã tổ chức hệ thống siêu thị (5 siêu thị) kết nối với hơn 100 hợp tác xã nông nghiệp hình thành các chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn.... Tính đến thời điểm hiện tại, cả nước đã có 63/63 tỉnh/thành phố xây dựng thành công 818 mô hình điểm chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản an toàn, trong đó 416 chuỗi đã được giám sát, xác nhận sản phẩm được kiểm soát ATTP theo chuỗi. Đã giải quyết linh hoạt, hiệu quả các rào cản kỹ thuật, duy trì xuất khẩu sang các thị trường truyền thống (tăng số doanh nghiệp được phép xuất khẩu thủy sản sang EU, Hàn Quốc, Trung Quốc, Liên bang Nga lần lượt là 513, 642, 646, 21 doanh nghiệp; 62 doanh nghiệp tiếp tục được xuất khẩu cá da trơn vào Hoa Kỳ), mở rộng xuất khẩu nông sản sang một số thị trường mới (xuất khẩu thịt gà sang Nhật, chanh leo sang Pháp, xoài, vú sữa sang Hoa Kỳ...) góp phần đưa kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2017 lên 36,37 tỷ USD. Một số tỉnh, thành phố như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh đã liên kết xây dựng các chuỗi nông sản thực phẩm an toàn như chuỗi rau, trứng, thịt an toàn, ký hợp đồng nguyên tắc với các tỉnh lân cận cung cấp nông sản cho thành phố, hình thành chuỗi quản lý khép kín.

- Các địa phương đã triển khai thực hiện tốt: (1) công tác quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn Viet Gap; Globalgap, hữu cơ, Rainfores, HACCP, thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm - OCOP” phát triển tốt và có những chuyển biến rõ rệt về chất lượng cũng như mẫu mã, hệ thống nhận diện thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm; đã xây dựng được một số thương hiệu rau quả đặt trưng của địa phương²⁰; (2) Thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, sản xuất hàng hóa, xúc tiến thương mại cho các sản

²⁰ Như tỉnh Vĩnh Phúc: rau Su Su Tam Đảo, Thanh long ruột đỏ Lập Thạch; tỉnh Hà Tĩnh: Bưởi Phúc Trạch, Hòa Bình: cam Cao Phong..

phẩm nông, lâm, thủy sản²¹; (3) hình thành, phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm tiềm năng của địa phương; (4) thực hiện các mô hình sản xuất cây ăn quả hàng hóa tập trung gắn với bao tiêu sản phẩm thuộc Đề án “Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2016 - 2020”; (5) ban hành nhiều cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ việc xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, hệ thống phân phối, xúc tiến thương mại; xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, xác nhận sản phẩm an toàn; (6) đẩy mạnh công tác tuyên truyền hướng dẫn nông dân các quy định pháp luật trong lĩnh vực kiểm dịch và bảo vệ thực vật, quy trình sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật (BVTV) trong sản xuất nông nghiệp, bảo quản nông sản tại các cơ sở chế biến, kinh doanh. Khuyến khích các tổ chức tham gia xác nhận sản phẩm an toàn theo Chuỗi giá trị (tem nhãn truy xuất nguồn gốc...), liên kết tiêu thụ, xúc tiến đầu tư các sản phẩm rau quả an toàn được chứng nhận. Người trồng rau được tập huấn các quy trình sản xuất, sơ chế rau, củ, quả an toàn. Các vùng sản xuất rau theo quy hoạch được kiểm tra chất lượng mẫu đất, mẫu nước phục vụ sản xuất. Hàng năm các đơn vị trong ngành thường xuyên tập huấn, thông tin, tuyên truyền về quy trình sản xuất rau an toàn; kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong sản xuất rau của các hộ sản xuất.

- Đa số các nhà máy sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản quy mô vừa và lớn đều đáp ứng yêu cầu về ATTP, đầu tư nhà xưởng, thiết bị hiện đại, có cán bộ chuyên trách và hệ thống quản lý chất lượng ATTP. Nhiều doanh nghiệp đã áp dụng công nghệ chế biến hiện đại, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP và ISO 22000.

- Về đảm bảo ATTP đối với sản phẩm rau quả tươi sống, trong sản xuất một số sản phẩm chủ lực: thông qua triển khai chương trình giám sát ô nhiễm sinh học, giám sát dư lượng các chất độc hại trong sản phẩm trồng trọt và kiểm soát chất lượng các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất nông sản bước đầu đã thu được kết quả tốt.

- Về điều kiện nguồn nước, đất canh tác, địa điểm sản xuất rau quả tươi sống: Từ năm 2011 đến nay, lĩnh vực sản xuất rau, quả đã từng bước kiểm soát trong suốt quá trình sản xuất, hướng dẫn các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về thực hành sản xuất nghiệp tốt (VietGAP), kiểm soát ATTP dựa vào việc phân tích mối nguy ATTP. Hàng năm, có thực

²¹ cấp chứng nhận trước khi đưa ra thị trường, đóng gói bằng vật liệu đảm bảo ATTP, được dán tem, nhãn mác, ghi rõ địa chỉ sản xuất, ngày thu hoạch... trên bao bì.

hiện lấy mẫu đất, nước để đánh giá điều kiện canh tác. Từ năm 2011 đến nay, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện đã tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn và cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên nắm bắt địa bàn, chỉ đạo trực tiếp nên công tác chăm sóc đúng kỹ thuật hơn, phòng trừ sâu, bệnh hiệu quả hơn, việc sử dụng thuốc đã theo chỉ dẫn và số lần phun thuốc đã giảm đi.

- Đã được đưa vào ứng dụng rộng rãi trong sản xuất nông nghiệp các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến trong trồng trọt như đã hỗ trợ ứng dụng Tem điện tử QR code vào 10 sản phẩm nông sản (gạo, rau, thịt) bày bán có đầy đủ thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm; đã xây dựng các chuỗi thực phẩm an toàn, liên kết sản xuất, mô hình, hợp tác xã sản xuất rau sạch; xây dựng nhiều mô hình quản lý dịch hại tổng hợp cây trồng (IPM)...Việc hình thành các chuỗi cung ứng sản phẩm thực phẩm an toàn đã tạo mối liên kết bền vững giữa các cơ sở sản xuất ban đầu và các cơ sở sơ chế, chế biến. Sản phẩm tham gia chuỗi là sản phẩm an toàn góp phần bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, nâng cao giá trị, góp phần quảng bá và thúc đẩy thị trường tiêu thụ liên tỉnh.

2-Tồn tại, hạn chế

- Rau, củ, quả tươi ở dạng thô còn phổ biến, chưa có nhiều cơ sở được nhiều giấy chứng nhận VietGAP, hữu cơ do chủ yếu sản xuất quy mô hộ nhỏ lẻ, đồng thời chi phí chứng nhận lớn, chưa có nhiều cơ sở chế biến sâu. Đối với sản phẩm kinh doanh nhỏ lẻ khó truy xuất nguồn gốc, khi phát hiện mẫu vi phạm đã gặp rất nhiều khó khăn trong truy xuất, xác định nguyên nhân và xử lý vi phạm. Vùng sản xuất rau, quả an toàn tập trung chưa nhiều. Sản xuất rau, quả tươi sống hiện nay vẫn chủ yếu quy mô hộ gia đình; việc kiểm soát tuân thủ quy trình sản xuất rau, quả tươi sống, điều kiện môi trường canh tác, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...đối với diện tích nhỏ lẻ còn hạn chế.

- Tình trạng sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật không đảm bảo chất lượng, hàng giả, không rõ nguồn gốc vẫn xảy ra, tiềm ẩn nhiều nguy cơ khó lường, tác động xấu đến sản xuất nông nghiệp, gây ô nhiễm môi trường và gây bức xúc trong xã hội.

- Hệ thống truy xuất nguồn gốc chưa đồng bộ, nhiều đơn vị đầu mối ở địa phương về quản lý ATTP (Chi cục QLCL nông lâm thủy sản, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Ban quản lý ATTP) nên khó khăn trong việc thực hiện truy xuất nguồn gốc theo cảnh báo của nước nhập khẩu.

- Phạm vi quản lý ATTP có nguồn gốc thực vật đa dạng trong khi đó các cơ sở sản xuất, kinh doanh còn nhỏ lẻ, không tập trung, chưa gắn với thị trường, khó tiêu thụ và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, qui trình sản xuất an toàn, hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến. Chi phí thực hiện việc kiểm tra lấy mẫu,

phân tích các chỉ tiêu ATTP cao, kinh phí thực hiện thấp, không chủ động do vậy việc xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trong công tác quản lý ATTP thiếu định hướng và chưa đáp ứng đúng yêu cầu thực tế hiện nay.

- Công tác ký cam kết đảm bảo VSATTP đối với các hộ sản xuất, kinh doanh rau, quả tươi sống với quy mô nhỏ, lẻ đã thực hiện nhưng tỷ lệ ký cam kết chưa cao. Đa số các cơ sở chế biến quy mô nhỏ lẻ, hộ gia đình, cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư đồng bộ khó áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến.

- Rau, củ, quả tươi là thực phẩm tươi sống và các sản phẩm đã qua sơ chế, chế biến nên phần lớn chưa có nhãn, mác, dấu hiệu nhận diện và thông tin về nguồn gốc xuất xứ, khiến người tiêu dùng chưa thể nhận biết được đâu là sản phẩm an toàn, sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ từ nơi đã được chứng nhận đủ điều kiện ATTP và khi phát hiện mẫu vi phạm đã gặp rất nhiều khó khăn trong truy xuất, xác định nguyên nhân và xử lý vi phạm.

- Các quy định về ngưỡng giới hạn an toàn cho các loại nông sản nguồn gốc thực vật (rau củ quả tươi) còn thiếu, gây khó khăn cho việc đánh giá thực trạng, nguy cơ và các hoạt động quản lý ATTP đối với sản phẩm nguồn gốc thực vật, cụ thể quy định về ngưỡng giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong rau, quả tươi chưa đầy đủ.

- Nhận thức của một số hộ nông dân về tồn dư thuốc BVTV trên rau còn hạn chế; vẫn còn sử dụng hỗn hợp nhiều loại thuốc để phun, vớt vỏ bao bì thuốc bừa bãi trên đồng ruộng; sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chưa theo nguyên tắc 4 đúng, pha thuốc chưa đúng nồng độ, liều lượng, chưa thực hiện đầy đủ bảo hộ lao động khi phun thuốc. Qua lấy mẫu để kiểm tra test nhanh vẫn còn phát hiện mẫu rau, củ, quả cho kết quả dương tính với chất thử, đặc biệt là với dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Diện tích rau, củ, quả sản xuất theo các quy trình sản xuất tiên tiến còn thấp.

II. Quy định về quản lý ATTP trong chăn nuôi, giết mổ, vận chuyển, bày bán, kiểm dịch động vật, kiểm tra vệ sinh thú y đối với động vật và sản phẩm động vật.

1- Kết quả đạt được

- Đến hết năm 2021 có 924 trang trại và 1.249 hộ chăn nuôi được chứng nhận VietGAHP (tăng so với năm 2016 (mới 100 trang trại chăn nuôi được công nhận). Bộ NN&PTNT và các tỉnh đã chỉ đạo sát sao việc kiểm tra chất lượng và ATTP đối với thức ăn chăn nuôi sản xuất trong nước và lưu hành trên thị trường; kiểm soát chất cấm trong chăn nuôi; ký kết giao ước nói không với chất cấm cho trên 500 ngàn hộ, cơ sở chăn nuôi; tăng cường thanh, kiểm tra đột xuất những cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, cơ sở chăn nuôi và

giết mổ có nguy cơ sử dụng chất cấm, xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định của pháp luật và tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng...Những biện pháp trên đã đem lại hiệu quả, tình hình sử dụng chất cấm trong chăn nuôi đã cơ bản được kiểm soát.

- Trong giết mổ: Theo số liệu thống kê, hiện nay cả nước có 456 cơ sở giết mổ (CSGM) động vật tập trung²², trong đó 455 cơ sở có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chiếm 99,78%); 436 cơ sở có Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y (chiếm 95,61%); 433 cơ sở có nhân viên thú y thực hiện kiểm soát giết mổ (chiếm 94,96 %); 425 cơ sở có sổ ghi chép việc thực hiện kiểm soát giết mổ theo quy định tại Thông tư 09/2016/TT-BNNPTNT (chiếm 93,20%). Cả nước có 22.727 cơ sở giết mổ (CSGM) động vật nhỏ lẻ²³, trong đó có: 7.944 cơ sở có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chiếm 34,95 %); 3.523 cơ sở có Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y/ATTP (chiếm 15,5%); 5.371 cơ sở có nhân viên thú y thực hiện kiểm soát giết mổ (chỉ đạt 23,63%); 3.990 cơ sở có sổ ghi chép việc thực hiện kiểm soát giết mổ theo quy định tại Thông tư 09/2016/TT-BNNPTNT (chiếm 17,56%). Như vậy, số lượng cơ sở giết mổ nhỏ lẻ trên cả nước đã giảm khoảng 6.300 cơ sở (so với năm 2011). Phần lớn các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ này tự phát, không đăng ký kinh doanh, điều kiện cơ sở vật chất không đảm bảo yêu cầu về vệ sinh thú y, ATTP, không có hệ thống thu gom, xử lý chất thải và nước thải gây ô nhiễm môi trường. Tình trạng này dẫn đến công tác kiểm tra, đánh giá, phân loại theo Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT gặp nhiều khó khăn.

- Việc vận chuyển thịt gia súc, gia cầm trong nội tỉnh, hay tới các chợ truyền thống để kinh doanh đã có sự cải thiện nhưng chưa nhiều, ở một số tỉnh, thành phố xe chuyên dụng đã được thay thế các phương tiện thô sơ chủ yếu xuất phát từ các cơ sở giết mổ tập trung lớn cung cấp cho siêu thị, trường học, khu công nghiệp...Thịt gia súc gia cầm thường được bán ở dạng tươi sống ngoài chợ, sản phẩm được bày bán trên mặt bàn inox, bàn gỗ hoặc bàn ốp đá và hầu hết không được bảo quản trong điều kiện bảo đảm về nhiệt độ.

- Chăn nuôi chuyển mạnh từ nhỏ lẻ, phân tán sang hình thức gia trại, trang trại công nghiệp, quy mô lớn, chăn nuôi có liên kết, sản xuất quy mô trang trại công nghiệp, trang trại, gia trại, ứng dụng công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, liên kết giữa hộ chăn nuôi với doanh nghiệp. Điều kiện cơ sở chăn

²² bao gồm: 49 CSGM trâu/bò; 225 CSGM lợn; 95 CSGM gia cầm; 01 CSGM động vật khác làm thực phẩm và 86 CSGM hỗn hợp trên 2 loại động vật.

²³ bao gồm: 1.322 CSGM trâu/bò; 16.165 CSGM lợn; 4.703 CSGM gia cầm; 81 CSGM dê/cừu; 265 CSGM động vật khác làm thực phẩm và 191 CSGM hỗn hợp trên 2 loại động vật.

nuôi, vệ sinh môi trường khu vực chăn nuôi, ATTP chăn nuôi được cải thiện, nâng cấp, đầu tư theo quy mô trang trại, kiểm soát tốt an toàn dịch bệnh; sản xuất theo chuỗi sản phẩm chăn nuôi. Thực hiện ký thực hiện cam kết chăn nuôi an toàn, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi tính đến nay đã có hàng trăm ngàn trang trại ký cam kết chăn nuôi an toàn, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi.

- Về kiểm soát dịch bệnh động vật: Ngành thú y đã phối hợp với chính quyền cơ sở đã kiểm soát tốt dịch bệnh trên đàn vật nuôi toàn tỉnh, đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn vệ sinh môi trường và ATTP. Hàng năm triển khai tiêm phòng vắc xin các loại cho đàn gia súc, gia cầm; góp phần quan trọng trong việc đảm bảo an toàn dịch bệnh cho đàn vật nuôi, tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng cho người tiêu dùng. Ngoài ra tăng cường công tác kiểm dịch các chợ đầu mối, chợ dân sinh trên địa bàn tỉnh.

2-Tồn tại, hạn chế

- Công tác quản lý nhà nước về thú y được giao cho phòng nông nghiệp thực hiện nhưng do thiếu nhân lực có trình độ chuyên môn về chăn nuôi, thú y nên công tác quản lý tại tuyến huyện gặp nhiều khó khăn. Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp cấp huyện hoạt động theo cơ chế tự chủ một phần kinh phí hoạt động, do đó đa số cơ sở giết mổ nhỏ lẻ không có nhân viên thực hiện KSGM (kiểm soát giết mổ).

- Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y chưa có đủ quyền hạn thực thi việc yêu cầu chủ giết mổ thực hiện đúng quy trình giết mổ, kiểm soát giết mổ và xử lý động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y. Một số địa phương không bố trí hoặc cắt giảm kinh phí chi phụ cấp nhân viên thú y cấp xã, một số gộp nhân viên cấp xã dẫn đến một số xã nhân viên không có chuyên môn về chăn nuôi, thú y. Một số tỉnh chi trả phụ cấp cho nhân viên thú y cấp xã thấp nên phải làm thêm công việc khác để đảm bảo cuộc sống nên chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm. Thu nhập của nhân viên thú y trực tiếp làm công tác KSGM, quản lý giết mổ tại các cơ sở còn thấp so với mức lương tối thiểu vùng trong khi đó phải thực hiện nhiệm vụ vào ban đêm, làm việc trong điều kiện môi trường ô nhiễm nên việc tuyển dụng gặp rất nhiều khó khăn.

- Nguồn vốn hỗ trợ theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP (theo định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ 60% và vốn doanh nghiệp 40%) chỉ hỗ trợ cho doanh nghiệp, không hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân nên chưa khuyến khích được các tổ chức, cá nhân khi tham gia đầu tư vốn để xây dựng CSGM động vật tập trung.

- Số lượng cơ sở giết mổ nhỏ lẻ nhiều (một số địa phương có trên 1.000 CSGM nhỏ lẻ); hoạt động giết mổ nhỏ lẻ, thủ công rất đa dạng, giết mổ lưu

động tại hộ chăn nuôi; thời gian giết mổ lại cùng một khung giờ, thường vào đêm hoặc sáng sớm nên gây khó khăn cho công tác kiểm tra, kiểm soát. Một số lượng lớn các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ không được UBND các huyện, thị xã, thành phố cấp phép hoạt động, không được kiểm soát giết mổ theo quy định. Thực tế đây là nguồn lây lan dịch bệnh, gây ô nhiễm môi trường, mất ATTP.

- Ở nhiều địa phương chưa có khu giết mổ tập trung (Yên Bái, Lai Châu, Lạng Sơn...); tình trạng vận chuyển thịt gia súc, gia cầm tươi sống không tuân thủ điều kiện vệ sinh thú y vẫn diễn ra; việc kiểm tra vệ sinh thú y, lấy mẫu kiểm tra dư lượng thuốc thú y trong thịt và sản phẩm từ thịt chưa được thường xuyên, liên tục. Đa số các điểm, hộ giết mổ là tự phát, không đăng ký kinh doanh với chính quyền địa phương; không có địa điểm cố định nằm rải rác ở hầu hết các khu dân cư của các huyện, thành phố, thị xã và không theo quy hoạch. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, nước sử dụng cho quá trình giết mổ không được đầu tư, gia súc giết mổ tại các hộ trên không được kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y; người tham gia giết mổ không được khám sức khỏe định kỳ không có hệ thống thu gom, xử lý chất thải và nước thải gây ô nhiễm; giết mổ trực tiếp trên sàn, chưa có khu giết mổ riêng biệt, nên nguy cơ nhiễm khuẩn trong và sau quá trình giết mổ cao; không đảm bảo điều kiện vệ sinh ATTP và ô nhiễm môi trường.. Một số cơ sở giết mổ tập trung mặc dù được đầu tư công nghệ hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh thú y, đảm bảo ATTP, song do chi phí vận hành cao, việc vận chuyển gia súc, gia cầm đến điểm giết mổ và đưa đi tiêu thụ gặp khó khăn, hạn chế nên các cơ sở này không phát huy được hết công suất giết mổ.

- Hoạt động kiểm dịch động vật, kiểm tra vệ sinh thú y đối với động vật và sản phẩm động vật hiện còn gặp nhiều khó khăn, do nhân lực của các trạm thú y quá ít, trong khi lưu lượng vận chuyển, tiêu thụ tại các chợ là rất lớn. Việc kiểm soát, kiểm dịch đối với động vật và sản phẩm động vật gặp nhiều khó khăn. Nguyên nhân là do hiện tại, công tác kiểm dịch chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, cảm quan thông qua quan sát, không có máy móc hay thiết bị test (kiểm tra nhanh), do đó xác suất chuẩn đoán sai còn xảy ra. Quy hoạch xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm ở một số huyện còn chậm triển khai; Vận chuyển thịt gia súc, gia cầm trong nội tỉnh, hay tới các chợ truyền thống để kinh doanh chủ yếu được vận chuyển bằng các phương tiện thô sơ, thịt tiếp xúc trực tiếp với môi trường bên ngoài, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm, mất vệ sinh ATTP.

- Chính quyền địa phương một số nơi còn lơ là trong công tác quản lý và xử lý đối với các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm chưa đủ điều kiện vệ sinh thú y; thói quen sử dụng “thịt nóng” của người người tiêu dùng làm cho hoạt động giết mổ nhỏ lẻ càng phổ biến; chưa triển khai được việc sử dụng dấu kiểm soát đóng trên thân thịt

và tem vệ sinh thú y trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, Chi cục Chăn nuôi và Thú y không còn các Trạm thú y ở các huyện, thị xã, tp nên công tác quản lý cơ sở giết mổ gặp rất nhiều khó khăn.

III- Quy định về quản lý ATTP trong nuôi trồng, đánh bắt, khai thác, chế biến thủy sản và các sản phẩm thủy sản.

1- Kết quả đạt được

- Năm 2021, diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt 1.135 nghìn ha, sản lượng đạt 4.855,4 nghìn tấn, diện tích nuôi trồng chỉ tăng 10,8% so với năm 2010 nhưng sản lượng tăng tới 77,7%. Hiện nay, việc áp dụng quy phạm thực hành nuôi tốt (GAP) đang được triển khai nhân rộng trên phạm vi cả nước cho các cơ sở nuôi tôm, cá tra, rô phi, cá lóc, tôm càng xanh, lươn, cá song, cá điêu hồng, nuôi ghép các loài... Đến hết năm 2021, diện tích nuôi trồng thủy sản được cấp chứng nhận VietGAP và tương đương là 16.991 ha (tăng gấp 16 lần so với năm 2016). Bên cạnh đó, công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản cũng đã được nhiều doanh nghiệp, tập đoàn lớn ứng dụng, đạt năng suất cao, như công nghệ thâm canh cá tra (đạt năng suất 300-350 tấn/ha/vụ), tôm thâm canh (10-12 tấn/ha/vụ). Một số doanh nghiệp cũng đã có công nghệ siêu thâm canh trong hệ nuôi tuần hoàn khép kín. Công tác quản lý chất lượng thức ăn, thuốc thú y, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản được quan tâm, phối hợp với chính quyền các cấp tăng cường thanh tra, kiểm tra phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trong sản xuất, kinh doanh thức ăn, thuốc thú y, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản nên sản phẩm bảo đảm ATTP.

- Chế biến thủy sản tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn 2011-2021. Các cơ sở chế biến thủy sản công nghiệp nhìn chung đã áp dụng công nghệ chế biến hiện đại, áp dụng hệ thống quản lý theo HACCP, ISO 22000. Tính đến nay đã có 824 cơ sở chế biến thủy sản được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo ATTP, số lượng các cơ sở được xuất khẩu vào các thị trường khó tính như EU, Mỹ, Nhật Bản...ngày càng gia tăng. Các cơ sở nghiêm túc thực hiện các quy định của Việt Nam về ATTP. Việc kiểm soát sử dụng hóa chất, kháng sinh trong nuôi trồng thủy sản đã cơ bản được duy trì trong nhiều năm, tỷ lệ mẫu thủy sản nhiễm dư lượng hóa chất, kháng sinh (đặc biệt là đối tượng sản xuất tập trung thâm canh, các đối tượng chủ lực) ở mức thấp so với các nhóm ngành hàng khác.

- Công tác quản lý chất lượng thức ăn, thuốc thú y, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản được quan tâm, phối hợp với chính quyền các cấp tăng cường thanh tra, kiểm tra phát hiện, ngăn chặn các

hành vi vi phạm pháp luật trong sản xuất, kinh doanh thức ăn, thuốc thú y, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản. Triển khai áp dụng quy phạm thực hành nuôi tốt (GAP) trong nuôi trồng thủy sản; các cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản đã tuân thủ trong quá trình sử dụng thuốc kháng sinh, thuốc thú y, hóa chất làm sạch môi trường, thức ăn chăn nuôi bảo đảm vệ sinh môi trường trong vùng nuôi theo quy định đều được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP.

- Từ năm 2011 đến nay, lĩnh vực thủy sản đã từng bước kiểm soát điều kiện đảm bảo ATTP trong nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản tươi sống; hướng dẫn các cơ sở/doanh nghiệp nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản áp dụng VietGAP, GMP, ISO... tuân thủ đúng hướng dẫn sử dụng, thuốc kháng sinh, thuốc thú y, hóa chất làm sạch môi trường, thức ăn chăn nuôi, bảo đảm vệ sinh môi trường vùng nuôi, kiểm soát dịch bệnh khu vực nuôi, trồng thủy sản; bảo đảm vệ sinh môi trường vùng nuôi, kiểm soát dịch bệnh khu vực nuôi trồng thủy sản. Các cơ sở chế biến thủy sản công nghiệp nhìn chung đã áp dụng công nghệ chế biến hiện đại, áp dụng hệ thống quản lý theo HACCP, ISO 22000...

- Việc kiểm soát nuôi trồng, đánh bắt, khai thác, chế biến thủy sản và các sản phẩm thủy sản được triển khai thông qua ký cam kết, kiểm tra việc thực hiện nội dung cam kết đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản và tàu cá; cơ bản các cơ sở đã tuân thủ các yêu cầu trong quá trình sản xuất, kinh doanh như: sử dụng thuốc kháng sinh, chất tăng trọng, thức ăn chăn nuôi, chất xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản; công tác kiểm dịch thủy sản được duy trì thực hiện thường xuyên bảo đảm an toàn dịch bệnh và hạn chế sử dụng kháng sinh.

2- Tồn tại, hạn chế:

- Do tính chất mùa vụ và diễn biến biến đổi khí hậu bất thường, bệnh thủy sản diễn biến phức tạp nên việc sử dụng hóa chất, kháng sinh trong nuôi trồng thủy sản còn chưa ổn định và có thời điểm tăng cao. Một số nhóm kháng sinh cấm sử dụng trên thủy sản nhưng vẫn được phép sử dụng cho người và động vật trên cạn cũng là khó khăn trong kiểm soát. Vẫn còn tình trạng các lô hàng thủy sản xuất khẩu bị trả về do nhiễm dư lượng hóa chất, kháng sinh. Năm 2015 có 116 lô hàng thủy sản xuất khẩu bị thị trường nhập khẩu cảnh báo không bảo đảm ATTP, giảm 24% so với năm 2014. Năm 2021 có 163 lô hàng thủy sản xuất khẩu bị thị trường nhập khẩu cảnh báo không bảo đảm ATTP (chiếm 0,24%).

- Các cơ sở nuôi trồng thủy sản chủ yếu quy mô nhỏ; việc kiểm soát nguồn gây ô nhiễm trong sản xuất như: nguồn nước, việc kiểm tra lấy mẫu xét nghiệm còn hạn chế; công tác kiểm soát việc tuân thủ quy trình nuôi trồng, truy xuất

nguồn gốc còn chưa được chú trọng; số lượng cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP còn thấp.

- Lĩnh vực quản lý việc nuôi trồng, đánh bắt, khai thác, chế biến thủy sản và các sản phẩm thủy sản là rộng, nguồn lực còn hạn chế. Hoạt động xây dựng, liên kết chuỗi trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thủy sản còn hạn chế, chưa hiệu quả. Do thiếu hiểu biết, nhiều người dân sử dụng cả những loại kháng sinh nằm trong danh mục cấm sử dụng, hạn chế sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thủy sản và trong thú y như: Tetracylin, Enrofloxacin, Oxytetracylin... Hoạt động cải tạo ao nuôi, vét bùn đáy ao, xử lý ao trong quá trình nuôi, các loại hóa chất gần như bị lạm dụng một cách quá mức dẫn đến hàng năm có nhiều loại hóa chất, kháng sinh còn tồn dư trong đất cũng bị thải trực tiếp ra môi trường.

- Công tác quản lý nhà nước, đặc biệt là công tác thanh kiểm tra, quản lý cấp phép các cơ sở kinh doanh giống tại một số địa phương chưa thực hiện triệt để nên có hiện tượng cá giống chưa được kiểm soát dịch bệnh đưa vào nuôi gây ảnh hưởng đến năng suất thủy sản thả nuôi; các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung hiện nay hệ thống cơ sở hạ tầng còn hạn chế, đặc biệt là hệ thống điện, cấp thoát nước do vậy ảnh hưởng đến việc nuôi thâm canh, xây dựng các vùng sản xuất an toàn dịch bệnh, đảm bảo chất lượng ATTP... Chưa quy hoạch, xây dựng được vùng nuôi cá thâm canh tập trung theo hướng chuyên canh nhằm tạo ra sản phẩm hàng hóa lớn đảm bảo an toàn dịch bệnh và an toàn vệ sinh thực phẩm để phục vụ cho tiêu dùng và hướng đến xuất khẩu. Các cơ sở nuôi trồng thủy sản tại một số địa phương chủ yếu với quy mô nhỏ lẻ, hộ gia đình; nguồn nước tại các cơ sở chưa chủ động, được lấy trực tiếp từ sông và các kênh tưới tiêu nông nghiệp. Hệ thống mương dẫn nước vào và thoát nước ra chung nhau nên dễ lây lan dịch bệnh.

- Nhận thức của người sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm trong nuôi trồng thủy sản đảm bảo vệ sinh ATTP vẫn còn nhiều hạn chế. Hầu hết người dân chưa quan tâm đến vấn đề nuôi trồng thủy sản theo hướng an toàn. Người dân chủ yếu nuôi thủy sản theo hình thức bán thâm canh và quảng canh cải tiến; người dân tự mua thuốc và hóa chất về để phòng trị bệnh cho thủy sản nuôi; các hộ chưa có thói quen lưu giữ hồ sơ để truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Các quy định về ATTP theo Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT áp dụng cho các cơ sở nuôi thủy sản cơ bản đáp ứng yêu cầu về điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm, phù hợp với điều kiện sản xuất thực tế, chỉ áp dụng được đối với các doanh nghiệp, công ty sản xuất với quy mô lớn, chưa triển khai được trên các cơ sở sản xuất dưới dạng hộ gia đình.

IV- Quy định về quản lý ATTP đối với thực phẩm biến đổi gen

1- Kết quả đạt được

Bộ NN&PTNT ban hành Thông tư số 02/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/1/2014 quy định trình tự, thủ tục cấp và thu hồi Giấy xác nhận thực vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, phối hợp với Bộ KH&CN ban hành Thông tư liên tịch số 45/2015/TTLTBNNPTNT-BKHCN ngày 23/11/2015 hướng dẫn ghi nhãn đối với thực phẩm biến đổi gen bao gói sẵn. Đến tháng 6/2021, Bộ NN&PTNT đã cấp giấy xác nhận đủ điều kiện làm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi đối với 52 sản phẩm biến đổi gen. Các sản phẩm biến đổi gen được cấp giấy xác nhận là đủ điều kiện làm thực phẩm đảm bảo an toàn đối với sức khỏe con người²⁴. Việc kiểm tra ghi nhãn đối với thực phẩm biến đổi gen bao gói sẵn cũng được các cơ quan chức năng của Bộ kiểm tra, kết hợp với kiểm tra ATTP và kiểm dịch thực vật. Phần lớn tại các địa phương không có cơ sở nào được cấp Giấy xác nhận sinh vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm và danh mục sinh vật biến đổi gen được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm. Đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên thị trường có chứa sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen được triển khai các hoạt động thông báo, quản lý theo văn bản quy định Bộ NN&PTNT, các văn bản quy định về ATTP.

2- Tồn tại, hạn chế:

Kể từ năm 2016, thực phẩm biến đổi gen được đóng sẵn bắt buộc phải ghi rõ nhãn “biến đổi gen” bằng tiếng việt. Tuy nhiên, quy định này chỉ áp dụng với sản phẩm đóng gói sẵn. Đối với các thực phẩm tươi sống, thực phẩm chế biến nhưng không bao gói, không phải tuân thủ quy định này. Do đó người tiêu dùng và cơ quan quản lý thực phẩm khó phân biệt trong việc xác định thực phẩm có biến đổi gen hay không.

V- Quy định về quản lý ATTP đối với phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, thực phẩm chức năng.

1- Về công tác quản lý phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến

1.1- Kết quả đạt được

- Luật An toàn thực phẩm giao trách nhiệm cho Bộ Y tế quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với phụ gia thực phẩm. Danh mục các phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ thực phẩm tương đối đầy đủ và tương đồng với quy

²⁴ Nguồn: Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam

định của các nước trên thế giới. Hệ thống văn bản hoàn thiện tạo thuận lợi trong công tác quản lý điều kiện cơ sở và sản phẩm theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Công tác quản lý về các chất phụ gia thực phẩm dùng chủ yếu được thực hiện theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, Thông tư 24/2019/TT-BYT, Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 11/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế và 34 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia quy định yêu cầu kỹ thuật, an toàn của phụ gia thực phẩm pháp đáp ứng để sử dụng trong thực phẩm.

- Quy định quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm của Bộ Y tế thường xuyên được cập nhật theo quy định của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế Codex và hài hòa với quy định của các quốc gia tiên tiến trên thế giới, khu vực, tạo điều kiện thuận lợi trong giao lưu thương mại về phụ gia thực phẩm, thực phẩm giữa Việt Nam và các quốc gia khác.

1.2- Tồn tại, hạn chế

- Mặc dù Việt Nam đã có đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật để quản lý an toàn thực phẩm đối với phụ gia thực phẩm, tuy nhiên, thực tế vẫn còn tồn tại một số khó khăn trong công tác quản lý sản phẩm. Cụ thể:

- Xuất hiện tình trạng nhập khẩu phụ gia thực phẩm về Việt Nam nhưng sau đó sử dụng sai mục đích. Điển hình là vụ việc một số tổ chức, cá nhân lạm dụng khí N₂O (là một phụ gia thực phẩm được phép sử dụng trong thực phẩm) để kinh doanh “bóng cười” bán cho người dùng sử dụng trực tiếp tại một số cơ sở kinh doanh dịch vụ giải trí như quán bar, karaoke...

- Khi chủ trương, chính sách của Chính phủ tạo điều kiện dễ dàng cho việc đăng ký thành lập doanh nghiệp, kết hợp với việc cắt giảm điều kiện kinh doanh đối với cơ sở kinh doanh phụ gia thực phẩm nên dẫn đến tình trạng doanh nghiệp “ảo” gây khó khăn trong công tác quản lý và truy xuất nguồn gốc. Cụ thể, khi Ban Quản lý an toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở An toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh) tiến hành kiểm tra thực tế một số doanh nghiệp có thực hiện nhập khẩu, thông quan phụ gia thực phẩm khí N₂O đã ghi nhận tình trạng doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, không liên hệ được với người đại diện pháp luật.

- Việc quản lý ATTP đối với chất phụ gia, chất hỗ trợ chế biến, chất bảo quản thực phẩm còn hạn chế nhất là việc định danh, định lượng các chất trong quá trình kiểm tra, kiểm soát, thanh tra.

- Các cơ sở kinh doanh phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm nhỏ lẻ thuộc quản lý cấp huyện, xã chưa được kiểm tra, giám sát thường xuyên, vẫn còn tồn tại hàng chưa rõ nguồn gốc và chất lượng; có hiện tượng các xe lưu động từ các tỉnh thành khác đến bán phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến

thực phẩm cho các cơ sở nhỏ lẻ, không đảm bảo về nguồn gốc, cạnh tranh giá cả với các nhà cung cấp lớn. Tình trạng sử dụng phụ gia thực phẩm không có trong Danh mục cho phép trong quá trình chế biến sản phẩm vẫn còn xảy ra trong khi năng lực labo xét nghiệm tuyến tỉnh chỉ mới kiểm nghiệm được một số chất nên khó khăn cho việc phát hiện và xử lý, xử phạt.

- Thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP phân cấp địa phương quản lý phụ gia thực phẩm thuộc danh mục được phép sử dụng và đúng đối tượng do Bộ Y tế quy định, phụ gia hỗn hợp không có công dụng mới. Các nhóm phụ gia này trước do Cục ATTP tiếp nhận hồ sơ công bố và cấp giấy, khi phân cấp theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP chỉ thực hiện tự công bố. Phụ gia hỗn hợp ngày càng nhiều và phức tạp, địa phương gặp nhiều khó khăn trong hậu kiểm.

- Hiện nay, số lượng phụ gia thực phẩm được phép sử dụng tương đối nhiều tuy nhiên các quy chuẩn kỹ thuật về phụ gia thực phẩm nói chung và các nhóm chất nguyên liệu làm phụ gia thực phẩm nói riêng còn chưa đầy đủ. Vẫn còn tình trạng nhãn mác của một số phụ gia thực phẩm gây hiểu nhầm cho người sử dụng hoặc đối tượng sử dụng ghi trên nhãn mác không đúng với đối tượng được phép sử dụng phụ gia theo quy định tại Thông tư 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế.

2. Về công tác quản lý đối với nước uống đóng chai và nước khoáng thiên nhiên đóng chai

2.1- Kết quả đạt được

- Theo báo cáo của các địa phương, cả nước có trên 40.000 cơ sở sản xuất nước uống đóng chai và nước khoáng thiên nhiên; các cơ sở đều được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP và tự công bố sản phẩm theo quy định. Hàng năm, các cơ quan chuyên môn ngành Y tế tổ chức thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất nước đá dùng liền và nước uống đóng chai và thực hiện xử lý vi phạm hành chính đối với các cơ sở vi phạm về ATTP. Việc kiểm tra, giám sát mối nguy đối với sản phẩm nước uống đóng chai, đóng bình, nước đá dùng liền hàng năm luôn được thực hiện theo đúng quy định.

- Việc quản lý ATTP đối với cơ sở nước uống đóng chai và nước khoáng thiên nhiên đóng chai tương đối thuận lợi do đến nay đã có cơ bản đầy đủ các quy định về điều kiện cơ sở và tiêu chuẩn an toàn đối với nhóm sản phẩm này. Tuy nhiên việc bảo đảm tuyệt đối về các yêu cầu về an toàn theo QCVN đối với các cơ sở sản xuất nước uống đóng chai như hiện nay là rất khó, vì thực tế hiện nay gần như hầu hết các cơ sở sản xuất có quy mô rất nhỏ, việc sản xuất không liên tục, kiến thức về kỹ thuật sản xuất, nhận diện nguy cơ yếu, không mang tính chất đầu tư sản xuất, kinh doanh dài hạn. Chính vì vậy tiêu chuẩn an toàn về vi

sinh vật có tính tuyệt đối hoá theo (QCVN) như hiện nay là rất khó khăn đối với các cơ quan quản lý lẫn cơ sở sản xuất.

2.2- Tồn tại, hạn chế

- Theo kết quả báo cáo của Cơ quan quản lý ATTP tại các địa phương về việc giám sát mối nguy ô nhiễm hàng năm đối với nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền vẫn phát hiện mối nguy vi sinh vật như e.coli, coliforms, Pseudomonas aeruginosa...

- Việc thời gian kiểm nghiệm đối với các mẫu nước uống đóng chai và nước đá dùng liền thường mất 7-10 ngày, khi có kết quả nhiều khi sản phẩm đã được các cơ sở sản xuất bán ra thị trường và người tiêu dùng đã sử dụng hết. Đa số cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, nước đá dùng liền quy mô hộ gia đình nên việc ghi chép sổ sách theo dõi việc sản xuất, bán hàng, sổ ghi chép thay thế trang thiết bị, máy móc chưa thường xuyên, đầy đủ; chưa thực hiện khám sức khỏe định kỳ, tổ chức tập huấn kiến thức về ATTP cho nhân viên (do nhân viên làm thời vụ, không ổn định); kiểm soát chất lượng nước nguồn và nước đá dùng liền chưa thường xuyên; một số cơ sở thiếu giá kệ để kê thành phẩm nước uống đóng chai; một số dụng cụ, thiết bị sản xuất do sản xuất lâu năm đã có dấu hiệu xuống cấp như dụng cụ xúc đá đã chuyển màu, nắp tủ bảo ôn bị hoen rỉ, giá kệ được làm bằng gỗ đã bị ngâm nước. Chưa có quy định cụ thể cho quy trình sản xuất nước uống đóng chai, danh mục các loại hóa chất sát khuẩn bình; các loại hóa chất được dùng để sát khuẩn bình thường dùng hiện nay (Chloramine B, BP3) chưa loại nào có giấy phép lưu hành; vẫn còn tình trạng một số cơ sở ghi nhãn sản phẩm chưa đúng; trang thiết bị, nhà xưởng bị xuống cấp, xét nghiệm mẫu nước dùng để sản xuất và mẫu thành phẩm chưa đạt tiêu chuẩn (tỷ lệ hàng năm từ 2-5%).

- Ngoài ra, hiện nay, trên thị trường có rất nhiều loại nước uống đóng chai ion kiềm, nhưng chưa có quy định cụ thể cũng như định nghĩa về loại nước uống đóng chai này.

3- Thực phẩm chức năng

3.1- Kết quả đạt được

- Các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe (thuộc nhóm thực phẩm chức năng) đều đã được Bộ Y tế cấp Giấy chứng nhận thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe và Giấy tiếp nhận đăng ký sản phẩm cho các sản phẩm của các cơ sở này đầy đủ. Hàng năm, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm các tỉnh đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng (TPCN). Ngoài ra, việc quản lý các cơ sở sản xuất thực phẩm chức năng còn thông qua

các đợt kiểm tra đột xuất theo sự chỉ đạo của cơ quan cấp trên hoặc khi có các thông tin đến các sản phẩm không đảm bảo chất lượng. Hiện nay đã có đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện liên quan tới hoạt động sản xuất và kinh doanh thực phẩm chức năng đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý đối với nhóm sản phẩm này.

- Thực phẩm chức năng được sử dụng phổ biến trên thế giới và tại Việt Nam. Số lượng sản phẩm thực phẩm chức năng đưa vào lưu thông trên thị trường có xu hướng tăng lên rõ rệt, cả về nhập khẩu cũng như sản xuất trong nước. Các sản phẩm TPCN được công bố và sử dụng đúng cách đã góp phần bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng tại Việt Nam hiện nay cơ bản đã đầy đủ, tạo được hành lang pháp lý để quản lý lĩnh vực này. Bên cạnh Luật An toàn thực phẩm, các Nghị định của Chính phủ, Bộ Y tế cũng đã ban hành các Thông tư liên quan để quản lý thực phẩm chức năng. Trong thời gian tới, Bộ Y tế sẽ tham mưu cho Chính phủ ban hành các quy định theo hướng quản lý chặt chẽ hơn về điều kiện sản xuất đối với cơ sở sản xuất TPCN tại Việt Nam.

- Công tác thanh kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng đã được triển khai khá đồng bộ, có hiệu quả trong thời gian qua mặc dù lực lượng thanh tra chuyên ngành còn rất mỏng cả ở Trung ương và địa phương. Nhiều vi phạm trong hoạt động này đã được phát hiện, xử lý và công khai kịp thời. Qua thanh tra, kiểm tra cho thấy vi phạm chủ yếu liên quan tới việc quảng cáo quá mức công dụng của TPCN, không đúng như công bố.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao ý thức của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm và nhận thức của người tiêu dùng trong việc sử dụng TPCN đã được đẩy mạnh. Các cơ sở, sản phẩm vi phạm được cập nhật thường xuyên trên trang website của Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế để kịp thời cảnh báo cho cộng đồng.

- Trong giai đoạn từ 2010 đến 01/2/2018 ngành Y tế đã cấp:

Cấp giấy xác nhận công bố phù hợp quy định An toàn thực phẩm đối với thực phẩm chức năng: 30.454 sản phẩm

- Trong giai đoạn từ 02/02/2018 đến nay, ngành Y tế đã cấp:

Giấy tiếp nhận bản công bố sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe: 68.750 sản phẩm

3.2- Tồn tại, hạn chế

- Chưa thống nhất các từ ngữ trong Luật ATTP và hướng dẫn Luật

ATTP trong sử dụng nhóm từ ngữ: “Thực phẩm bảo vệ sức khỏe”, “Thực phẩm chức năng”, “Thực phẩm bổ sung”. Hiện nay, sau khi dịch bệnh COVID-19 các loại thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe đang diễn ra phức tạp. Vì vậy, các sản phẩm này cần được quan tâm quản lý chặt chẽ trong thời gian tới. Một số khó khăn nữa trong vấn đề quản lý thực phẩm chức năng là hình thức kinh doanh đa cấp, kinh doanh trên môi trường mạng xã hội đang diễn ra sôi động và phức tạp. Đặc biệt quản lý, kiểm soát mua bán, giám sát chất lượng thực phẩm chức năng qua mạng, đặc biệt hàng "xách tay" lại càng khó khăn hơn, các hành vi vi phạm khó phát hiện, người bán hàng có rất ít hàng hoặc không có hàng, mà khi có người đặt mới lấy về, nên người tiêu dùng phải hết sức lưu ý lựa chọn sản phẩm. Mặt khác, do lợi nhuận, nhiều đối tượng bất chấp pháp luật sản xuất, nhập khẩu sản phẩm không bảo đảm, làm hàng giả, quảng cáo sai sự thật lừa dối người tiêu dùng gây bức xúc dư luận xã hội.

- Trên thực tế, còn có tình trạng nhiều doanh nghiệp không tồn tại tại địa điểm kinh doanh đã đăng ký (đóng cửa, tạm ngừng kinh doanh hoặc giải thể, chuyển địa điểm khác mà không thông báo cho cơ quan quản lý) đã gây khó khăn cho công tác hậu kiểm.

- Việc không quy định thời hạn hiệu lực giấy Tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm dẫn đến việc không kiểm soát được số lượng sản phẩm thực tế lưu thông trên thị trường, gây khó khăn cho công tác lập kế hoạch, bố trí nguồn lực hậu kiểm. Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, các Chi Cục An toàn vệ sinh thực phẩm được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố phân công tiếp nhận hồ sơ đăng ký bản công bố đối với một số sản phẩm, tự công bố trực tuyến, các văn bản, tài liệu được gửi bản điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay phát sinh tình trạng sử dụng giấy tờ giả, scan màu để đưa vào hồ sơ công bố sản phẩm, gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Việc quản lý hoạt động quảng cáo TPCN còn gặp nhiều khó khăn do sự phát triển của các hình thức quảng cáo qua mạng, quảng cáo truyền tiêu bằng miệng của người tham gia phân phối, kinh doanh đa cấp.

- Việc đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại đối với TPCN còn nhiều khó khăn do các TPCN giả được sản xuất ở nước ngoài mang về. Do đó cần có sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan Hải quan, Biên phòng ngăn chặn từ biên giới thì mới có hiệu quả cao.

- Chưa có quy định về thu hồi, các trường hợp phải thu hồi giấy Tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm (trường hợp doanh nghiệp không tồn tại, không kinh doanh hoặc hậu kiểm phát hiện vi phạm), hủy hiệu lực bản tự công

bổ và hồ sơ tự công bố sản phẩm.

- Việc chưa quy định bắt buộc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (GMP, HACCP...) đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm bổ sung (thuộc nhóm thực phẩm chức năng), thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi là chưa phù hợp vì đây là các sản phẩm đặt biệt, khác với các sản phẩm thông thường, cần phải quản lý việc sản xuất chặt chẽ hơn.

VI- Quản lý ATTP đối loại rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột và tinh bột, bánh, mứt, kẹo.

1- Kết quả đạt được

- Ngành Công Thương của các tỉnh thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại các chợ, siêu thị trên địa bàn quản lý; tích cực tập trung chỉ đạo, triển khai các biện pháp bảo đảm ATTP đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc ngành quản lý, thực hiện tốt việc cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP và ký cam kết ATTP thuộc lĩnh vực công thương quản lý. Ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện văn bản quy phạm pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm rượu đến và tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm rượu, bia trên địa bàn tỉnh; đã phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và địa phương đã thường xuyên kiểm tra các siêu thị, cửa hàng tiện ích, hệ thống Bách hóa Xanh, cửa hàng tạp hóa tại các chợ truyền thống....để kiểm tra ngẫu nhiên về hóa đơn, chứng từ, nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, nhất là hạn sử dụng các sản phẩm ghi trên bao bì. Qua kiểm tra chưa phát hiện các hành vi vi phạm.

- Ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện văn bản quy phạm pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm rượu đến và tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm rượu, bia.

2- Tồn tại, hạn chế

- Nhìn chung, số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm ở các địa phương nhiều và thường xuyên biến động, phần lớn quy mô nhỏ lẻ, manh mún, cá nhân/hộ gia đình là chủ yếu, một số lớn sản xuất, kinh doanh mang tính thời vụ nên việc kiểm soát và cải thiện các điều kiện bảo đảm ATTP gặp nhiều khó khăn. Hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, thương mại điện tử và mạng xã hội (facebook, zalo,...) đã thúc đẩy hình thức kinh doanh online được nhiều người tham gia. Điều này gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước về ATTP đối với chính quyền các cấp, khó khăn trong kiểm soát chất lượng thực phẩm lưu thông trên thị trường.

- Hiện nay số cơ sở sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh được cấp giấy phép chiếm tỷ lệ thấp so với thực tế số lượng các cơ sở, hộ gia đình, cá nhân kê khai thực hiện sản xuất rượu thủ công không nhằm mục đích kinh doanh. Việc quản lý đối với các cơ sở sản xuất rượu hộ gia đình, cá nhân còn gặp nhiều khó khăn do nguồn lực còn hạn chế.

- Nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh rượu trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ lẻ, hộ gia đình nằm rải rác ở địa bàn nông thôn, sản xuất không thường xuyên, không đăng ký kinh doanh; điều kiện về địa điểm sản xuất, điều kiện về trang thiết bị dụng cụ chưa phù hợp theo quy định của pháp luật. Do đó tình hình thực hiện cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh rượu thủ công cũng còn hạn chế.

- Đối với quản lý ATTP trong sản xuất rượu: Hiện chưa có quy định riêng về quản lý ATTP đối với sản xuất rượu thủ công. Trên địa bàn thành phố hiện có hàng trăm cơ sở sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, phần lớn không thực hiện đăng ký kinh doanh thuộc trách nhiệm quản lý ATTP của Ủy ban nhân dân quận, huyện; sản phẩm rượu đóng can không dán nhãn, không thực hiện tự công bố sản phẩm, dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý, nắm bắt, kiểm tra, giám sát... Nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh rượu có quy mô nhỏ lẻ, hộ gia đình nằm rải rác ở địa bàn nông thôn, sản xuất không thường xuyên, không đăng ký kinh doanh; điều kiện về địa điểm sản xuất, điều kiện về trang thiết bị dụng cụ chưa phù hợp theo quy định của pháp luật. Do đó tình hình thực hiện cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh rượu thủ công cũng còn hạn chế. Một số cơ sở muốn thực hiện cấp phép nhưng không đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật.

- Mặc dù đã có Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu nhưng rượu thủ công hiện nay khó kiểm soát chất lượng; đang gây thất thu ngân sách Nhà nước; thiếu công bằng với các cơ sở kinh doanh rượu có giấy phép do không phải chịu các chi phí về tuân thủ pháp luật (cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP; giấy phép sản xuất rượu; tem rượu; thuế tiêu thụ đặc biệt...). Đặc biệt là tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn vệ sinh thực phẩm và các hệ lụy từ sử dụng rượu, ảnh hưởng an ninh trật tự, an toàn xã hội.

- Có tình trạng công chức phụ trách quản lý nhà nước lĩnh vực ATTP không có chuyên môn nghiệp vụ, chuyên ngành liên quan về ATTP; đặc biệt về công tác lấy mẫu thực phẩm,... kinh phí cho thực hiện công tác quản lý nhà nước về ATTP thuộc phạm vi quản lý của ngành còn rất hạn chế; điều kiện về trang thiết bị kỹ thuật để phục vụ công tác quản lý chưa được trang bị, như test nhanh (foocmon, hàn the, methanol) và chi phí kiểm nghiệm thực phẩm v.v

VII- Quy định về quản lý ATTP đối với sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ, thức ăn đường phố, dịch vụ ăn uống ATTP tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại.

1- Quản lý sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ

1.1- Kết quả đạt được

- Đối với quản lý cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ, Bộ NN&PTNT đã ban hành Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 (sau được thay thế bằng Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT) quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP. Tính đến nay đã thống kê được 2.339.764 cơ sở nhỏ lẻ; tổ chức ký cam kết được cho 2.073.119 cơ sở, chiếm 89% (năm 2016 thực hiện ký cam kết được 50% số cơ sở nhỏ lẻ). Năm 2021 tổ chức kiểm tra được 194.915 cơ sở nhỏ lẻ, phát hiện 1.561 cơ sở vi phạm (chiếm 0,8%).

- Công tác quản lý ATTP từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn theo hướng đảm bảo đủ số lượng, đủ năng lực hoạt động để cải thiện mạnh mẽ công tác quản lý nhà nước về ATTP tại các cấp hiện nay. Sự ra đời của mô hình chợ thí điểm bảo đảm vệ sinh ATTP đã khắc phục được nhiều khó khăn mà cả hộ kinh doanh và người tiêu dùng tại chợ đang gặp phải, đó là: cơ sở vật chất cũ kỹ, tình trạng sử dụng hóa chất độc hại, mua bán thực phẩm không rõ nguồn gốc, hàng giả, hàng kém chất lượng, vấn đề môi trường, văn minh thương mại tại chợ,...Chợ được xây dựng theo mô hình, các hộ kinh doanh được trang bị các kiến thức về vệ sinh ATTP thông qua các lớp tập huấn, đào tạo cũng như nâng cao kiến thức bảo quản thực phẩm, đặc biệt là việc không sử dụng hàn the, đảm bảo dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong các mặt hàng tươi sống đều phải đạt yêu cầu cho phép của Bộ Y tế. Việc triển khai thành công mô hình chợ thí điểm đã cho thấy rõ hiệu quả kinh tế - xã hội, làm chuyển biến nhận thức về đảm bảo vệ sinh ATTP tại chợ, nên nhận được sự đồng tình, ủng hộ cao của các hộ kinh doanh cũng như người tiêu dùng thực phẩm tại chợ. Nhìn chung, việc hỗ trợ xây dựng mô hình bàn kinh doanh thực phẩm đã giúp các chợ trên địa bàn có cơ sở vật chất đồng bộ, khang trang và sạch đẹp, đảm bảo vệ sinh ATTP.

- Một số tỉnh đã ban hành quy định phân cấp quản lý nhà nước đối với cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP trên địa bàn tỉnh; triển khai tập huấn kiến thức về ATTP đối với các đối tượng là quản lý, nhân viên Ban quản lý chợ; các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm tại các chợ trên địa bàn tỉnh; các chợ, siêu thị kinh doanh lĩnh vực thực phẩm phải được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP. Hàng

hóa thực phẩm được kinh doanh tại các siêu thị, hầu hết đều có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, được công bố hợp quy hoặc chứng nhận bảo đảm ATTP của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Tại các siêu thị, trung tâm thương mại kinh doanh trong lĩnh vực thực phẩm đều đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP. Hàng hóa thực phẩm được kinh doanh tại các siêu thị, trung tâm thương mại hầu hết đều có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, được công bố hợp quy hoặc chứng nhận bảo đảm ATTP của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Quản lý ATTP đối với các chợ, siêu thị: Lực lượng Quản lý thị trường thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại các chợ, siêu thị trên địa bàn quản lý. Các cá nhân kinh doanh thực phẩm trong chợ cũng được phổ biến, tuyên truyền kiến thức về ATTP; được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

1.2- Tồn tại, hạn chế

- Việc quản lý ATTP đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ là một khó khăn rất lớn trong thực trạng sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản Việt Nam (với số lượng trên 10 triệu hộ, diện tích canh tác bình quân nhỏ khoảng 0,3ha/1 hộ). Để thực hiện quản lý đối tượng này đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt của chính quyền địa phương, đồng thời cũng đòi hỏi việc tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh phương thức quản lý cho phù hợp hơn với điều kiện thực tiễn theo nguyên tắc ngăn chặn nguy cơ ATTP ngay từ các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất.

- Số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhiều và thường xuyên biến động, phần lớn quy mô nhỏ lẻ, manh mún, cá nhân/hộ gia đình là chủ yếu, một số lớn sản xuất, kinh doanh mang tính thời vụ nên việc kiểm soát và cải thiện các điều kiện bảo đảm ATTP gặp nhiều khó khăn, đặc biệt đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm với quy mô rất lớn với loại hình là hộ kinh doanh.

- Chế tài xử phạt cho các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ không có đăng ký kinh doanh và không có cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn chưa có, dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý.

- Trách nhiệm quản lý chợ thuộc về ngành Công thương (trừ chợ đầu mối) tuy nhiên, trong chợ kinh doanh nhiều mặt hàng, ngành hàng liên quan đến ngành nông nghiệp, Y tế (dịch vụ ăn uống), trong khi đó nhân lực không đủ để kiểm soát, quản lý.

- Nguy cơ không bảo đảm ATTP, NĐTP đối với các cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP rất cao do không có tổ chức đánh giá, chứng nhận việc tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện ATTP, trong khi biện

pháp hậu kiểm chưa thực sự có hiệu quả (do thiếu nguồn lực trong công tác bảo đảm ATTP,...).

- Tại các chợ kinh doanh thực phẩm chưa kiểm soát được nguồn hàng từ nơi sản xuất, đặc biệt đối với các mặt hàng thực phẩm tươi sống; cơ quan thú y mới kiểm tra được mặt hàng thịt heo và thịt gia cầm còn lại các mặt hàng khác chưa thực hiện kiểm tra được. Hầu hết các chợ đều chưa được trang bị các thiết bị kiểm tra nhanh (các kit, test,..) các loại thực phẩm. Tại địa phương chưa có chợ đầu mối, chưa rõ đầu mối chịu trách nhiệm về ATTP tại chợ, việc kiểm soát xuất xứ hàng hóa trong chợ đầu mối còn khó khăn.

- Công tác quản lý ATTP đối với sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ, thức ăn đường phố tại địa phương còn nhiều khó khăn do văn bản hướng dẫn còn thiếu, quy mô cơ sở nhỏ lẻ, hộ gia đình, điều kiện kinh tế khó khăn. Công tác giám sát hỗ trợ, duy trì, đánh giá và nhân rộng mô hình điểm về ATTP có nhiều thời điểm bị gián đoạn do kinh phí không đủ nên phải ưu tiên các hoạt động khác.

- Việc kiểm tra các cơ sở vẫn còn chưa được chặt chẽ, nhiều cơ sở vẫn còn chưa đáp ứng được yêu cầu theo quy định nhưng cơ quan chức năng vẫn chưa xử lý được triệt để. Chưa thực hiện kiểm tra được việc người trực tiếp sản xuất, chế biến thực phẩm có mắc các bệnh truyền nhiễm theo quy định hay không do không có kinh phí; văn bản pháp luật cũng không quy định cụ thể là các cơ sở phải thực hiện lấy mẫu xét nghiệm các bệnh truyền nhiễm.

- Việc tập huấn kiến thức ATTP cho người trực tiếp chế biến cũng không quản lý được do quy định của pháp luật không cụ thể. Không có bộ công cụ để kiểm tra người chế biến có đủ kiến thức ATTP hay không.

- Việc kiểm soát chất lượng, nguồn gốc các mặt hàng nông sản, hàng giả, thực phẩm không rõ nguồn gốc tại các siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích gặp khó khăn.

2- Quản lý thức ăn đường phố, cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống.

2.1- Kết quả đạt được:

Theo Luật an toàn thực phẩm, cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố thuộc trách nhiệm quản lý của UBND cấp tỉnh và UBND cấp tỉnh đã thực hiện phân cấp quản lý đối với loại hình này. UBND các cấp cơ bản đã thống kê, quản lý, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP và kiểm tra, hậu kiểm đối với cơ sở được phân công quản lý. Các cơ sở nhà hàng, khách sạn, các công ty cung cấp dịch vụ bữa ăn cho khu công nghiệp, trường học thực hiện tương đối nghiêm túc về kiểm soát nguyên liệu, quy trình chế biến. Hàng năm các đơn vị tổ chức thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống; tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện tốt các quy định về đảm bảo ATTP;

xây dựng các mô hình điểm đảm bảo ATTP, phòng chống NĐTP và các bệnh truyền qua thực phẩm tại các bếp ăn tập thể, cơ sở kinh doanh dịch ăn uống.

2.2- Tồn tại, hạn chế:

- Cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố giao cho UBND các xã, phường, thị trấn quản lý, còn gặp nhiều khó khăn trong quản lý (kinh doanh loại hình này nhiều người từ nơi khác đến, không thuộc đối tượng quản lý của xã, không có địa điểm kinh doanh cố định, thời gian kinh doanh không ổn định, trang thiết bị thiếu thốn, thiếu nước sạch, không được trang bị kiến thức về ATTP...). Công tác quản lý chỉ mang tính hướng dẫn, nhắc nhở, không thực hiện xử lý, xử phạt răn đe. Vì vậy vẫn còn khá nhiều cơ sở vì lợi nhuận trước mắt, vì sự hiểu biết hạn chế, tính cố chấp cao vẫn sản xuất, kinh doanh thức ăn đường phố, dịch vụ ăn uống không bảo đảm về cách li nguồn ô nhiễm, nguồn nguyên liệu, nguồn nước sạch, thực hành vệ sinh...

- Các cấp chính quyền địa phương, đôi khi chưa nêu cao vai trò, trách nhiệm trong việc quản lý các cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố, vẫn còn tình trạng cơ sở kinh doanh thực phẩm nhiều năm, với số lượng lớn trên địa bàn mà không được cấp giấy Đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP gây ngộ độc hàng loạt.

- Một số cơ sở, doanh nghiệp, tổ chức chưa phát huy được vai trò của các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, ban phụ huynh trong công tác giám sát ATTP, phòng chống NĐTP, đặc biệt đối với bếp ăn tập thể khu công nghiệp, bếp ăn trường học. Định mức khẩu phần ăn cho người lao động tại nhiều nơi còn thấp nên gặp khó khăn trong việc chọn thực phẩm an toàn.

- Kinh phí thực hiện tại tuyến huyện, xã hạn chế nên công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, tuyên truyền trực tiếp tại các cơ sở chế biến, kinh doanh, dịch vụ ăn uống còn hạn chế. Nguồn nhân lực cho hoạt động quản lý ATTP, đặc biệt là ở cấp quận, huyện thiếu về số lượng và phần lớn chưa được đào tạo chuyên môn, chưa có cán bộ chuyên trách, phải kiêm nhiệm quản lý nhiều lĩnh vực, thường xuyên chuyển vị trí công tác khác,...đã làm giảm hiệu quả quản lý ATTP.

3- Quản lý ATTP tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại

3.1- Kết quả đạt được

Bộ Công Thương đã tham mưu ban hành Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11856: 2017 - chợ kinh doanh thực phẩm. Sở Công Thương đã chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, đơn vị, cơ sở kinh doanh thực phẩm tại các chợ áp dụng tiêu chuẩn quốc gia về chợ kinh doanh thực phẩm. Hiện nay trên cả nước có trên 8.000 chợ đầu mối; 400 chợ loại I, 1200 chợ loại II và hàng trăm siêu thị, trung

tâm thương mại có kinh doanh thực phẩm. Nhìn chung, công tác quản lý ATTP tại các siêu thị, trung tâm thương mại được thực hiện khá tốt, bảo đảm ATTP.

3.2- Tồn tại, hạn chế

- Tại các chợ công tác quản lý ATTP còn hạn chế do diện tích không đảm bảo, không gian dành cho các hộ tiểu thương kinh doanh thực phẩm còn đan xen, lẫn lộn với các mặt hàng khác; trang thiết bị kiểm nghiệm đa số không có hoặc lạc hậu; chưa kiểm soát được nguồn hàng từ nơi sản xuất, đặc biệt đối với các mặt hàng thực phẩm tươi sống. Đa số các chợ cơ sở hạ tầng còn yếu kém hay bị xuống cấp không đáp ứng điều kiện bảo đảm ATTP.

- Việc xây dựng mô hình chợ ATTP ở khu vực trung tâm, đông dân cư đang gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn đầu tư và xây dựng chợ. Nghị định 02/2003/NĐ-CP và 114/2009/NĐ-CP quy định vốn ngân sách địa phương chỉ hỗ trợ đầu tư chợ đầu mối, nông sản, thực phẩm và chợ hạng 2, hạng 3 ở địa bàn miền núi, nông thôn, hải đảo; Việc thu hút các nguồn vốn xã hội hóa cho đầu tư cho chợ hiện nay. Trong khi đó để đạt tiêu chuẩn quốc gia về chợ kinh doanh thực phẩm, các chợ hiện nay cần đầu tư nhiều về cơ sở vật chất.

VIII- Quy định về quản lý ATTP đối với vật liệu bao gói, bao bì chứa đựng thực phẩm.

1- Kết quả đạt được

Nhìn chung, các cơ sở chế biến quy mô công nghiệp thực hiện các quy định về vật liệu bao gói và chứa đựng thực phẩm cơ bản là tốt. Các quy định về quản lý ATTP đối với vật liệu bao gói, bao bì chứa đựng thực phẩm hiện đã được quy định cụ thể, các loại bao bì để chứa đựng thực phẩm đều được quản lý và kiểm soát, tùy vào các sản phẩm khác nhau mà phân công trách nhiệm quản lý cho các ngành Y tế, Nông nghiệp, Công Thương. Việc tuân thủ quy định đối với vật liệu bao gói, bao bì chứa đựng thực phẩm đều được cơ quan chức năng hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến trong các buổi nói chuyện, tập huấn hoặc kết hợp trong các đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát, thẩm định tại cơ sở.

2- Tồn tại, hạn chế

- Đối với các cơ sở nhỏ lẻ, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tươi sống việc yêu cầu vật liệu bao gói và bao bì chứa đựng thực phẩm phải là loại chuyên dụng trong điều kiện thực tế là không khả thi cần điều chỉnh cho phù hợp.

- Một số cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa nhận thức đúng về tầm quan trọng của việc sử dụng vật liệu bao gói, bao bì chứa đựng thực phẩm an toàn vì vậy khi lựa chọn, sử dụng đã không yêu cầu cung cấp các hồ sơ về tự công bố sản phẩm của vật liệu bao gói, bao bì đảm bảo ATTP, có thể gây ảnh hưởng tới

chất lượng sản phẩm.

- Vật liệu bao gói, bao bì chứa đựng thực phẩm nói chung chưa được kiểm soát chặt chẽ và khó kiểm soát do Luật ATTP quy định các ngành quản lý ATTP đối với dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý nên các bao bì thông dụng như bì PE, bì PP,... có thể sử dụng chung cho nhiều loại thực phẩm vì vậy khó xác định ngành nào quản lý và chưa được quản lý.

- Các quy định chưa phù hợp với sự phát triển do kiểu dáng, chất liệu bao bì có sự thay đổi và cải tiến thường xuyên nên khó áp dụng từ quy định này cho loại bao bì khác nhau.

- Hiện nay trên thị trường, xuất hiện rất nhiều sản phẩm dụng cụ bao gói, chứa đựng thực phẩm có xuất xứ từ nước ngoài được bán tại các chợ, siêu thị và sử dụng nhiều ở các quán giải khát, đồ ăn sẵn, thức ăn đường phố (hộp xốp, ống hút, hộp nilon, túi nilong...) nhưng không được các tổ chức, cá nhân nhập khẩu thực hiện công bố; việc kiểm tra, kiểm soát các sản phẩm này trên thị trường gặp nhiều khó khăn do không xác định được cơ quan quản lý chính.

- Việc sử dụng các vật liệu bao gói, bao bì chứa đựng thực phẩm không đảm bảo về chất lượng và không rõ nguồn gốc, xuất xứ còn xảy ra nhiều tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm và cả các hộ gia đình. Hiện nay Luật ATTP năm 2010 chưa có quy định cụ thể về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ đối các cơ sở sản xuất vật liệu bao gói, bao bì chứa đựng thực phẩm; các cơ sở này không thuộc đối tượng không phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP nên khó khăn trong công tác rà soát, thống kê và quản lý. Chưa có sự quản lý chặt chẽ về nguồn gốc và chất lượng sản phẩm tại các cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ bán vật liệu bao gói, bao bì chứa đựng thực phẩm; vẫn còn tình trạng một số cơ sở sử dụng bao gói thực phẩm không đảm bảo an toàn vệ sinh đối với thực phẩm, nhất là đồ ăn sẵn như việc sử dụng các hộp xốp dùng 1 lần, hộp nhựa, cốc nhựa, túi nilon,... không rõ nguồn gốc, xuất xứ và chưa được đánh giá về mức độ phơi nhiễm các chất độc hại vào thực phẩm khi chứa đựng. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ quản lý ATTP còn thiếu và chưa cập nhật phù hợp với tình hình quản lý trên thực tế. Việc giám sát định kỳ đối với các cơ sở này còn gặp khó khăn do cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP). Công tác quản lý cơ sở chủ yếu dựa vào việc cơ sở thực hiện tự công bố sản phẩm. Số lượng cơ sở tăng giảm khó cập nhật do các cơ sở không chủ động thông báo về cơ quan quản lý.

IX- Quy định về quản lý ATTP trong xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm

1- Kết quả đạt được

1.1- Trong xuất khẩu thực phẩm:

- Từ năm 2011 đến nay, Bộ NN&PTNT đã tập trung giải quyết tương đối hiệu quả các rào cản kỹ thuật, giữ vững và mở rộng thị trường xuất khẩu, tháo gỡ kịp thời các khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu nông thủy sản đảm bảo ổn định xuất khẩu nông lâm thủy sản vào các thị trường truyền thống và khai thông một số thị trường mới. Bộ đã chỉ đạo đón tiếp và làm việc với các đoàn thanh tra của các nước nhập khẩu đánh giá về hệ thống quản lý ATTP. Kịp thời xử lý các vướng mắc trong xuất khẩu nông lâm thủy sản đi các thị trường.

- Tăng cường quan hệ hợp tác trong kiểm soát chất lượng, ATTP, ký kết thỏa thuận hợp tác với cơ quan thẩm quyền các nước nhập khẩu nông lâm thủy sản Việt Nam.

- Kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết các rào cản kỹ thuật của các thị trường nhập khẩu, duy trì và mở rộng thêm thị trường mới. Kết quả khởi sắc trong xuất khẩu nông lâm thủy sản giai đoạn 2016 -2021 như: Việt Nam đã được xuất khẩu sữa sang Trung Quốc, mở rộng xuất khẩu nông sản sang một số thị trường mới (xuất khẩu thịt gà sang Nhật; sữa tươi nguyên liệu sang Trung Quốc; thịt lợn mảnh đông lạnh, thịt gà chế biến và tổ yến sang Hồng Kông...; xoài, vú sữa sang Hoa Kỳ; nhãn, vải sang Châu Âu, Nhật Bản, Singapore, Úc; măng cụt sang Trung Quốc...); Tích cực đàm phán, giải quyết các vướng mắc trong xuất khẩu thủy sản, gia tăng số doanh nghiệp được phép xuất khẩu thủy sản sang EU, Hàn Quốc, Trung Quốc, Liên bang Nga (lần lượt là 627, 804, 748, 73 doanh nghiệp); 13 doanh nghiệp tiếp tục được xuất khẩu cá da trơn vào Hoa Kỳ.

1.2- Trong nhập khẩu thực phẩm

- Thực hiện đổi mới phương thức kiểm soát thực phẩm nhập khẩu, Bộ NN&PTNT đã ban hành các văn bản QPPL để kiểm soát từ gốc – từ nước xuất khẩu.

- Về sản phẩm nguồn gốc thực vật: Đã thực hiện kiểm tra, công nhận hệ thống đảm bảo ATTP của 47 nước được phép nhập khẩu sản phẩm có nguồn gốc thực vật vào Việt Nam. Công bố Danh sách các chỉ tiêu ATTP về hoạt chất thuốc BVTV cần kiểm tra trên nông sản, thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu trên cơ sở xác định nguy cơ về ATTP đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam. Từ năm 2011-2021: đã thực hiện kiểm tra ATTP: 653.482 lô với tổng trọng lượng hơn 54.948.478 tấn với hơn 130 loại mặt hàng có nguồn gốc thực vật nhập khẩu.

- Về sản phẩm có nguồn gốc động vật (bao gồm cả thủy sản): Việc thay đổi phương thức kiểm soát ATTP đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật, thủy sản nhập khẩu thông qua việc đăng ký, kiểm tra từ gốc tại nước xuất khẩu để công nhận quốc gia, doanh nghiệp có hệ thống kiểm soát ATTP đáp ứng quy định xuất khẩu sản phẩm vào Việt Nam đã góp phần quan trọng trong việc kiểm soát ATTP nhập khẩu đồng thời là rào cản kỹ thuật và công cụ đàm phán hiệu quả đối với các đối tác nước ngoài trong việc cân bằng cán cân thương mại hàng hóa nông sản.

- Luật An toàn thực phẩm đã quy định điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm nhập khẩu và xuất khẩu (Điều 38, 39, 40, 41, 42 Luật An toàn thực phẩm). Do đó, các quy định này là căn cứ pháp lý cho cơ sở và cơ quan quản lý nhà nước áp dụng khi tham gia sản xuất, kinh doanh, giám sát và xử lý các vi phạm về ATTP (nếu có).

- Công tác quản lý ATTP trong xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm được tăng cường. Các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về công bố sản phẩm đảm bảo theo quy định.

- Thông qua các đoàn kiểm tra cho thấy các cơ sở kinh doanh các sản phẩm nhập khẩu đều có đầy đủ hóa đơn chứng từ và điều kiện cơ sở vật chất bảo quản như tủ lạnh, nhà lạnh đảm bảo ATTP theo quy định. Đối với sản phẩm xuất khẩu có nguồn gốc từ động vật, đối với sản phẩm nguồn gốc thực vật như mơ, măng, thạch đen, cải muối, kiệu... các cơ sở khi xuất khẩu đảm bảo quy định về ATTP trong nước và quản lý theo hệ thống quản lý chất lượng ISO Quốc tế. Phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật đã được cấp mã vùng trồng để xuất khẩu sang Trung Quốc với diện tích 19,33ha cho 6 mã vùng trồng thạch đen.

2- Tồn tại, hạn chế

- Quy định về an toàn phẩm của quốc tế luôn thay đổi dẫn đến việc kịp thời đáp ứng các yêu cầu của nước xuất khẩu còn hạn chế.

- Việc kiểm soát nhập khẩu nông sản qua đường tiểu ngạch và biên giới trên đất liền, trên biển còn hết sức khó khăn nên một số nguồn nông sản nhập lậu không đảm bảo ATTP vẫn còn thâm lậu vào thị trường nội địa gây bức xúc trong nhân dân.

- Công tác kiểm tra nhà nước về hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu: Lượng hàng hóa lớn, phân loại hàng hóa còn hạn chế và đối với thủ tục hành chính về kiểm tra xuất nhập khẩu được thực hiện tại cửa khẩu theo cơ chế một cửa quốc gia. Hiện chỉ có TTHC về Kiểm tra nhà nước ATTP hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu được thực hiện theo cơ chế một cửa quốc gia; Chưa thực hiện được kiểm tra giảm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP.

- Trong quá trình thực hiện kiểm tra ATTP nhập khẩu còn gặp nhiều khó khăn về nhân lực và kinh phí thực hiện giám sát ATTP, đặc biệt khi chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

- Việc giao nhiều đầu mối tham gia thực hiện kiểm tra nhà nước về thực phẩm nhập khẩu là bất cập đối với công tác quản lý. Trong khi đó không quy định mối liên quan giữa đơn vị thực hiện kiểm tra với cơ quan thường trực quản lý ATTP trên địa bàn là Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, nên không nắm bắt thường xuyên, toàn diện được kết quả công tác kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu.

B- VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ATTP, GIẤY TIẾP NHẬN BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY; QUẢN LÝ ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ KHÔNG THUỘC DIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ATTP.

I- Việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP

1- Kết quả đạt được

- Từ năm 2011, Bộ NN&PTNT đã ban hành Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/03/2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản (sau được thay thế bằng Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014, nay là Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện ATTP). Trong giai đoạn 2011 -2016 tổng số cơ sở được kiểm tra đạt yêu cầu và được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP là 26.342 (chiếm 58%). Trong giai đoạn 2016-2021, tổng số cơ sở được thẩm định cấp giấy chứng nhận và định kỳ là 73.380 cơ sở (chiếm 93,4%).

- Theo phân cấp, Bộ Y tế tổ chức tiếp nhận và quản lý hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia thực phẩm không thuộc danh mục các chất phụ gia được phép sử dụng hoặc không đúng đối tượng sử dụng trong thực phẩm do Bộ Y tế quy định; Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu Thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

(chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo)

- Tính đến năm 2023, Bộ Y tế đã cấp được 421 Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe .

- Trong giai đoạn 2011 -2021, Bộ Y tế đã thu hồi 21 Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Đối với Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện

ATTP đạt yêu cầu thực hành sản xuất tốt (GMP) thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ năm 2019 đến năm 2023 đã thu hồi 05 Giấy.

- Công tác cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP tại các địa phương có nhiều tiến bộ, tỷ lệ cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP ngày càng được nâng cao. Việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP cho các cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm được thực hiện theo hướng dẫn và quy định của bộ, ngành. Ngoài ra, phần lớn tại tuyến tỉnh ở các địa phương đã xây dựng và đưa vào hoạt động quy trình giải quyết thủ tục hành chính công cấp độ 3, cấp độ 4 trên cổng dịch vụ công của UBND tỉnh. Quy trình tiếp nhận và thời gian xử lý hồ sơ tại cơ quan chức năng đơn giản, nhanh chóng, tạo cơ chế thông thoáng cho các tổ chức, cá nhân đến liên hệ giải quyết thủ tục.

- Các cơ quan quản lý luôn rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong việc lập hồ sơ, thẩm định cấp giấy chứng nhận về ATTP như hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP quy định tại Nghị định số 155/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế

2-Tồn tại, hạn chế

- Về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Quy định về hồ sơ phải nộp khi đăng ký quá nhiều thành phần hồ sơ không còn phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính (như hồ sơ về Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm và Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm) theo nguyên tắc hậu kiểm (cơ quan thực hiện có thể thẩm định, kiểm tra nội dung này tại cơ sở).

- Chưa có quy định cụ thể, thống nhất về hoạt động kiểm tra sau cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (hiện nay ba Bộ thực hiện khác nhau: Bộ Nông nghiệp và PTNT thẩm định định kỳ, Bộ Y tế và Bộ Công Thương chỉ lựa chọn để đi hậu kiểm).

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm còn gặp những lúng túng, bất cập trong việc lựa chọn cơ quan nào quản lý do sản phẩm của doanh nghiệp không được đề cập Phụ lục danh mục sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của 03 Bộ, đồng thời sản phẩm đang sản xuất, kinh doanh lại thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan khác nhau.

- Việc đáp ứng các yêu cầu về điều kiện ATTP của các cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình còn hạn chế.

- Còn một số vướng mắc trong quy định pháp lý như: quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn trong cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ trong Nghị định số 15/2018/NĐ-CP chưa rõ ràng gây khó khăn quá trình thực hiện. Theo quy định tại Nghị định 15/2018/NĐ-CP thì cơ sở sản xuất kinh doanh đa ngành nghề thuộc thẩm quyền quản lý từ 2 Bộ ngành trở lên khi cơ sở tự chọn hoặc bộ ngành được phân công quản lý thực hiện các thủ tục hành chính như cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hay xác nhận kiến thức... hiện chưa có hướng dẫn của liên Bộ để thực hiện về mẫu biên bản thẩm định hay trình tự hồ sơ xác nhận kiến thức.

- Về điều kiện, hạ tầng sản xuất: Tại tuyến tỉnh, Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh đa phần thuộc diện thủ công có quy mô nhỏ lẻ, số lượng các cơ sở thường xuyên biến động gây khó khăn trong công tác rà soát, quản lý. Mặt khác, do quy mô nhỏ lẻ, manh mún hộ gia đình nên khó khăn trong việc chấp hành và đáp ứng đầy đủ các quy định về điều kiện ATTP trong sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm. Một số cơ sở không thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện (bếp ăn tập thể doanh nghiệp, cơ sở giáo dục) vì không có giấy đăng ký kinh doanh với ngành nghề phù hợp, nhưng theo yêu cầu từ phía đối tác của doanh nghiệp cơ sở vẫn mong muốn được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện, điều này gây khó khăn đối với các cơ quan quản lý trên địa bàn.

- Đối với Bộ NN&PTNT: Mặc dù tỉ lệ cấp Giấy chứng nhận ATTP ngày càng tăng cao nhưng đối tượng quản lý chủ yếu là của tuyến tỉnh thực hiện (có giấy phép kinh doanh), tuyến huyện không đủ nhân lực để thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp, chỉ có một cán bộ kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực nên không thể rà soát, thẩm định, hướng dẫn hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP cho tất cả các cơ sở thuộc phạm vi quản lý theo quy định. Mặt khác, những năm gần đây, nông sản phát triển không ổn định, giá cả bấp bênh nên nhiều cơ sở chuyển đổi mục đích sản xuất, kinh doanh, ngừng hoạt động, chuyển đổi ngành nghề kinh doanh hoặc chỉ kinh doanh theo mùa vụ nên khó khăn cho việc hướng dẫn, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP đồng bộ cho các cơ sở trên địa bàn tỉnh.

- Việc các bếp ăn tập thể trong khu công nghiệp hoặc bếp ăn trường học nhưng cung cấp số lượng lớn thức ăn hiện nay vì không có đăng ký kinh doanh nên không cấp giấy đủ điều kiện ATTP nên gây khó khăn trong công tác quản lý. Tỷ lệ cơ sở thuộc đối tượng chưa được cấp giấy vẫn còn cao chủ yếu là các cơ sở ở tuyến huyện, xã. Ở tuyến cơ sở, việc cơ sở thực sự đủ điều kiện ATTP theo quy định để được cấp giấy chứng nhận là rất khó, do các cơ sở thường nhỏ

lẻ, ở vùng sâu vùng xa điều kiện kinh tế người dân khó khăn, không có điều kiện để đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị, người có nhu cầu sử dụng dịch vụ ít.

- Một số loại hình dịch vụ ăn uống khó xác định cơ quan thẩm quyền cấp giấy chứng nhận: Cơ sở dịch vụ ăn uống trong chợ, trong siêu thị hoặc đối với các nhà hàng trong khu nghỉ dưỡng, loại hình homestay chưa có hướng dẫn cụ thể có cần phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hay không. Các cơ sở đã tuân thủ các điều kiện đảm bảo ATTP trong quá trình sản xuất, thu gom, sơ chế, chế biến, kinh doanh. Tuy nhiên, vẫn còn một số cơ sở do lợi nhuận đã không tuân thủ điều kiện đảm bảo ATTP trong quá trình kinh doanh dẫn đến còn xử phạt vi phạm hành chính hoặc thu hồi giấy chứng nhận.

II- Việc cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố hợp quy

1- Kết quả đạt được

- Việc cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố hợp quy đối sản phẩm thực phẩm được phân thành hai giai đoạn. Từ năm 2012 đến ngày 01/02/2018, các sản phẩm thực phẩm đã có Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thực hiện công bố hợp quy; các sản phẩm thực phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật thực hiện công bố phù hợp quy định ATTP. Theo đó, các Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm các tỉnh đã thường xuyên cập nhật mới các QCVN, TCVN để hướng dẫn tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thực phẩm thực hiện công bố chất lượng sản phẩm theo đúng quy định.

- Từ năm 2018-2023: Các sản phẩm thực phẩm được quản lý theo phương thức Đăng ký bản công bố sản phẩm đối với 03 nhóm sản phẩm: 1) Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt; 2) Sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi; 3) Phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia thực phẩm không thuộc trong danh mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm hoặc không đúng đối tượng sử dụng do Bộ Y tế quy định; các sản phẩm thực phẩm còn lại (trừ 03 nhóm phải đăng ký) được thực hiện tự công bố theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ban hành và có hiệu lực ngay sau khi ký đã thay đổi căn bản phương thức quản lý thực phẩm nói chung, thực phẩm chức năng nói riêng. Theo văn bản này, các thủ tục hành chính được giảm căn bản, cụ thể đối với nhóm thực phẩm chức năng, như sau:

- Nhóm thực phẩm bổ sung (một nhóm trong thực phẩm chức năng) được thực hiện tự công bố sản phẩm (Điều 4 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP);

- Chỉ còn nhóm thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến

36 tháng tuổi phải thực hiện đăng ký bản công bố sản phẩm với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo Điều 6 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

- Giảm thời gian, thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm: trình tự, thủ tục đăng ký bản công bố được giảm các giấy tờ và thời gian thẩm định hồ sơ rút ngắn từ 15 ngày xuống 7 ngày trừ nhóm thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ 30 ngày xuống 21 ngày. Đặc biệt, các sản phẩm thực phẩm không phải thực hiện việc công bố lại.

- Thực phẩm bảo vệ sức khỏe được miễn kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm khi thực phẩm đó đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm.

- Giai đoạn 2012 đến tháng 01/2018, Bộ Y tế đã cấp:

+ Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy: 20.267 sản phẩm

+ Cấp giấy xác nhận công bố phù hợp quy định An toàn thực phẩm đối với thực phẩm: 43.256 sản phẩm.

- Giai đoạn từ tháng 02/2018 - đến nay: Bộ Y tế đã cấp Giấy tiếp nhận bản công bố sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe cho 68.750 sản phẩm (theo phân công quản lý).

2- Tồn tại, hạn chế

- Quy định về đăng ký bản công bố hợp quy đối với thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm (quy định tại Khoản 3 của Điều 12, 18 và Khoản 1 Điều 38) không còn phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính (áp dụng nguyên tắc đánh giá quản lý dựa trên nguy cơ, hậu kiểm), không phù hợp với thông lệ quốc tế (hiện nay các nước trên thế giới đều không có yêu cầu về công bố hợp quy mà quy định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp là công bố đủ thông tin trên nhãn theo quy định về ghi nhãn và chịu trách nhiệm về nội dung ghi nhãn, bị xử phạt nếu kết quả thanh tra kiểm tra cho thấy vi phạm các quy định về ATTP).

- Việc không quy định thời hạn hiệu lực giấy Tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm dẫn đến việc không kiểm soát được số lượng sản phẩm thực tế lưu thông trên thị trường, gây khó khăn cho công tác lập kế hoạch, bố trí nguồn lực hậu kiểm.

- Chưa có quy định về thu hồi, các trường hợp phải thu hồi giấy Tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm (trường hợp doanh nghiệp không tồn tại, không kinh doanh hoặc hậu kiểm phát hiện vi phạm), hủy hiệu lực bản tự công bố và hồ sơ tự công bố sản phẩm.

- Hiện nay, quy định các cơ sở sản xuất, cơ sở kinh doanh, cơ sở nhập

khẩu đều có thể đứng ra công bố sản phẩm, như vậy dẫn đến tình trạng nhiều chủ thể có thể công bố sản phẩm gây ra tình trạng khó khăn trong việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm khi có sự cố về an toàn thực phẩm xảy ra.

- Việc chưa quy định kiểm nghiệm định kỳ đối với sản phẩm sau khi công bố sẽ không kiểm soát, giám sát được chất lượng sản phẩm khi lưu thông trên thị trường.

- Việc chưa quy định các sản phẩm có khả năng sử dụng sai mục đích cần phải kiểm soát đặc biệt có thể tạo kẽ hở cho một số doanh nghiệp lợi dụng nhập khẩu để sử dụng cho mục đích không lành mạnh, có nguy cơ gây nguy hiểm cho xã hội (Khí cười - N_2O , Caffein...).

- Do hàng rào kỹ thuật giữa thực phẩm bảo vệ sức khỏe với thực phẩm thường chế biến bao gói sẵn, thực phẩm bổ sung chưa rõ ràng, cụ thể và chưa quy định tính chất đặc thù cho từng loại nên một số tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe không đáp ứng được các quy định về thực hành sản xuất tốt (GMP) trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe theo lộ trình bắt buộc đã biến tướng từ hình thức công bố các sản phẩm có bản chất là thực phẩm bảo vệ sức khỏe thành tự công bố các sản phẩm thực phẩm thường chế biến bao gói sẵn và thực phẩm bổ sung đưa ra thị trường nhất là trong thời gian vừa qua do bệnh dịch Covid -19 đang lan tràn nhu cầu tiêu thụ của người dân tăng cao. Mặt khác việc bùng nổ các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng không đảm bảo chất lượng là do hiện nay dịch vụ internet phát triển mạnh nên người tiêu dùng dễ dàng tiếp nhận thông tin và mua bán trực tuyến thực phẩm chức năng gây khó khăn cho việc quản lý các cơ sở này cũng như các sản phẩm thực phẩm. Việc một số sản phẩm tự công bố nhưng ghi công dụng như thực phẩm chức năng dẫn đến việc người tiêu dùng hiểu sai công dụng của sản phẩm.

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm khi nộp hồ sơ tự công bố sản phẩm đến cơ quan quản lý nhà nước đã tiến hành sản xuất sản phẩm ngay và lưu thông trên thị trường, tuy nhiên có một số hồ sơ tự công bố xếp nhóm đối tượng không phù hợp theo quy định. Việc hậu kiểm không thể triển khai ngay và cũng không thực hiện thường xuyên liên tục dẫn đến việc sản phẩm sản xuất, lưu thông trên thị trường, khi phát hiện sai phạm dẫn đến việc thu hồi phức tạp, hoặc sản phẩm đã bán cho người tiêu dùng gây ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.

- Việc một số sản phẩm tự công bố tại địa phương này nhưng bán tại địa phương khác và có sự tự thay đổi nhãn mác so với nhãn ban đầu nộp trong hồ sơ tự công bố nên việc kiểm tra, hậu kiểm khó khăn; việc cấp công bố cho các sản phẩm

nông sản chưa được ngành nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa gây khó khăn cho doanh nghiệp khi đưa hàng vào siêu thị. Số lượng hồ sơ tự công bố tăng vọt do thay đổi từ tiền kiểm sang hậu kiểm, cơ sở sản xuất thực phẩm thông thường không cần phải thẩm định hồ sơ, không cần thẩm xét hồ sơ đúng mới được sản xuất, chỉ cần có hồ sơ gửi đến cơ quan quản lý và công khai hồ sơ tại cơ sở hoặc đăng tải trên Website của cơ sở là được sản xuất dẫn đến rất khó quản lý, nguy cơ không đảm bảo các chỉ tiêu về chất lượng và ATTP, trong khi kinh phí bố trí cho công tác kiểm nghiệm đánh giá chất lượng còn hạn chế; hoặc ngành Y tế được giao tiếp nhận bản tự công bố của các sản phẩm thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn được sản xuất, kinh doanh nhưng lại không có thẩm quyền hậu kiểm đối với các cơ sở do ngành Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

III- Việc quản lý đối với cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

1- Kết quả đạt được

- Khoản 3 Điều 34 Luật an toàn thực phẩm có quy định “Chính phủ quy định cụ thể đối tượng không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm”.

- Theo đó, tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP Chính phủ có quy định một số loại cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Đó là những “cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực”.

- Cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm phải tuân thủ các quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tương ứng, được quy định tại Chương IV Luật an toàn thực phẩm 2010 và một số Nghị định hướng dẫn có liên quan (như Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, 155/2018/NĐ-CP, 123/2018/NĐ-CP, 17/2020/NĐ-CP) và chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý an toàn thực phẩm; Trường hợp có vi phạm về điều kiện an toàn thực phẩm thì bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 115/2018/NĐ-CP và 124/2021/NĐ-CP về xử lý vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

- Công tác quản lý đối với cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP được thực hiện thông qua việc ký cam kết ATTP

(ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Công Thương). Thời gian qua công tác ký cam kết ATTP được nhiều thuận lợi do ý thức của người sản xuất, kinh doanh được nâng cao và sự đồng thuận trong toàn xã hội.

- Hiện nay, các cơ sở đa số là các cơ sở nhỏ lẻ, không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố (đối với các cơ sở thuộc ngành Công Thương, Nông nghiệp và phát triển nông thôn quản lý chỉ phải ký cam kết đảm bảo ATTP). Theo đó hàng năm, các đoàn kiểm tra liên ngành/chuyên ngành các tuyến đã tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ đối với các cơ sở trên ít nhất 1 lần/năm.

2- Tồn tại, hạn chế

- Nguy cơ không bảo đảm ATTP, NĐTP đối với các cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP rất cao do không có tổ chức đánh giá, chứng nhận, hướng dẫn việc tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện ATTP, trong khi biện pháp hậu kiểm chưa thực sự có hiệu quả do quy mô nhỏ lẻ, số lượng lớn, do thiếu nguồn lực, nhận thức trách nhiệm trong việc tuân thủ các quy định về bảo đảm ATTP, không xác định được cá nhân, người chịu trách nhiệm khi phát hiện vi phạm và xử lý... Tỷ lệ cơ sở được ký cam kết sản xuất an toàn còn rất thấp, thực hiện chủ yếu ở các xã phân đầu xây dựng Nông thôn mới, tuy nhiên cũng chỉ thực hiện đối với các cơ sở, hộ gia đình sản xuất rau, quả, chăn nuôi heo, gà, còn đối với các loại cây trồng công nghiệp dài ngày hầu như chưa thực hiện, do ở cấp xã không có cán bộ chuyên trách để tham mưu, bên cạnh đó đối tượng quản lý của ngành quá rộng lớn.

- Việc thống kê các cơ sở ATTP của cấp huyện, cấp xã chưa cụ thể rõ ràng; việc triển khai hướng dẫn tập huấn xác nhận kiến thức cho các cơ sở kinh doanh thực phẩm và triển khai hướng dẫn các cơ sở kinh doanh thực phẩm thực hiện ký cam kết và tổ chức tiếp nhận Bản cam kết ATTP của UBND các huyện, cấp xã còn chậm, kết quả đạt được thấp là do các cơ sở này là các đối tượng nhỏ, lẻ, hộ gia đình, thuộc đối tượng chỉ thực hiện ký cam kết bảo đảm ATTP với chính quyền địa phương theo phân cấp quản lý.

- Việc tổ chức kiểm tra nội dung mà các cơ sở đã ký cam kết gặp nhiều khó khăn, chưa triển khai hiệu quả: (1) Đối với loại hình cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống lưu động rất khó quản lý, việc tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm gặp nhiều khó khăn do các cơ sở này hoạt động không thường xuyên; (2) Đối với loại hình kinh doanh thức ăn đường phố do hoạt động không thường xuyên, thay đổi địa điểm kinh doanh liên tục và hoạt động ngoài giờ hành chính gây khó khăn cho công tác kiểm tra, quản lý.

- Việc quản lý ATTP đối với các cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng

nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hiện nay còn gặp nhiều khó khăn như: cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm phần lớn vẫn ở quy mô nhỏ lẻ và thường xuyên biến động số lượng gây khó khăn trong công tác rà soát, quản lý. Mặt khác, một số cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố nhỏ lẻ, địa điểm kinh doanh không cố định nên khó khăn trong việc chấp hành và đáp ứng đầy đủ các quy định về điều kiện ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Một số địa phương còn thiếu kinh nghiệm quản lý đối tượng nhỏ lẻ trong khi số lượng các đối tượng sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ tại các địa phương là rất lớn nên việc thực thi và xử lý vi phạm các quy định về ATTP còn gặp nhiều khó khăn; công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực ATTP tại tuyến huyện, tuyến xã chưa được thường xuyên và đồng bộ nên nhận thức của chủ doanh nghiệp, cơ sở còn hạn chế.

- Việc nhà hàng trong khách sạn, bếp ăn tập thể không thuộc đối tượng phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cũng là nội dung gây khó khăn cho công tác quản lý trên địa bàn. Có những khách sạn hoạt động nhiều năm nhưng vì không thuộc đối tượng cấp giấy nên cơ quan quản lý không nắm bắt được tình hình hoạt động, do đó gây lỏng lẻo trong công tác quản lý. Chưa có quy định cụ thể có cấp giấy cho các đối tượng là homestay, các khu nghỉ dưỡng nên việc quản lý các cơ sở này còn gặp khó khăn. Hơn nữa, các loại hình này cũng hoạt động kinh doanh, thậm chí phục vụ nhiều người. Việc không cấp giấy cho loại hình này không phù hợp, không khách quan cho các nhà hàng hoạt động đơn lẻ.

- Số lượng các cơ sở không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp tương đối lớn, đặc biệt là cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ (trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác, nuôi trồng thủy sản;...) khó khăn trong việc thống kê, tổ chức ký cam kết, kiểm tra sau cam kết theo quy định. Số cơ sở được kiểm tra sau khi ký cam kết còn chưa cao. Chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể đối với một số cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định tại Điều 12 của Nghị định có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

- Do việc kiểm tra nội dung đã cam kết phải tham chiếu tại nhiều văn bản như Luật ATTP, Nghị định 66/2016/NĐ-CP, Nghị định 123/2018/NĐ-CP và quy chuẩn tương ứng với từng loại hình cơ sở. Trong khi đó, lực lượng cán bộ chuyên trách thực hiện công tác quản lý ATTP ở cấp xã còn thiếu, chưa được đào tạo chuyên sâu, hầu hết là kiêm nhiệm, dẫn tới lúng túng trong công tác kiểm tra việc thực hiện cam kết theo Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT.

- Công tác thống kê, rà soát các cơ sở được cấp giấy chứng nhận ISO 22000, FSC, HACCP hoặc tương đương gặp khó khăn. Mặt khác, chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc quản lý ATTP tương ứng đối với các cơ sở đã được cấp Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý ATTP ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (FSC), Tiêu chuẩn toàn cầu về ATTP (BRC), Chứng nhận hệ thống ATTP (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực. Sự bùng nổ của công nghệ thông tin, nhu cầu sử dụng các dịch vụ trực tuyến của người dân gia tăng, vì thế việc kinh doanh thực phẩm online ngày càng phát triển thông qua các trang mạng xã hội như: zalo, facebook, việc kinh doanh này đa phần là nhỏ lẻ, không có giấy phép, nhiều loại thực phẩm được rao bán theo kiểu nhà làm (sản xuất, chế biến theo yêu cầu, đơn đặt hàng của người tiêu dùng), gây khó khăn cho công tác quản lý. Việc ký cam kết chưa được quy định tại Luật ATTP.

C- CÔNG TÁC THÔNG TIN, GIÁO DỤC TRUYỀN THÔNG VỀ ATTP; CÔNG TÁC QUẢN LÝ QUẢNG CÁO THỰC PHẨM.

I- Việc nâng cao kiến thức và thực hành về ATTP

1- Kết quả đạt được

- Thực hiện Luật An toàn thực phẩm, công tác tuyên truyền, giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng đã được các Bộ, ngành nói chung và Bộ Y tế nói riêng và địa phương đẩy mạnh, đặc biệt tập trung vào dịp Tết Nguyên đán và mùa lễ hội xuân, Tháng hành động vì ATTP và Tết Trung thu. Cụm từ an toàn vệ sinh thực phẩm (ATVSTP) cách đây hơn 10 năm ít người nhắc đến, nhưng đến nay ATTP là câu nói thường trực được nhiều người sử dụng. Theo điều tra xã hội học hàng năm thì kiến thức, thực hành về VSATTP của người sản xuất, chế biến, người tiêu dùng đều được nâng lên.

- Các nội dung hoạt động truyền thông về ATTP của Bộ Y tế chủ yếu bao gồm: duy trì tháng hành động vì ATTP, xây dựng nội dung thông điệp; tập trung huy động các kênh truyền thông và lực lượng truyền thông, sản xuất các tài liệu truyền thông về ATTP như: truyền thông trên các phương tiện đại chúng thông qua phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam và các cơ quan báo chí trung ương và địa phương..., truyền truyền trực tiếp qua tập huấn, gặp gỡ, nói chuyện, tổ chức thi tìm hiểu kiến thức..., xây dựng các tài liệu truyền thông về ATTP như băng đĩa thông điệp, tiểu phẩm, tờ rơi, poster, sổ tay, sách...; xây dựng và triển khai các mô hình truyền thông như tổ chức tuyên truyền cơ động, cô động, phát tờ rơi, tờ gấp tại các địa phương lớn... Ngoài ra, còn có các hoạt động thông tin và công nghệ thông tin về ATTP khác như: đăng tin bài trên báo điện tử truyền thông, cung cấp thông tin và trả lời các câu hỏi

của phòng viên các báo và tạp chí, đăng tin trên website của Bộ Y tế và Cục ATTP (tính từ năm 2011-2023, cập nhật tin tức, sự kiện, cảnh báo: 5.235 tin bài; Cập nhật thường xuyên các tài liệu truyền thông, các văn bản pháp luật mới ban hành, các thông tin quản lý liên quan; Lướt truy cập trang web <https://vfa.gov.vn/>: 215,287,369 truy cập).

- Theo thống kê chưa đầy đủ, ngành NN&PTNT từ năm 2011- 2021 đã tổ chức 99.091 hội nghị, hội thảo cho nông dân, người sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông lâm thủy sản; sản xuất, phát hành hơn 464.242 sản phẩm truyền thông như phóng sự, tin bài trên đài truyền hình, đài phát thanh, báo; hơn 9,1 triệu sản phẩm truyền thông như băng rôn, khẩu hiệu, áp phích, tờ gấp, tờ rơi, tờ dán tài liệu... tuyên truyền, phổ biến quy định đảm bảo chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản. Bên cạnh cách thức thông tin, giáo dục, truyền thông truyền thống, Bộ NN&PTNT đã đẩy mạnh truyền thông, quảng bá các mô hình sản xuất, các chuỗi liên kết sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn; cách nhận biết sản phẩm vật tư nông nghiệp giả, kém chất lượng; phổ biến văn bản QPPL, quy định của thị trường nhập khẩu tới doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước liên quan. Hình thức truyền thông cũng đa dạng, phong phú như thông qua tổ chức các hội nghị phổ biến; xây dựng các chuyên mục phát sóng trên VTV²⁵; ký kết kế hoạch phối hợp với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội tổ chức tập huấn cho các tuyên truyền viên để tuyên truyền đến từng người dân và cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản; phối hợp thực hiện Chương trình 526/CTPH-CP-HNDVN-HLHPNVN về “tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2017-2020”. Chương trình này đã vận động gần 9 triệu hộ gia đình hội viên ký cam kết và tuân thủ quy định đảm bảo ATTP trong sản xuất kinh doanh nông sản; áp dụng các quy trình sản xuất chất lượng, an toàn, bền vững như VietGAP, GlobalGAP, VietGAHP, ISO, HACCP...

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với các ban, bộ, ngành và địa phương có liên quan kịp thời chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí ở Trung

²⁵ Xây dựng Chuyên mục “Nói không với thực phẩm bẩn”; phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam từ năm 2016 phát sóng hàng ngày trên VTV chương trình “Nông nghiệp sạch cho người Việt Nam, cho thế giới” giới thiệu các địa chỉ sản xuất, kinh doanh nông sản an toàn tại 63 tỉnh/thành phố trên cả nước; cập nhật và quảng bá danh mục chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn trên website của các cơ quan quản lý và trên chuyên mục “Nông nghiệp sạch” của báo điện tử Vnexpress...); VTV2, VOV sản xuất, phát sóng các bản tin về đảm bảo ATTP và các phóng sự phổ biến mô hình quản lý ATTP theo chuỗi, phối hợp với các Báo Nông nghiệp, Nông thôn ngày nay, Tiền phong, Lao động... đăng tin quảng bá các mô hình áp dụng thực hành nông nghiệp tốt VietGAP, sản xuất kinh doanh nông sản an toàn cũng như thông tin kiểm chứng về các sự cố ATTP đến người tiêu dùng

ương và các địa phương, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân về an toàn thực phẩm; tăng cường công tác thanh, kiểm tra, giám sát hoạt động nhằm cung cấp thông tin, hướng dẫn, nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời những biểu hiện vi phạm; kịp thời xử lý nghiêm những cơ quan báo chí, phóng viên cung cấp thông tin, tuyên truyền sai sự thật. Nội dung tuyên truyền, phổ biến tập trung vào những quy định cụ thể về các cơ chế, chính sách của Nhà nước, trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của các tổ chức, cá nhân; các hộ nông dân, hợp tác xã, các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp tham gia nuôi trồng, chế biến, kinh doanh thực phẩm an toàn...

- Triển khai thực hiện Chương trình phối hợp số 90/CTrPH/CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 30/3/2016 giữa Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về vận động và giám sát an toàn thực phẩm giai đoạn 2016 - 2020, Bộ thông tin và Truyền thông đã ban hành Chương trình số 2090/CTr-BTTTT ngày 23/6/2016 về Chương trình truyền thông Quốc gia về an toàn thực phẩm giai đoạn 2016 - 2020. Theo đó, từ năm 2018 - 2020 đã tổ chức sản xuất và phát sóng 05 phóng sự phát thanh trên Đài Tiếng nói Việt Nam; 22 tin, bài, ảnh tuyên truyền trên báo điện tử; 05 phim tài liệu chính luận phát trên kênh truyền hình có diện phủ sóng toàn quốc tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Đảng, các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, chế biến và kinh doanh thực phẩm an toàn. Phổ biến, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp, tổ chức sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm an toàn. Vận động nhân dân tham gia bảo đảm an toàn thực phẩm; các hộ nông dân, hợp tác xã, các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp, chế biến, kinh doanh thực phẩm đăng ký, cam kết sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm an toàn. Giới thiệu, biểu dương, cổ vũ nhân rộng gương người tốt, việc làm tốt, điển hình tiên tiến trong sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm an toàn; đồng thời phản ánh, phê phán, lên án, kiến nghị xử lý những hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm không an toàn.

- Tại các địa phương, công tác giáo dục truyền thông được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, đi trước một bước trong các hoạt động bảo đảm ATTP. Việc nâng cao kiến thức và thực hành về ATTP cho các đối tượng được được UBND tỉnh quan tâm, các sở, ban, ngành, địa phương đẩy mạnh với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Các hoạt động tuyên truyền giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng được đã được triển khai đồng bộ, bài bản, đặc biệt tập trung vào dịp Tết Nguyên đán, Tháng hành động vì ATTP và Tết Trung thu theo hướng dẫn của BCD liên ngành Trung ương về ATTP.

- Trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là hệ thống loa

truyền thanh của xã, phường thường xuyên tăng cường đăng tải các thông tin, các chuyên đề, các chương trình phổ biến kiến thức về ATTP. Đặc biệt, một số tỉnh tiếp tục chuyển tải nội dung tuyên truyền từ tiếng phổ thông sang tiếng dân tộc để phục vụ các đối tượng vùng sâu, vùng xa, đồng bào các dân tộc thiểu số. Cùng với đó, các hoạt động truyền thông trực tiếp như tập huấn, nói chuyện chuyên đề, hội thảo, tọa đàm, thi tìm hiểu kiến thức về ATTP cũng được đẩy mạnh. Theo báo cáo của các địa phương từ 2011-2023: tổng số tin, bài chủ đề VSATTP được phát sóng trên hệ thống phát thanh tỉnh, huyện, xã phường: 4.178.692 lượt tin, bài; 116.776 lượt tin bài về VSATTP trên truyền hình địa phương và 432.086 tin bài trên các báo địa phương.

- Từ 2011-2023, tại các địa phương trên cả nước đã thực hiện 616.018 buổi nói chuyện chuyên đề, tập huấn với tổng số 25.147.800 người tham dự. Ngoài ra, các tỉnh đã tiến hành 2.738 cuộc thi tìm hiểu về VSATTP với 344.004 người tham gia. Các Ban, ngành, đoàn thể ở địa phương đã tích cực duy trì hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về VSATTP.

2- Tồn tại, hạn chế

- Việc tuyên truyền chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục; thông điệp tuyên truyền chưa trực diện, trực tiếp tới đối tượng được tuyên truyền; hình thức triển khai tại các địa phương còn đơn điệu, mang tính hình thức, kém hiệu quả. Hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật về ATTP đối với các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn do địa bàn rộng, địa hình phức tạp; cán bộ làm công tác quản lý ATTP cấp huyện, xã chủ yếu là kiêm nhiệm.

- Nguồn lực đầu tư cho hoạt động giáo dục, truyền thông còn hạn chế, chưa đa dạng hoá các hình thức truyền thông, nhất là trong tình hình hiện nay đòi hỏi có những phương thức truyền thông mới phù hợp với sự phát triển của thời đại công nghệ 4.0. Các sản phẩm truyền thông như tờ rơi, áp phích, sách nhỏ... chưa đáp ứng đủ nhu cầu hoạt động; Truyền thông qua mạng xã hội còn hạn chế về số lượng và chất lượng. Nguồn nhân lực làm công tác truyền thông chưa được đào tạo chuyên môn về truyền thông, chưa xây dựng được đội truyền thông cơ động tại cơ quan (chỉ hợp đồng với các đơn vị khác để tuyên truyền lưu động). Do đó rất khó khăn trong công tác truyền thông về ATTP.

- Từ sau khi bãi bỏ xác nhận kiến thức ATTP thì các cơ sở sản xuất không nắm bắt kịp các thay đổi của các văn bản pháp luật. Do chủ cơ sở tự xác nhận kiến thức cho người trực tiếp tiếp xúc với thực phẩm chỉ mang tính hình thức, không hiệu quả, đối phó với cơ quan quản lý.

II- Việc đào tạo, tập huấn kiến thức về ATTP

1-Kết quả đạt được

- Từ 2011-2023, Bộ Y tế đã phối hợp với các bộ ngành và các hiệp hội tổ chức tập huấn cho 17.156 lượt đối tượng thuộc các bộ ngành và hiệp hội tham dự (135 lớp tập huấn, hội thảo chuyên đề ATTP); đã phối hợp với Trường Đại học Y Thái Bình tổ chức đào tạo 38 lớp cấp chứng chỉ ATTP cho 1.839 học viên là cán bộ, cộng tác viên ATTP từ tuyển huyện, tỉnh trong cả nước

- Ngoài ra, hàng quý tổ chức các cuộc gặp gỡ cộng tác viên báo chí nhằm trao đổi và định hướng tuyên truyền cho sát với tình hình thực tế.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các biện pháp bảo đảm ATTP, phòng chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn. Theo báo cáo tại các địa phương, từ 2011-2023 trên cả nước đã thực hiện 616.308 buổi nói chuyện chuyên đề, tập huấn với tổng số 22.340.000 người tham dự. Ngoài ra, các tỉnh đã tiến hành 2.738 cuộc thi tìm hiểu về VSATTP với 344.004 người tham gia. Các Ban, ngành, đoàn thể ở địa phương đã tích cực duy trì hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về VSATTP. Các Ban, ngành, đoàn thể ở địa phương đã tích cực duy trì hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về ATTP.

- Trong giai đoạn 2011-2021, riêng ngành nông nghiệp đã tổ chức hơn 250 nghìn khóa bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý chất lượng, thẩm định điều kiện đảm bảo ATTP, lấy mẫu, kiểm soát giết mổ, quy trình VietGAP, quản lý chất lượng ATTP nông lâm thủy sản... cho hơn 1.372 nghìn lượt học viên là cán bộ chuyên trách quản lý chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản từ trung ương đến địa phương; các địa phương đã tổ chức được.

- Việc đào tạo, tập huấn kiến thức về ATTP, giai đoạn 2011-2021 được thực hiện theo hướng dẫn chung trên nguyên tắc cấp nào cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cho cơ sở sản xuất, kinh doanh thì cấp đó có quyền cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP và chia thành 03 giai đoạn: (1) Giai đoạn 2011-2014, các cơ sở phải tổ chức tập huấn, nộp phí để được cấp giấy tham gia tập huấn; (2) Giai đoạn 2014-2018, theo Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT các cơ sở có thể tự lựa chọn hình thức tập huấn cho nhân viên như: tự nghiên cứu bộ tài liệu đã được ban hành sẵn và sau đó tham gia kiểm tra trắc nghiệm theo ngân hàng câu hỏi đã được các bộ ban hành để được xác nhận kiến thức; (3) Giai đoạn 2018 đến nay cơ sở có thể tự tập huấn, tự xác nhận kiến thức kiến thức ATTP cho nhân viên. Sự cải tiến này đã giảm bớt chi phí tập huấn, đi lại và thời gian nghỉ lao động để tham gia tập huấn.

- Công tác phổ biến, tập huấn, hướng dẫn áp dụng các quy định của pháp

luật về ATTP được tổ chức thực hiện với nhiều hình thức phù hợp với điều kiện đặc thù, cụ thể ở từng địa phương, đối tượng. Nhận thức của các cấp chính quyền, cán bộ, quần chúng nhân dân về tuân thủ và áp dụng các quy định của pháp luật về ATTP từng bước được nâng lên.

2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác đào tạo chuyên môn cho cán bộ làm công tác quản lý ATTP tại địa phương đặc biệt là cán bộ tuyến xã/phường còn hạn chế; việc phối hợp với địa phương, đặc biệt là các bộ, ngành trong đào tạo chuyên môn tại địa phương chưa rộng rãi. Hiện nay, việc xác nhận tập huấn kiến thức ATTP thuộc sự quản lý của các bộ đã bị bãi bỏ²⁶, thay vào đó người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc các lĩnh vực trên phải được tập huấn kiến thức ATTP và do chủ cơ sở xác nhận. Điều này tạo thuận lợi cho cơ sở trong việc chủ động thời gian, tiết kiệm chi phí, tuy nhiên đòi hỏi chủ cơ sở phải nắm vững kiến thức, chủ động nghiên cứu và nắm bắt các quy định mới. Thực tế cho thấy một bộ phận cơ sở thiếu ý thức tuân thủ các quy định của pháp luật về ATTP, chưa chủ động cập nhật kiến thức, tập huấn cho nhân viên.

- Một số cơ sở có giấy xác nhận kiến thức nhưng không nắm được kiến thức dẫn đến thực hành sai quy định gây nguy cơ mất ATTP trong quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm, tuy nhiên chưa có chế tài xử phạt cho hành vi này.

- Không có khung nội dung, tài liệu, bộ công cụ đánh giá khi tập huấn kiến thức về ATTP phù hợp mỗi đối tượng, do vậy chủ cơ sở, doanh nghiệp khi tập huấn hoặc hướng dẫn cho nhân viên không được toàn diện, đầy đủ nội dung.

- Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác ATTP tại tuyến tỉnh còn bị hạn chế, do hàng năm Trung ương ít triển khai các lớp tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cụ thể của các lĩnh vực Truyền thông về ATTP, Thanh tra, kiểm tra, NDTP, xét nghiệm...

III- Quản lý thông tin, quảng cáo ATTP

1- Kết quả đạt được

- Hoạt động quảng cáo thực phẩm trong ngành Y tế thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật sau: Luật An toàn thực phẩm; Luật Quảng cáo số; Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số

²⁶ theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP, Quyết định số 970/QĐ-BNN-QLCL

181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo; Thông tư số 09/2015/TT- BYT, ngày 25 tháng 5 năm 2015 hướng dẫn về quảng cáo thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.

- Theo quy định hiện hành, có các nhóm thực phẩm phải đăng ký nội dung trước khi quảng cáo (Điều 26 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP): Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi không thuộc trường hợp cấm quảng cáo quy định tại Điều 7 Luật Quảng cáo. Tổ chức/cá nhân có sản phẩm thuộc đối tượng phải đăng ký nội dung quảng cáo trước khi tiến hành quảng cáo phải được thẩm định nội dung, cơ quan phát hành quảng cáo chỉ được tiến hành quảng cáo sản phẩm đã được cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo và chỉ được quảng cáo phù hợp với nội dung đã được xác nhận (Điều 27 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP).

- Theo phân cấp: Tại Trung ương: Bộ Y tế (Cục An toàn thực phẩm) chịu trách nhiệm cấp Giấy Xác nhận nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe; Tại địa phương: UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.

- Kết quả tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm từ tháng 01/1/2011 đến 31/12/2023:

+ Số hồ sơ xác nhận quảng cáo nộp vào: 28.000 hồ sơ.

+ Đã xác nhận nội dung quảng cáo: 25.034 hồ sơ.

- Từ 01/8/2014, Bộ Y tế đã giải quyết thủ tục cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm cấp độ 4 trên môi trường mạng và công khai kết quả tại trang <http://xacnhanquangcao.vfa.gov.vn>; từ 3/2020 đến nay được thực hiện trên trang <https://nghidinh15.vfa.gov.vn/> (chi tiết tại Phụ lục 5 kèm theo).

2- Tồn tại, hạn chế

- Trong quá trình hậu kiểm, các cơ quan chức năng đã phát hiện nhiều vi phạm về quảng cáo của các doanh nghiệp như quảng cáo thực phẩm khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo; quảng cáo các sản phẩm thực phẩm có nội dung không đúng với nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền duyệt; quảng cáo quá công dụng của sản phẩm. Trong khi đó công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý tại địa phương còn chưa sâu sát, kịp thời, đặc biệt tại tuyến cơ sở.

- Các vi phạm phổ biến hiện nay thường bị phát hiện trong các quảng cáo thực phẩm là: quảng cáo chưa được thẩm định nội dung; quảng cáo không đúng

nội dung đã được xác nhận, quảng cáo thực phẩm như thuốc chữa bệnh, sử dụng danh nghĩa của cơ quan y tế, cắt ghép hình ảnh VTV, bệnh viện, Bộ Y tế, ý kiến phản hồi của người bệnh, người nổi tiếng quảng cáo thực phẩm có tác dụng điều trị bệnh... Đặc biệt các quảng cáo vi phạm thường xuất hiện trên môi trường mạng xã hội như zalo, facebook, tiktok, youtube,... hoặc các website có máy chủ ở nước ngoài, tại một số cơ quan phát hành quảng cáo như báo, đài địa phương, hoặc quảng cáo truyền miệng qua hội thảo, hội nghị ở các địa phương vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn.

- Trước các vi phạm nêu trên, Bộ Y tế đã tăng cường công tác thanh, kiểm tra xử lý vi phạm. Kết quả xử lý vi phạm được công khai tại địa chỉ <https://vfa.gov.vn/> và <https://congkhaiyte.moh.gov.vn/>, cụ thể như sau: giai đoạn 2011 – 2023, xử phạt vi phạm về quảng cáo với tổng số tiền phạt: 19.538.250.000 đồng. Tuy nhiên trên thực tế, có những sản phẩm thực phẩm vi phạm quảng cáo, khi cơ quan chức năng mời lên làm việc thì chủ sở hữu sản phẩm thực phẩm đó không thừa nhận thực hiện quảng cáo; do vậy, Bộ Y tế phải chuyển bằng chứng, link vi phạm sang Bộ Thông tin và Truyền thông (cơ quan cấp phép, quản lý các website, đường link), chuyển Bộ Công Thương (cơ quan quản lý các trang thương mại và sàn thương mại điện tử) để xử lý theo thẩm quyền. Các trường hợp này được Bộ Y tế đã cảnh báo trên website <https://vfa.gov.vn/> và thông báo để các báo đăng tin. Từ 01/2019 đến 31/12/2023 trang <https://vfa.gov.vn/> đã đăng trên 500 bài cảnh báo về các sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe quảng cáo vi phạm quy định. Từ năm 2018 đến nay, Bộ Y tế đã chuyển 83 công văn tới Bộ Thông tin và Truyền thông để yêu cầu xử lý 777 đường link vi phạm trong đó có 147 đường link facebook; gửi 24 công văn tới Bộ Công Thương để xử lý 123 đường link của trang thương mại điện tử và sàn giao dịch thương mại điện tử quảng cáo vi phạm; gửi 03 công văn cho Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch để xử lý vi phạm của diễn viên, người nổi tiếng trong quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe; 02 công văn cho Bộ Thông tin và Truyền thông, Công Thương, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Công an và UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương về việc tăng cường phối hợp quản lý hoạt động quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

D- QUY ĐỊNH VỀ GHI NHÃN THỰC PHẨM

I- Quy định về ghi nhãn thực phẩm

1- Kết quả đạt được

- Việc ghi nhãn sản phẩm thực phẩm do cơ sở tự thực hiện trước khi lưu thông trên thị trường. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra về ATTP cho thấy hầu hết các cơ sở đều tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa lưu

thông trên thị trường.

- Các văn bản quy phạm pháp luật về ghi nhãn thực phẩm thực hiện tương đối đầy đủ như Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; Thông tư liên tịch số 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 27/10/2014 của Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế: Hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bao gói sẵn (hiện nay Thông tư này đã hết hiệu lực)

2-Tồn tại, hạn chế

- Một số ít cơ sở còn chưa hiểu đầy đủ về trách nhiệm pháp lý khi ghi nhãn thực phẩm nên nhãn ghi không đầy đủ cả hình thức cũng như nội dung bắt buộc trên nhãn hàng hóa; vẫn còn tình trạng nhiều cơ sở, doanh nghiệp chưa nắm bắt các quy định của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP nên không ghi không đầy đủ thông tin hoặc ghi nhãn sai, gây hiểu lầm cho người tiêu dùng; thực phẩm dinh dưỡng chưa có quy định bắt buộc về ghi nhãn nên một số sản phẩm không ghi đầy đủ thông tin dinh dưỡng trên nhãn gây khó khăn cho người tiêu dùng. Vẫn còn một số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nội dung ghi nhãn trên sản phẩm không đúng theo hồ sơ tự công bố (sử dụng mẫu nhãn tồn kho hoặc mẫu nhãn đã in trước khi công bố,...); các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu qua đường tiểu ngạch chưa đầy đủ nhãn phụ hoặc có nhãn phụ nhưng thông tin chưa đúng, chưa đủ.

- Một số sản phẩm có công dụng nhưng do không đáp ứng điều kiện sản xuất của thực phẩm bảo vệ sức khỏe GMP, các cơ sở tự công bố dạng thực phẩm thường nhưng trên nhãn vẫn cố tình ghi công dụng, tác dụng của sản phẩm hoặc đối với hồ sơ tự công bố sản phẩm tổ chức cá nhân thường nộp dự thảo nội dung ghi nhãn, do đó vẫn còn trường hợp sử dụng nhãn cũ trước khi tự công bố sản phẩm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP hoặc khi thực hiện nhãn chính thức trên sản phẩm sai khác so với dự thảo tại hồ sơ tự công bố. Một số sản phẩm sản xuất và sử dụng trong ngày như nước đá, bún tươi..., việc ghi nhãn sản phẩm còn gặp nhiều khó khăn do các cơ sở sản xuất chủ yếu nhỏ lẻ, kinh phí đầu tư thấp trong khi chi phí in ấn bao bì và nhãn rất cao.

E- KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM, NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM VÀ CÁC BỆNH TRUYỀN QUA THỰC PHẨM, PHÂN TÍCH NGUY CƠ ĐỐI VỚI ATTP, PHÒNG NGỪA, NGĂN CHẶN VÀ KHẮC PHỤC SỰ CỐ VỀ ATTP.

I- Công tác kiểm nghiệm thực phẩm

1- Kết quả đạt được

- Ở Trung ương có 05 Viện thuộc ngành Y tế²⁷ và 11 Trung tâm thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; ở cấp tỉnh có các phòng kiểm nghiệm thuộc Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, thực phẩm, mỹ phẩm và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật của 63 tỉnh, thành phố thuộc ngành Y tế, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Tính đến năm 2020, 100% các tỉnh, thành phố có phòng kiểm nghiệm thực phẩm đạt ISO 17025 và đã đáp ứng được công tác kiểm nghiệm ATTP. Trong giai đoạn 2017-2021, Bộ Y tế đã chỉ định 56 cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước và 11 đơn vị kiểm nghiệm ATTP là cơ quan kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu. Bộ Công Thương đã chỉ định 29 cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước, trong đó có 13 cơ sở ngoài công lập; chỉ định/ủy quyền 11 cơ quan kiểm tra nhà nước về thực phẩm nhập khẩu, trong đó 06 cơ quan kiểm tra ngoài công lập; chỉ định 03 cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng. Đến tháng 7/2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ định 23 phòng kiểm nghiệm ATTP phục vụ quản lý nhà nước. Các cơ sở kiểm nghiệm từng bước được chuẩn hóa và nâng cao năng lực, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác quản lý trong lĩnh vực ATTP.

- Cả nước hiện có trên **167** phòng kiểm nghiệm thực phẩm. Tuy nhiên, một số địa phương Hậu Giang, Bình Phước, Quảng Ngãi, Sóc Trăng, Nam Định còn chưa đầu tư cho lĩnh vực này. Nhiều địa phương chưa có cơ sở được Bộ Y tế chỉ định thực hiện kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về ATTP; Một số trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh vẫn chưa được chỉ định là đơn vị kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về ATTP như Lai Châu, Bạc Liêu.... Phần lớn việc phân tích mẫu thực phẩm đều phải gửi các đơn vị kiểm nghiệm tuyến trên hoặc các đơn vị được Bộ Y tế chỉ định kiểm nghiệm về ATTP.

- Hệ thống kiểm nghiệm ATTP từng bước được kiện toàn, hiện các đơn vị

²⁷ Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc gia, Viện Dinh dưỡng, Viện Pasteur Nha Trang, Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh, Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên thuộc ngành Y tế; 06 Trung tâm chất lượng NLTS vùng, Trung tâm kiểm nghiệm, kiểm chứng và tư vấn chất lượng NLTS; 02 TT Kiểm nghiệm thuốc BVTV; 02 TT kiểm tra VSTY thuộc Bộ NN&PTNT.

được trang bị phòng kiểm nghiệm được chỉ định như: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở KH&CN; Phòng kiểm nghiệm Trung tâm chất lượng vùng thuộc Cục QLCL nông lâm sản và thủy sản; phòng xét nghiệm thuộc ngành y tế. Điều kiện kỹ thuật cho công tác ATTP được bảo đảm theo quy định; tuyến tính cơ bản được bố trí trụ sở, đủ trang thiết bị, điều kiện làm việc để triển khai nhiệm vụ, phòng kiểm nghiệm được đầu tư, nâng cấp cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Việc kiểm nghiệm, kiểm định thực phẩm hầu hết đều được gửi mẫu phân tích tại các phòng thí nghiệm được chỉ định và công nhận. Ngoài ra, các địa phương còn quan tâm mua sắm sinh phẩm và thực hiện xét nghiệm nhanh thực phẩm như: hàn the, focmon, methanol trong rượu, độ ôi khét dầu mỡ, phẩm màu,... nhằm giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm, phòng ngừa NDTP và các bệnh truyền qua thực phẩm; tuyến xã đã được cấp phát một số dụng cụ và test, kit, hóa chất phục vụ xét nghiệm nhanh về ATTP.

- Các Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm thực hiện kiểm nghiệm về thực phẩm nhưng chỉ đạt ISO 17025 một số chỉ tiêu về hóa lý, vi sinh. Một số phòng kiểm nghiệm còn chưa được chỉ định kiểm nghiệm phục vụ công tác QLNN.

- Việc đầu tư trang thiết bị phục vụ quản lý ATTP đã được quan tâm đầu tư nhưng điều kiện làm việc, đầu tư trang thiết bị công tác kiểm nghiệm thực phẩm còn nhiều hạn chế; cơ sở vật chất, trang thiết bị kiểm nghiệm còn thiếu và lạc hậu, chưa đáp ứng xét nghiệm đối với một số chỉ tiêu định lượng về tồn dư kháng sinh, chất cấm nhóm Beta-agonist; thiếu các phương tiện kiểm tra cơ động và trang thiết bị kiểm tra nhanh về bảo đảm ATTP. Mặt khác, quy định về việc thu phí kiểm nghiệm mẫu còn bất hợp lý giữa mẫu kiểm nghiệm phục vụ QLNN và mẫu kiểm nghiệm theo yêu cầu của tổ chức cá nhân (hiện nay đang được tính như nhau) nên cũng ảnh hưởng tới hoạt động của phòng kiểm nghiệm. Chi phí cấp cho việc lấy mẫu, điều tra khảo sát còn thấp nên việc lấy mẫu phục vụ kiểm soát nguy cơ gây mất ATTP còn ít, chưa đủ tính đại diện phục vụ công tác quản lý nhà nước, chưa sát với thực trạng bảo đảm ATTP.

2- Tồn tại, hạn chế

- Luật ATTP quy định phòng kiểm nghiệm kiểm chứng được ba bộ đánh giá chỉ định để phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực phân công cho ba ngành là chưa khoa học và phù hợp thông lệ quốc tế. Việc xây dựng hệ thống phòng kiểm nghiệm kiểm chứng quốc gia chung thay vì cho từng Bộ sẽ phù hợp hơn.

- Mặc dù số lượng các phòng kiểm nghiệm thực phẩm khá nhiều nhưng lại phân bố không đều, tập trung chủ yếu tại các tỉnh, thành phố lớn dẫn đến tình

trạng các tỉnh vùng sâu, vùng xa, biên giới còn phải gửi mẫu phân tích về các tỉnh thành phố lớn không đảm bảo về thời gian kiểm nghiệm phục vụ công tác quản lý ATTP tại địa phương.

- Kinh phí mua sắm sinh phẩm, hóa chất, chất chuẩn, chủng chuẩn, vật tư... chưa đáp ứng nhu cầu thực tế, chưa đáp ứng kịp thời cho công tác giám sát, quản lý nhà nước về ATTP. Tuyến huyện, xã thiếu kinh phí lấy mẫu phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm. Các loại hóa chất rất đa dạng về chủng loại trong khi năng lực kiểm nghiệm tại địa phương có giới hạn, công tác định danh các loại hóa chất này chưa đáp ứng theo kịp thực tế.

- Công tác kiểm tra cấp chứng nhận đăng ký lĩnh vực, công nhận phù hợp theo TCVN 17025, chỉ định các phép thử phục vụ quản lý nhà nước còn chồng chéo; trong cùng một khoảng thời gian nhiều cơ quan quản lý tiến hành kiểm tra đánh giá cùng nội dung gây nhiều khó khăn trong hoạt động của phòng thí nghiệm.

II- Tình hình ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm

1- Kết quả đạt được

- Công tác quản lý ngộ độc thực phẩm (NĐTP) đã được quan tâm nhiều hơn; các tỉnh đã thường xuyên tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý ATTP kỹ năng ứng phó và xử lý NĐTP, sự cố mất ATTP. Theo số liệu thống kê từ các tỉnh/thành phố mỗi năm trung bình cả nước có 137 vụ ngộ độc làm **3.814** người NĐTP/năm, số người chết do NĐTP trung bình 25 người/năm. Số vụ ngộ độc có chiều hướng giảm nhất là giai đoạn 2018 đến nay (*chi tiết tại Phụ lục 6 kèm theo*).

- Tình hình ngộ độc thực phẩm: NĐTP cấp tính cơ bản đã được kiểm soát nhưng nguy cơ vẫn còn cao tại các khu công nghiệp, bếp ăn tập thể.

2- Tồn tại, hạn chế

- Nhận thức về đảm bảo ATTP ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế. Người dân vẫn còn có thói quen sử dụng cá nóc, ăn cóc, các loại nấm lạ,... làm thực phẩm. Do đó vẫn còn xảy ra vụ NĐTP do độc tố tự nhiên, có các trường hợp tử vong hoặc ảnh hưởng lớn đến sức khỏe. Tiềm ẩn mất vệ sinh ATTP còn tồn tại hiện hữu ở loại hình kinh doanh nhỏ lẻ, kinh doanh thức ăn đường phố rất khó quản lý, diễn biến phức tạp khó lường. Vẫn còn một số vụ ngộ độc không tìm được nguyên nhân gây NĐTP do không lấy được mẫu bệnh phẩm, mẫu thực phẩm để kiểm nghiệm.

- Công tác điều tra NĐTP phức tạp và gặp nhiều khó khăn, như một số cán bộ y tế còn yếu trong kỹ năng điều tra, định hướng nguyên nhân gây ra các vụ ngộ độc, nhiều loại vi sinh vật khởi phát độc tố chậm, thời điểm này khi bệnh

nhân bắt đầu nhập viện và báo cho cơ quan chức năng để tiến hành điều tra ngộ độc thì đã hết mẫu lưu thực phẩm hoặc mẫu thức ăn, ngoài ra thời gian ủ bệnh kéo dài gây khó khăn cho việc xác định cơ sở nguyên nhân vì người bệnh đã ăn ở nhiều cơ sở khác nhau.

- Ngộ độc thực phẩm mãn tính khó lượng hoá và đánh giá do phải nghiên cứu, đánh giá trong thời gian dài. Các quy định về giới hạn vi sinh vật, độc tố tự nhiên có trong thực phẩm chưa đầy đủ, dẫn đến việc kết luận tác nhân gây ngộ độc gặp nhiều khó khăn.

- Một số địa phương thiếu nhân lực, vật lực trong thực hiện công tác an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm, dẫn đến công tác kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đặc biệt là đối với hoạt động giám sát nguyên liệu đầu vào, sự phối hợp trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc thực phẩm gây ngộ độc, nhất là tuyến cơ sở còn gặp khó khăn.

III- Công tác phân tích nguy cơ đối với ATTP

1- Kết quả đạt được

- Các bộ đã ban hành nhiều quy định về phân tích nguy cơ; truy xuất nguồn gốc và thu hồi sản phẩm; quy định về giám sát dư lượng các chất độc hại trong động vật; trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Để kiểm soát ATTP hiệu quả trong toàn bộ chuỗi sản xuất kinh doanh thực phẩm, Bộ NN&PTNT đã chỉ đạo lập hồ sơ xác định các mối nguy ATTP cần tập trung kiểm soát trong sản xuất kinh doanh thực phẩm đối với một số nhóm sản phẩm có nguy cơ cao, đang có nhiều bức xúc trong dư luận xã hội về ATTP (rau, quả, thịt lợn, thịt gà, tôm nuôi, cá nuôi) và tổ chức phổ biến, đào tạo đến cơ sở sản xuất kinh doanh và cơ quan chức năng. Trong giai đoạn 2011-2021, Bộ NN&PTNT tiếp tục duy trì các Chương trình giám sát ATTP đối với các vùng nuôi thủy sản tập trung trên phạm vi cả nước²⁸; triển khai việc điều tra và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản không đảm bảo an toàn theo Thông tư số 74/2011/TT-BNNPTNT, Bộ đã chỉ đạo các đơn vị chức năng kiểm tra, xác minh, cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác về các sự cố ATTP. Các sai phạm đã được xác minh, xử lý và hoạt động giám sát, kiểm tra sau đó của các địa phương đã được tăng cường nhằm ngăn chặn tái phạm. Kết quả giám sát trên diện rộng các sản phẩm nông lâm thủy sản giai đoạn 2011-2021 được thực hiện bởi các cơ quan trung ương cho thấy tỷ lệ mẫu rau, củ, quả tươi, sơ chế, thịt tươi các loại, thủy sản nuôi đáp

²⁸ như Chương trình giám sát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi, Chương trình giám sát vệ sinh, an toàn trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ; các Chương trình giám sát ATTP nông lâm thủy sản trong sản xuất, chế biến, lưu thông trên thị trường; giám sát tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong rau và chất cấm, kháng sinh trong thịt, thủy sản theo hướng dẫn của Ủy ban thực phẩm quốc tế (CODEX)

ứng yêu cầu về ATTP có xu hướng cải thiện, tuy nhiên sự cải thiện còn chậm, không ổn định và chưa bền vững.

- Tại các địa phương, công tác kiểm soát, phối hợp điều tra, xét nghiệm xác định các mối nguy đối với ATTP thuộc các nhóm tác nhân về vi sinh, hoá học và vật lý trong kinh doanh dịch vụ ăn uống và các hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm khác được quan tâm thực hiện, đặc biệt là sử dụng testkit kiểm tra nhanh thực phẩm đối với các sản phẩm có nguy cơ cao. Việc truyền thông về nguy cơ đối với ATTP như cung cấp thông tin về các biện pháp phòng tránh khi xảy ra các vụ NĐTP, bệnh truyền qua thực phẩm do thực phẩm mất an toàn đồng thời thông báo, cảnh báo nguy cơ ATTP và các bệnh truyền qua thực phẩm trên địa bàn. Bên cạnh đó, địa phương luôn có sự phối hợp chặt chẽ trong việc trao đổi thông tin giữa các ngành, các cấp để nắm thông tin tình hình dịch bệnh, các loại sâu bệnh theo mùa vụ và nắm thông tin các loại thuốc kháng sinh, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y cũng như các hóa chất cấm thường sử dụng trong sản xuất nông nghiệp để cảnh báo và ngăn chặn kịp thời.

2- Tồn tại, hạn chế

- Việc lấy mẫu thực phẩm để kiểm nghiệm, giám sát, phân tích các nguy cơ gây mất ATTP tại cấp huyện, cấp xã chưa được quan tâm đúng mức; kinh phí còn hạn hẹp nên chưa phản ánh được đúng thực trạng về ATTP trên địa bàn quản lý. Năng lực định danh, kiểm nghiệm các hoá chất độc hại của các Phòng Kiểm nghiệm còn thấp, chưa phát triển theo kịp với nhu cầu hiện nay. Việc xử lý sau khi phát hiện vi phạm còn khó khăn. Nguyên nhân, khi test nhanh, phát hiện mẫu dương tính, sau đó lấy mẫu gửi đơn vị chức năng để xét nghiệm. Thời gian gửi mẫu, xét nghiệm mẫu tương đối dài (7-10 ngày), gây khó khăn trong việc giải quyết vi phạm, thu hồi sản phẩm vi phạm kịp thời.

- Tình hình sử dụng chất cấm, lạm dụng hóa chất, chất bảo quản... trong sơ chế, chế biến thực phẩm ngày càng phức tạp. Việc lấy mẫu kiểm nghiệm, phân tích nguy cơ gây mất ATTP còn ít, chủ yếu tập trung vào các cơ sở có đăng ký kinh doanh nên chưa phản ánh đúng, đầy đủ thực trạng ATTP tại địa phương.

- Nhiều hoạt động trong kiểm soát nguy cơ gây mất ATTP chưa được thực hiện như: Điều tra mối nguy, thực hiện các giải pháp hạn chế nguy cơ ATTP trong từng công đoạn của chuỗi cung cấp thực phẩm. Công tác kiểm tra, giám sát tại các địa phương chỉ sử dụng test nhanh và việc áp dụng các quy định về ATTP tại cơ sở thực phẩm mang tính cảm quan, chưa có tính thuyết phục thực tế tại cơ sở.

- Nguồn kinh phí cho công tác giám sát hạn chế, việc gửi mẫu kiểm

nghiệm đi xa gây khó khăn cho công tác giám sát. Hệ thống thông tin cảnh báo nguy cơ đối với ATTP, các bệnh truyền qua thực phẩm khó khai thác. Hiện nay một số phụ gia, chất cấm sử dụng trong sản xuất, chế biến thực phẩm như chất chống oxi hóa 316, chất chống oxi hóa 415; chất ổn định 452(i): phẩm màu caramen, PolyUrethane và một số phụ gia khác... vẫn chưa được các phòng kiểm nghiệm trên toàn quốc triển khai thực hiện.

- Kinh phí hoạt động phục vụ công tác giám sát mỗi nguy ô nhiễm thực phẩm còn hạn chế, nhất là kinh phí cho hoạt động của tuyến cơ sở. Kinh phí Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số hằng năm được cấp muộn, đặc biệt từ năm 2021, 2022 kinh phí từ Trung ương không còn nên các địa phương gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai các hoạt động đảm bảo ATTP.

IV- Công tác phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm

1- Kết quả đạt được

- Khi có xuất hiện các sự cố mất an toàn vệ sinh thực phẩm gây ảnh hưởng tới sức khỏe và tính mạng người tiêu dùng. Các ngành đã có các biện pháp xử lý tích cực, đồng thời phối hợp với các ngành, các địa phương liên quan để giải quyết kịp thời, dứt điểm không để tái diễn gây hoang mang cho người tiêu dùng và ảnh hưởng an sinh xã hội (thông tin về kẹo phát sáng trong đêm tối, thông tin về bún chứa chất Tinopal, Bate Minh chay, Methanol trong rượu...).

- Các ngành chức năng thường xuyên duy trì việc lấy mẫu giám sát làm cơ sở đánh giá, xác định sản phẩm, công đoạn nguy cơ cao và tổ chức thanh tra, kiểm tra, điều tra nguyên nhân, kịp thời cung cấp thông tin cho cơ sở, người tiêu dùng trong phân biệt và lựa chọn sản phẩm an toàn; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện quy định pháp luật về ATTP, đặc biệt quy định về điều kiện ATTP của các cơ sở bếp ăn tập thể, nhà hàng, khách sạn, khu du lịch, lễ hội, chợ, siêu thị, trường học. Vì vậy, tình hình ATTP của các địa phương nhìn chung trong những năm gần đây đã được kiểm soát.

- Các sở, ngành, đơn vị có liên quan đến công tác bảo đảm ATTP đã tăng cường công tác phối hợp, tranh thủ sự ủng hộ từ người dân, chính quyền các cấp chủ động rà soát, phát hiện, ngăn chặn, xử lý có hiệu quả các hành vi vi phạm pháp luật về ATTP. Tăng cường kiểm tra đột xuất nhằm chủ động phát hiện và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về ATTP; ngăn chặn việc kinh doanh thực phẩm không rõ nguồn gốc, không đảm bảo ATTP, thực phẩm nhập lậu, gian lận thương mại, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về ATTP.

- Công tác truyền thông, phổ biến các quy định của pháp luật về ATTP

luôn được quan tâm. Qua đó, giúp người dân lựa chọn sử dụng những thực phẩm an toàn, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. Đồng thời, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tích cực tố giác các hành vi vi phạm pháp luật về ATTP đến cơ quan chức năng nhằm ngăn chặn và xử lý kịp thời, góp phần chung tay vì một cộng đồng an toàn và lành mạnh.

2-Tồn tại, hạn chế

- Ý thức cộng đồng trong việc khai báo, cung cấp thông tin vi phạm ATTP cho các cơ quan quản lý ATTP còn rất hạn chế, thiếu tự giác, chưa nhận thức hết được nguy cơ, tác hại của thực phẩm kém chất lượng, không đảm bảo vệ sinh ATTP dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn khi sử dụng thực phẩm kém chất lượng. Vì lợi nhuận, một bộ phận cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh vẫn sử dụng các thủ đoạn tinh vi để đối phó với cơ quan chức năng, lừa dối người tiêu dùng, vi phạm pháp luật về ATTP nhằm thu lợi bất chính.

- Phương tiện, máy móc, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ việc kiểm soát chất lượng, ATTP ở địa phương còn thiếu và lạc hậu, chỉ mới được trang bị các testkit kiểm tra sơ bộ ở công đoạn ban đầu; trên địa bàn tỉnh chưa được trang bị phòng kiểm nghiệm ATTP, vẫn còn phải thuê phòng kiểm nghiệm phân tích ở các tỉnh khác, tốn thời gian và chi phí, ảnh hưởng đến công tác quản lý.

- Tại tuyến cơ sở cán bộ phụ trách công tác ATTP kiêm nhiệm nhiều việc và thường xuyên thay đổi nên việc tiếp nhận và xử lý thông tin về NDTP còn lúng túng.

- Đối với nhóm thực phẩm: Rau, củ, quả, thịt, thủy hải sản là thực phẩm tươi sống nên phần lớn chưa có nhãn, mác, dấu hiệu nhận diện và thông tin về nguồn gốc xuất xứ. Do vậy khi phát hiện mẫu vi phạm đã gặp rất nhiều khó khăn trong truy xuất, xác định nguyên nhân và xử lý vi phạm. Đây cũng là bất cập khiến người tiêu dùng chưa thể nhận biết được đâu là sản phẩm an toàn, sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ từ nơi đã được chứng nhận đủ điều kiện ATTP.

F- TRUY XUẤT NGUỒN GỐC, THU HỒI VÀ XỬ LÝ ĐỐI VỚI THỰC PHẨM KHÔNG BẢO ĐẢM AN TOÀN

I- Công tác truy xuất nguồn gốc thực phẩm không bảo đảm an toàn

1- Kết quả đạt được

- Nhiều địa phương thí điểm triển khai chương trình “Tem điện tử thông minh” truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm đặc thù hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã triển khai công tác xây dựng việc in tem, mã QR truy xuất nguồn cho tem, cơ sở thông tin cơ bản cho việc truy xuất ban đầu đối với sản phẩm đặc thù của địa phương. Ngành NN&PTNT đã hỗ trợ ứng dụng công nghệ Internet of Things (IOT) xây dựng hệ thống quản lý quy trình sản xuất và truy

xuất nguồn gốc một số sản phẩm Cam Văn Chấn... Xây dựng chỉ dẫn địa lý cho một số sản phẩm đặc trưng vùng miền (Măng tre Bát độ Yên Bái, Cam Văn Chấn...). Hỗ trợ xây dựng mã vạch, mã QRcode; thiết kế nhãn hiệu xác lập quyền đối với nhãn hiệu cho các cơ sở sản xuất nông sản thực phẩm áp dụng các quy trình thực hành sản xuất tốt: xây dựng vùng rau, quả an toàn sản xuất theo chuỗi như đạt chuẩn VietGAP, VietGAHP, hữu cơ...

- Cùng với các ngành, lực lượng công an và Quản lý thị trường đã phát hiện và tiêu hủy nhiều loại sản phẩm thực phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ, không đảm bảo ATTP lưu thông trên thị trường. Khi có sự cố không bảo đảm ATTP, phát hiện sản phẩm thực phẩm không bảo đảm an toàn thì các cơ quan, đơn vị của các ngành đã kịp thời chỉ đạo các đơn vị chức năng kiểm tra, xác minh, cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác về các sự cố ATTP. Đối với tất cả các mẫu thực phẩm gửi kiểm nghiệm có kết quả kiểm nghiệm không đạt, cơ quan chức năng thực hiện việc yêu cầu cơ sở thực hiện việc truy xuất nguồn gốc, điều tra nguyên nhân, thu hồi sản phẩm không bảo đảm an toàn và báo cáo kết quả thực hiện việc truy xuất, điều tra nguyên nhân về cơ quan quản lý.

- Bộ Y tế, Bộ NN&PTNT đã chỉ đạo UBND các tỉnh kiểm tra, xác minh, xử lý theo qui định và phối hợp với các cơ quan truyền thông cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác về các sự cố ATTP tránh để người dân hoang mang, bức xúc như: thông tin gạo giả, mực giả trên thị trường; sản xuất kinh doanh ruốc bần trên địa bàn Hưng Yên; sử dụng hóa chất không rõ nguồn gốc trong sản xuất giả đỗ trên địa bàn Thừa Thiên Huế; giết mổ lợn chết làm thực phẩm tại Cao Bằng; sử dụng phụ gia thực phẩm quá hạn sử dụng tại cơ sở chế biến xúc xích tại Thái Bình; phát hiện Aflatoxin trong mẫu ớt bột do Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh công bố; hóa chất, chất bảo quản sử dụng để bảo quản, sơ chế, chế biến thực phẩm (dầm chuối, bảo quản hành tím, làm chín sầu riêng, nhuộm phở phẩm cà phê...), thực phẩm chay... Các sai phạm đã được xác minh, xử lý và hoạt động giám sát, kiểm tra sau đó của các địa phương đã được tăng cường nhằm ngăn chặn tái phạm, tạo niềm tin cho người tiêu dùng trong nước; thực hiện truy xuất các lô hàng xuất khẩu của Việt Nam vào EU, Hoa Kỳ... vi phạm qui định về ATTP; yêu cầu doanh nghiệp điều tra nguyên nhân, có biện pháp khắc phục để tránh tái phạm; chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, nông lâm thủy sản nhập khẩu: phát hiện và truy xuất, thu hồi, xử lý theo quy định (xử phạt hành chính, tái xuất, tịch thu, tiêu hủy...) các lô hàng nhập khẩu vi phạm quy định chất lượng, ATTP.

2- Tồn tại, hạn chế

- Do đặc thù sản phẩm tiêu thụ trong ngày (rau, thịt, cá tươi...), sản xuất

nhỏ lẻ, nhiều đầu mối cung cấp và tiêu thụ, thời gian kiểm nghiệm dài nên phần lớn việc xử lý chỉ cảnh báo cơ sở khắc phục riêng việc truy xuất, thu hồi và xử lý sản phẩm bị nhiễm vẫn còn gặp khó khăn; một bộ phận người lao động, chủ cơ sở vẫn chưa thực hiện ghi chép hồ sơ và truy nguồn gốc sản phẩm.

- Trình độ sản xuất còn thấp cùng với kiến thức về ATTP của người dân chưa cao và chưa đồng đều; quy mô sản xuất nhỏ lẻ, chưa tập trung, công nghệ còn thô sơ, lạc hậu dẫn đến chất lượng thực phẩm có nhiều vấn đề, trong khi các yêu cầu về ATTP ngày càng cao do chất lượng cuộc sống được nâng lên và thích ứng với xu thế hội nhập quốc tế. Phần lớn các cơ sở nhỏ chưa thiết lập đầy đủ hồ sơ truy xuất nguồn gốc sản phẩm mà chủ yếu là lưu giữ hóa đơn mua hàng, một số cơ sở truy xuất sản phẩm qua việc sổ ghi chép việc bán hàng và rất ít cơ sở (như hộ kinh doanh/doanh nghiệp siêu nhỏ) thực hiện việc truy xuất qua theo dõi việc sử dụng nguyên liệu trong sản xuất, chế biến thực phẩm. Nguyên liệu phục vụ sản xuất, chế biến có nhiều loại được cơ sở thu mua ở nhiều địa điểm; sản phẩm thương phẩm được tiêu thụ qua nhiều kênh bán hàng đa dạng do đó rất khó khăn trong việc lập sổ ghi chép đầy đủ thông tin để thiết lập hồ sơ truy xuất nguồn gốc thực phẩm.

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn hầu hết mang tính chất nhỏ lẻ, manh mún nên việc sản xuất, kinh doanh theo chuỗi cung ứng sản phẩm an toàn chưa thực sự quan tâm. Liên kết sản xuất thực phẩm theo chuỗi, hệ thống còn hạn chế, thị trường tiêu thụ sản phẩm không ổn định, do đó khó khăn trong việc kiểm soát và truy xuất nguồn gốc thực phẩm.

- Một số cơ sở, hợp tác xã chưa chủ động tìm đầu ra cho sản phẩm, nên chưa mạnh dạn đăng ký nhu cầu sử dụng tem cho sản phẩm; Số lượng tem đăng ký còn rất hạn chế, so với số lượng tem được hỗ trợ. Quy mô ngành công nghiệp sản xuất thực phẩm của nước ta còn rất nhỏ, phần lớn thực phẩm tiêu thụ hàng ngày của Nhân dân được sản xuất, chế biến từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ. Việc in lô sản xuất, ghi hóa đơn chứng từ để thể hiện nơi phân phối các sản phẩm từ các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ rất sơ sài. Khi có sự cố NDTP xảy ra hoặc khi lực lượng chức năng phát hiện lô hàng thực phẩm không đảm bảo an toàn thì sẽ rất khó thu hồi và xử lý triệt để.

- Người sản xuất chưa thật sự quan tâm đến sản xuất theo tiêu chuẩn sản xuất tốt, chế biến tốt. Các mô hình sản xuất nông nghiệp tốt chủ yếu dựa vào hỗ trợ của nhà nước, khi hết hỗ trợ thì khó được duy trì tiếp. Một số doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất chưa chủ động trong công tác quản lý thông tin về nguồn gốc của sản phẩm; trình độ, cơ sở vật chất còn hạn chế, nên khâu ghi nhận ký sản xuất, sử dụng công nghệ thông tin trong quá trình thực hiện truy xuất

nguồn gốc còn lúng túng,

- Nguyên liệu thực phẩm đa số là mặt hàng nông nghiệp tươi sống, nhiều mặt hàng được bày bán tự do trên thị trường nên gây khó khăn cho công tác kiểm soát, truy xuất nguồn gốc. Một số cơ sở sử dụng nguồn nguyên liệu ngoài tỉnh thì rất khó trong việc truy xuất đến cơ sở sản xuất ban đầu sản xuất ra nguyên liệu đó.

II- Công tác thu hồi và xử lý với thực phẩm không đảm bảo an toàn

1- Kết quả đạt được

Thông qua các hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát mỗi nguy nếu mẫu giám sát có xuất hiện mỗi nguy hoặc chất lượng không đảm bảo các cơ quan quản lý nhà nước về ATTP sẽ thông báo tới nhà sản xuất để truy suất nguồn gốc và thu hồi sản phẩm theo quy định, đồng thời tiến hành tiêu huỷ sản phẩm không đảm bảo an toàn theo quy định. Việc thu hồi và xử lý đối với các sản phẩm không an toàn được triển khai khá nhanh chóng, kịp thời, đúng quy định nhằm hạn chế đến mức tối đa các sản phẩm không an toàn lưu thông trên thị trường; được doanh nghiệp tự giác thực hiện.

2- Tồn tại, hạn chế

Để có kết quả phân tích sản phẩm phải mất thời gian tương đối dài nên khi có kết quả phân tích thì các sản phẩm không đảm bảo an toàn của lô sản xuất được lấy mẫu hầu như đã được tiêu thụ nhiều nên công tác thu hồi sản phẩm gặp nhiều khó khăn, hiệu quả không cao.

G- THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ ATTP

I- Về thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính

1- Kết quả đạt được

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về ATTP đã được các cấp ủy, chính quyền quan tâm chỉ đạo quyết liệt, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, thường xuyên, liên tục trong năm; trong quá trình thanh tra, kiểm tra, hầu hết các trường hợp vi phạm đã được phát hiện, xử lý bằng nhiều hình thức khác nhau, đảm bảo đúng pháp luật, được công khai kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng, giúp người dân có thông tin để lựa chọn thực phẩm an toàn; năng lực của các đoàn thanh, kiểm tra được nâng lên, đã kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nhiều vụ vi phạm về ATTP, làm cho thị trường thực phẩm an toàn hơn trong thời gian qua, góp phần tăng cường công tác bảo vệ an toàn sức khỏe và tính mạng của nhân dân.

- Hằng năm, các Bộ quản lý ATTP chủ động tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra. Trong giai đoạn 2011- 2022, Bộ Công Thương đã tổ chức 44 đoàn

kiểm tra liên ngành, giúp ngăn chặn và xử lý 154.095 vụ việc. Bộ NN&PTNT tổ chức 7.948 đoàn thanh tra, kiểm tra 288.244 cơ sở. Từ năm 2012 đến tháng 03/2021, ngành Y tế đã tiến hành thanh tra, kiểm tra 5.304.671 cơ sở, đã xử lý 216.423 cơ sở, trung bình phạt tiền mỗi năm hơn 8 tỷ đồng. Các vi phạm chủ yếu là vi phạm quy định về ghi nhãn, về điều kiện ATTP, sản xuất, kinh doanh thực phẩm khi chưa thực hiện công bố... Bên cạnh đó, thực hiện Kế hoạch hậu kiểm hàng năm do Ban chỉ đạo liên ngành Trung ương ban hành, các Bộ đã chủ động kiểm tra công tác quản lý nhà nước của các cơ quan chuyên môn được giao quản lý; kiểm tra hậu kiểm với hàng ngàn cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các Bộ. Nội dung kiểm tra tập trung vào nhóm sản phẩm tự công bố, sản phẩm nhập khẩu thuộc diện miễn kiểm tra, kiểm tra giảm; không thuộc diện cấp GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP. Kết quả thanh tra, kiểm tra đã ngăn chặn và xử lý vi phạm kịp thời.

- Ở địa phương, UBND các cấp chủ động xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm, tuyên truyền; các đơn vị trực thuộc UBND được phân công trách nhiệm quản lý ATTP trên địa bàn sẽ chủ động triển khai công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm định kỳ; triển khai công tác tuyên truyền, giám sát, đặc biệt chú trọng đến công tác bảo đảm ATTP trong các dịp lễ, tết cao điểm như tết Nguyên đán, Tháng hành động vì ATTP, tết Trung thu... Ngoài ra, khi phát sinh các sự cố về ATTP, khi có sự chỉ đạo từ cấp trên, UBND các cấp chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai các hoạt động quản lý ATTP kịp thời, đúng theo quy định. Công tác thanh tra, kiểm tra được triển khai đồng bộ, có sự vào cuộc của các cấp, các ngành chức năng có liên quan như Y tế, NN&PTNT, Công an, Cục Quản lý thị trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố... Trong quá trình thanh tra, kiểm tra hầu hết các trường hợp vi phạm được phát hiện đều được xử lý, đảm bảo đúng pháp luật, được công khai kịp thời trên phương tiện thông tin đại chúng giúp người dân có thông tin để lựa chọn thực phẩm an toàn. Năng lực của các đoàn thanh, kiểm tra từng bước được nâng lên, đã kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nhiều vụ vi phạm ngay cả khi hàng hóa vi phạm còn để trong kho, chưa đưa ra lưu hành trên thị trường; các tỉnh còn chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ, tăng cường công tác kiểm tra đột xuất, giám sát công chức trong thực thi công vụ, nhất là trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực thi công vụ. Duy trì đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, tố giác của nhân dân về các hành vi vi phạm pháp luật hoặc dấu hiệu vi phạm pháp luật để thẩm tra, xác minh và kiểm tra, xử lý theo quy định.

- Theo số liệu thống kê giai đoạn 2011- 2021, 50 tỉnh, thành phố trong cả nước, đã tổ chức được 359.083 đoàn thanh tra; thanh tra được 6.009.749 cơ sở;

số cơ sở vi phạm là 1.338.414; số cơ sở bị phạt tiền 219.887 và số tiền bị phạt là 541.472.352 tỷ đồng. Cùng với việc xử phạt hành chính, các đoàn thanh tra, kiểm tra đã kiên quyết xử lý tiêu hủy đối với sản phẩm không đảm bảo ATTP. Các trường hợp vi phạm đã được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định. Qua công tác thanh tra, kiểm tra về ATTP đã phát hiện nhiều cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm mắc các lỗi vi phạm chủ yếu: về điều kiện sản xuất, dụng cụ chế biến, về nhãn hàng hóa, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm không bảo đảm ATTP trong bảo quản thực phẩm; kinh doanh thực phẩm nhập lậu; thực phẩm không rõ nguồn gốc, xuất xứ; bán hàng hóa giả mạo nhãn hiệu (mì chính..); không niêm yết giá hàng hóa là thực phẩm. Theo thống kê chưa đầy đủ, các đơn vị thuộc ngành NN& PTNT đã tổ chức thanh, kiểm tra hơn 288 nghìn lượt cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông lâm thủy sản theo kế hoạch và đột xuất; kết quả đã xử phạt tiền 18.142 cơ sở với tổng số tiền phạt là 74,018 tỷ đồng. Đặc biệt năm 2015 và 2016, Bộ tổ chức 02 đợt cao điểm thanh, kiểm tra đấu tranh đẩy lùi đi đến chấm dứt việc sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, ngăn chặn, lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật trong trồng trọt và thuốc thú y, hóa chất, kháng sinh trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

- Công tác thanh tra, kiểm tra nhận được sự quan tâm, chỉ đạo tích cực của Ủy ban nhân dân các cấp, sự tham gia của các cơ quan, ban ngành có liên quan. Quá trình thanh tra, kiểm tra có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban ngành liên quan, đã mang lại hiệu quả tích cực góp phần lập lại trật tự, kỷ cương trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm, đồng thời kết hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Nhìn chung công tác thanh tra, kiểm tra hàng năm đã được trung ương và địa phương chú trọng triển khai. Kết quả thanh, kiểm tra góp phần quan trọng chấn chỉnh tình trạng đảm bảo ATTP. Nhiều địa phương đã thiết lập và công bố rộng rãi thông tin đường dây nóng tiếp nhận những phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về đối tượng, hành vi và các thông tin liên quan đến vi phạm pháp luật về ATTP.

2- Tồn tại, hạn chế

- Các vụ việc vi phạm có biểu hiện tạm lắng xuống trong đợt cao điểm triển khai các đoàn kiểm tra. Tuy nhiên, khi kết thúc đợt cao điểm kiểm tra một số đối tượng tiếp tục vi phạm nên khó khăn trong việc ngăn chặn dứt điểm; một số đối tượng sau khi bị xử lý về hành vi vi phạm, đối tượng tiếp tục vi phạm trở lại (đặc biệt là hàng giả, kém chất lượng, tôm có chứa tạp chất...). Công tác thanh tra

chuyên ngành về ATTP còn chưa đáp ứng được yêu cầu về đảm bảo ATTP so với tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh và nhu cầu tiêu dùng thực phẩm an toàn của người dân; vẫn còn tình trạng chông chéo trong công tác kiểm tra về ATTP trong đợt kiểm tra của các đơn vị chức năng trên địa bàn.

- Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý ATTP còn gặp nhiều bất cập do nguồn lực hạn chế, nhân lực thiếu, trang thiết bị phục vụ kiểm tra kiểm soát còn lạc hậu, thiếu đồng bộ, ngân sách nhà nước cấp cho công tác quản lý ATTP còn ít, vẫn còn phổ biến tình trạng: chưa có quy hoạch vùng sản xuất, vùng chăn nuôi, giết mổ tập trung.

- Nguồn kinh phí bố trí cho các Đoàn kiểm tra liên ngành còn hạn chế, chủ yếu cho các đợt cao điểm, chưa có kinh phí kiểm tra đột xuất. Thực tế có thời điểm vẫn còn sự chông chéo trong quản lý, thanh tra, kiểm tra cơ sở thực phẩm giữa đơn vị quản lý chuyên ngành ATTP với các lực lượng như Quản lý thị trường, Công an. Việc xử lý sau thanh tra, kiểm tra có lúc không kịp thời, thiếu kiên quyết làm hạn chế hiệu lực, hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra về ATTP. Hoạt động thanh, kiểm tra liên ngành về ATTP chưa thường xuyên, chủ yếu tập trung vào thời điểm Tháng hành động vì ATTP, dịp Tết, Lễ hội, Tết Trung thu. Tuy có sự phân công phối hợp rõ ràng nhưng khi xảy ra vụ ngộ độc thì hầu như chỉ có ngành Y tế tham gia điều tra, xử lý. Điều này gây ra khó khăn trong việc điều tra nguồn gốc sản phẩm gây ngộ độc cũng như xử lý cơ sở vi phạm khi cơ sở không thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Y tế.

- Năng lực kiểm nghiệm ATTP còn hạn chế, thiếu trang thiết bị kiểm tra nhanh tại hiện trường, chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác thanh tra, kiểm tra về ATTP của ngành

- Đa số cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố có quy mô nhỏ lẻ, nhân thức hạn chế, chưa thực sự đảm bảo điều kiện ATTP theo quy định; nhiều cơ sở kinh doanh ngoài giờ hành chính, khó khăn trong tổ chức kiểm soát ATTP theo quy định. Việc xử phạt vi phạm hành chính khi phát hiện lỗi vi phạm còn khó khăn.

- Tổ kiểm tra liên ngành về ATTP và sự vào cuộc của cấp chính quyền cơ sở của một số xã, phường chưa kiên quyết, đặc biệt là xử phạt đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm về ATTP theo quy định.

- Trên khâu lưu thông các đối tượng cố ý vận chuyển thực phẩm nhập lậu với nhiều phương thức thủ đoạn tinh vi và luôn có phương án đối phó với các lực lượng chức năng như: Gia cố thêm các ngăn, hầm bí mật chứa hàng hóa trên các phương tiện vận tải; cất giấu lẫn với các loại hàng hóa công kênh khác trên các phương tiện vận tải lớn; giấu trong các vỏ bao bì của các loại hàng hóa

khác..., tổ chức hoạt động vào các giờ, ngày nghỉ, các dịp Lễ, Tết, ban đêm... để trốn tránh sự kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng chức năng.

- Một số cơ sở có loại hình và quy mô khác nhau nhưng vẫn tuân thủ chung quy định, công tác xử lý vi phạm hành chính vẫn còn bất cập. Công tác quản lý còn liên quan đến nhiều ngành dẫn đến gặp khó khăn trong công tác xử lý. Hoạt động thanh tra chuyên ngành về ATTP, thường đòi hỏi tính thường xuyên, kịp thời, phát hiện và xử lý ngay đối với các hành vi vi phạm pháp luật về ATTP, thanh tra chuyên ngành theo kế hoạch theo quy định phải công bố Quyết định thanh tra cho đối tượng thanh tra trước khi tiến hành thanh tra, như vậy đã thông báo trước cho đối tượng thanh tra xóa dấu vết vi phạm, gây khó khăn cho hoạt động thanh tra chuyên ngành về ATTP.

- Việc xác định thiệt hại do vi phạm pháp luật về ATTP gây ra rất khó khăn, nhất là thiệt hại về sức khỏe; bởi vì hậu quả về sức khỏe phải có thời gian dài mới đánh giá được và việc xác định số lượng người bị thiệt hại là không kiểm soát hết, từ đó dẫn đến việc bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả trong thực tiễn chưa làm được. Mức xử phạt hành chính đối với lĩnh vực ATTP chưa phân loại mức xử phạt tương ứng với quy mô của cơ sở. Ở địa phương, các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm có quy mô nhỏ, sản lượng sản xuất thấp, kinh tế còn hạn chế; khi bị xử lý vi phạm hành chính nhiều cơ sở không có khả năng chấp hành. Chưa có quy định về xử lý vi phạm hành chính đối với việc không thực hiện Cam kết đảm bảo ATTP hoặc không gửi bản cam kết ATTP đến cơ quan được phân cấp quản lý tiếp nhận theo quy định. Việc tạm giữ tang vật thực phẩm trong thanh tra để chờ kết quả giám định trong thanh tra cần phải có kho đảm bảo điều kiện về nhiệt độ, vệ sinh. Hơn nữa thời gian giám định chất lượng ít nhất là 7-10 ngày nên cũng ảnh hưởng đến kết luận thanh tra.

II- Về xử lý hình sự

1- Kết quả đạt được

Theo báo cáo của Bộ Công an, từ tháng 7/2011 đến nay, các lực lượng chức năng đã khởi tố 161 vụ/228 đối tượng trong đó khởi tố 16 vụ vi phạm pháp luật về ATTP theo điều 317 Bộ Luật Hình sự, 145 vụ về sản xuất hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm theo điều 193 Bộ Luật Hình sự. Đối với những vụ việc có dấu hiệu vi phạm về hình sự được chuyển sang cơ quan điều tra thuộc Bộ Công an thụ lý giải quyết theo quy định. Lực lượng chức năng đã chủ động trong công tác nắm tình hình, triển khai các kế hoạch, biện pháp nghiệp vụ phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm quy định về an toàn thực phẩm, qua đó đã phát hiện và xử lý số lượng lớn vụ việc vi phạm pháp luật về ATTP, góp phần đảm bảo an toàn thực phẩm.

2-Tồn tại, hạn chế

- Việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP (quy định tại Mục 1, Chương X của Luật ATTP năm 2010) ở cấp huyện còn gặp nhiều khó khăn do bất cập giữa quy định của các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương với thực tiễn tại địa phương không có cơ quan chuyên trách và công chức chuyên trách nên hầu hết các vụ việc liên quan đến an toàn thực phẩm đều chỉ xử phạt vi phạm hành chính, không có trường hợp nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Công tác giám định đối với các vi phạm về vệ sinh ATTP còn chưa kịp thời, có trường hợp mẫu vật bị hư hỏng, phân hủy...gây khó khăn trong quá trình trưng cầu giám định để xử lý vi phạm. Vi phạm về ATTP hiện nay diễn ra nhiều gây ảnh hưởng đến sức khỏe người dân như hành vi cố tình đưa nước hoặc chất khác vào động vật trước và sau khi giết mổ; sử dụng hóa chất không rõ nguồn gốc xuất xứ, sử dụng chất cấm để sản xuất, chế biến thực phẩm, sản xuất thực phẩm không đảm bảo an toàn, không phù hợp quy chuẩn, trong khi việc xác định hậu quả chưa xác định rõ ràng. Đồng thời, chế tài xử lý còn thấp, hiệu quả răn đe chưa cao.

- Quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã quy định chi tiết, cụ thể hơn về các hành vi của “Tội vi phạm quy định về an toàn thực phẩm” (Điều 317), nhưng còn có một số khó khăn vướng mắc như: Theo quy định của Luật, hành vi khách quan của tội phạm phải thỏa mãn các dấu hiệu là người phạm tội biết là thực phẩm có sử dụng chất cấm, dư lượng vượt ngưỡng cho phép, thực phẩm không bảo đảm quy trình vệ sinh an toàn thực phẩm và ngoài danh mục được phép sử dụng hoặc không rõ nguồn gốc, xuất xứ...thì mới bị xử lý hình sự. Nhưng hiện nay, số đông những người chế biến, buôn bán nhỏ lẻ mà đặt ra tiêu chí buộc họ phải biết các thông số quy chuẩn kỹ thuật (chất cấm, ngưỡng cho phép...) là điều không thực tế, mặt khác, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật để giúp người dân tiếp cận các văn bản quy định, quy chuẩn về an toàn thực phẩm chưa thật sự đa dạng, hiệu quả.

H- PHỐI HỢP LIÊN NGÀNH TRONG QUẢN LÝ ATTP

I- Kết quả đạt được

- Trong giai đoạn 2011- 2015, tại Trung ương đã tổ chức trên 100 đoàn kiểm tra liên ngành về ATTP. 100% các cuộc thanh tra, kiểm tra liên ngành đều được hoàn thành, đảm bảo chất lượng. Các Bộ: Y tế, Công Thương, NN&PTNT cùng tham gia Chương trình mục tiêu quốc gia vệ sinh ATTP (2010-2015), Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số (2016-2020); giai đoạn 2016-2021 thực hiện ít hơn do ảnh hưởng dịch bệnh Covid.

- Ngoài ra, tùy nội dung cụ thể, các Bộ có các Chương trình hợp tác riêng như ký kết Thỏa thuận khung đối tác một sức khỏe phòng chống dịch bệnh từ động vật sang người (MSK) giai đoạn 2021-2025 giữa Bộ NN&PTNT, Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường; Chương trình phối hợp nhằm tăng cường công tác quản lý, kiểm soát các hóa chất lưỡng dụng trong sản xuất công nghiệp và trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc chức năng, phạm vi quản lý nhà nước của hai Bộ NN&PTNT và bộ Công Thương... Các bộ còn phối hợp liên ngành trong: xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về ATTP; trong xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về ATTP; xây dựng các quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm; các QCVN về ATTP; xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về thực phẩm và hàng hoá nông sản; xây dựng tiêu chí ATTP.

- Ở địa phương, công tác phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra được đẩy mạnh, đặc biệt trong các dịp cao điểm; phối hợp xử lý sự cố ATTP; phối hợp liên ngành trong hoạt động đảm bảo ATTP trên địa bàn; phối hợp trong công tác xây dựng văn bản thuộc lĩnh vực ATTP thông qua việc ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật về phân công, phân cấp và phối hợp quản lý ATTP, các quy chế phối hợp trong công tác quản lý ATTP giữa các đơn vị và các văn bản chỉ đạo quản lý đặc biệt trong các dịp cao điểm như Tết Nguyên đán, Tháng hành động vì ATTP, Tết Trung thu... Việc phối hợp hoạt động giữa các ngành, các địa phương, các hội, đoàn thể được triển khai thông qua các hoạt động chỉ đạo, tuyên truyền, vận động, thanh tra, kiểm tra, giám sát... về ATTP; đưa các nội dung tuyên truyền về ATTP lồng ghép vào các buổi tập huấn, nói chuyện chuyên đề, gắn với phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, xây dựng nông thôn mới. Ngoài ra, còn có sự phối hợp của các cơ quan chức năng như Cục quản lý thị trường, Phòng cảnh sát môi trường, Đội cảnh sát kinh tế môi trường các quận, huyện; các hội, đoàn thể, các cơ quan báo đài, đài truyền thanh xã, phường, thị trấn đã vận động, tuyên truyền về chính sách ATTP đến người dân, doanh nghiệp, qua đó giúp các doanh nghiệp, các hộ kinh doanh, sản xuất và người dân nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong thực hiện các quy định của pháp luật về ATTP. Hàng năm, BCD liên ngành các cấp được củng cố, kiện toàn, ban hành quy chế hoạt động; phân công thành viên theo dõi giám sát các hoạt động về ATTP của các Sở, ngành và địa phương. Hoạt động của BCD đã giúp UBND các cấp chỉ đạo, điều phối công tác quản lý ATTP của các ngành, đoàn thể, địa phương trong toàn tỉnh; điều phối các hoạt động chuyên môn: truyền thông giáo dục, thanh tra, kiểm tra, giám sát, phòng chống ô nhiễm thực phẩm, NDTP và xử lý các vấn đề nảy sinh trong hoạt động quản lý ATTP tại các đơn vị và địa phương.

Ở một số tỉnh, thành phố như Hồ Chí Minh, Hải phòng, Quảng Ninh..., Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quy chế phối hợp liên ngành trong hoạt động đảm bảo ATTP trên địa bàn. Quy chế đã quy định nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các các sở, ban, ngành; tăng cường trách nhiệm và quy định về phân công, phân cấp, phối hợp giữa các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và địa phương nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về ATTP.

- Nhìn chung, công tác phối hợp liên ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý ATTP được thực hiện khá tốt. Việc thực hiện phân công, phân cấp, phối hợp liên ngành trong công tác quản lý ATTP đã tạo sự chuyển biến tích cực về công tác đảm bảo ATTP và nhận thức của người dân. Các ngành đã tăng cường phối hợp tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về ATTP. Đặc biệt, công tác tuyên truyền ATTP được sự phối hợp hiệu quả của các sở, ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan thông tin đại chúng nên được triển khai rộng khắp tới nhiều đối tượng, tạo hiệu ứng tích cực trong công tác quản lý Nhà nước, góp phần kiểm soát hiệu quả công tác ATTP tại các cơ sở.

II- Tồn tại, hạn chế

- Sự phối hợp giữa các Bộ ngành trong công tác thanh tra chuyên ngành về ATTP có nhiều hạn chế, số cuộc thanh tra liên ngành còn thấp. Sự phối hợp không kịp thời giữa các địa phương dẫn đến chủ thể vi phạm nhanh chóng có động thái hủy tang vật, cất giấu tang vật hoặc tái chế, chuyển mục đích sử dụng, thay đổi nhãn, bao bì, gây khó khăn trong việc xác định tang vật và hành vi vi phạm. Ở nhiều địa phương mặc dù tổ chức thanh, kiểm tra nhiều nhưng tỷ lệ xử lý thấp, kỷ cương, kỷ luật không nghiêm, vẫn còn có sự đùn đẩy trách nhiệm giữa các ngành có liên quan.

- Mô hình quản lý cơ sở thực phẩm do 03 ngành quản lý (Y tế, Nông nghiệp, Công Thương) nhưng lực lượng không tương đồng (Ngành Nông nghiệp, Công Thương không có cán bộ chuyên trách tại tuyến huyện, xã) nên việc quản lý cơ sở thực phẩm thuộc 2 ngành Nông nghiệp và Công Thương rất khó khăn, khó kiểm soát triệt để.

- Công tác phối hợp liên ngành đôi khi còn chưa thống nhất và kịp thời, chưa chặt chẽ, đặc biệt trong phối hợp trao đổi thông tin. Việc phối hợp với lực lượng Quản lý thị trường về công tác kiểm tra ATTP trong các đợt cao điểm còn nhiều chồng chéo. Công tác phối hợp liên ngành hoạt động chưa thực sự hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, đôi lúc còn xảy ra tình trạng có quá nhiều đoàn cùng đến kiểm tra một cơ sở về cùng nội dung trong một thời điểm, gây phiền hà cho các đơn vị, hộ sản xuất, kinh doanh. Chính điều này tạo nên sự chồng chéo, lãng phí và gây bức xúc cho cơ sở.

- Việc tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành được thực hiện từ tuyến tỉnh cho đến tuyến xã, phường, thị trấn. Tuy nhiên, công tác xử lý vi phạm qua kiểm tra hiện vẫn tập trung chủ yếu ở tuyến tỉnh, tuyến huyện, thành phố, thị xã chưa đẩy mạnh công tác tham mưu xử lý về ATTP và đặc biệt ở tuyến xã, phường, thị trấn hầu như không thực hiện việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực ATTP mà chủ yếu là nhắc nhở và cho thời gian khắc phục. Do nguồn nhân lực còn thiếu cả ở cấp tỉnh và cấp huyện, nên việc tham gia thanh tra, kiểm tra liên ngành trong các dịp cao điểm đã làm phân tán lực lượng, thiếu người thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của đơn vị.

Phần thứ ba

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN VÀ CÁC GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ

A- ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I- Kết quả đạt được

1- Luật ATTP được Quốc hội ban hành năm 2010, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2011, đến nay, văn bản pháp luật về ATTP được ban hành tương đối đầy đủ, đã thể chế hóa được quan điểm của Đảng và Nhà nước về ATTP, nội luật hóa các điều ước, hiệp định quốc tế mà Việt Nam ký kết tham gia, khắc phục được những tồn tại yếu kém trước đây, tạo thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh và thương mại hóa sản phẩm thực phẩm.

2- Sau hơn 12 năm triển khai Luật ATTP, quản lý ATTP có nhiều chuyển biến tích cực.

- Trong hơn 12 năm thực hiện Luật ATTT, với sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, quyết liệt của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, nhận thức và hành động của hệ thống chính trị, các cơ sở sản xuất, phân phối, kinh doanh và mỗi người dân đã có sự chuyển biến tích cực. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành ATTP đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP; các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã nhận thức rõ trách nhiệm đảm bảo ATTP là bảo vệ sức khỏe, quyền lợi của người tiêu dùng, hội nhập quốc tế của đất nước và chính là thương hiệu, uy tín của doanh nghiệp; người tiêu dùng đã có sự thay đổi tích cực trong nhận thức, hành động về ATTP²⁹; việc kiểm soát ATTP thực hiện theo chuỗi, bảo đảm nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và được chứng nhận an toàn. Tình hình ngộ độc thực phẩm (NĐTP) có xu hướng giảm dần qua các giai

²⁹ Ý thức thực hành đảm bảo ATTP của các đối tượng người sản xuất đã được nâng lên đáng kể từ 66.8% năm 2012 lên 80% năm 2020; người kinh doanh từ 64,4% lên 80.2% năm 2021; người tiêu dùng từ 63.3% năm 2012 lên 80.3% năm 2021 và người quản lý từ 71% năm 2012 lên 80.6% năm 2021;

đoạn, cả về số vụ, số mắc, số tử vong³⁰. Các cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản đã có ý thức trách nhiệm trong việc sản xuất thực phẩm an toàn³¹. Như vậy, có thể khẳng định, các thực phẩm được sản xuất, kinh doanh, lưu thông và tiêu dùng trên lãnh thổ Việt Nam đang từng bước được bảo đảm an toàn.

- Công tác kiểm tra, thanh tra ngày càng đi vào chiều sâu, có sự phối hợp bài bản với các cơ quan, đơn vị liên quan; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Tại cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, điều kiện ATTP được cải thiện rõ rệt với quỹ mô nhà xưởng mở rộng, nhiều nhân lực sản xuất được tập huấn ATTP, việc quản lý theo dõi ATTP được chú trọng, số cơ sở đạt điều kiện ATTP ngày càng nhiều. Việc bảo đảm ATTP phục vụ các sự kiện văn hóa, chính trị tại địa phương và khách du lịch triển khai có hiệu quả, không để xảy ra các sự cố về ATTP, số lượng các ca NDTP giảm; các cơ sở được cấp chứng nhận HACCP tăng qua các năm.

3- Hệ thống tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về ATTP từng bước được kiện toàn, ở một số địa phương thực hiện thí điểm thành lập Ban Quản lý ATTP đã có sự thống nhất một đầu mối quản lý ATTP; phân công rõ trách nhiệm giữa các Bộ, ngành, phân cấp quản lý giữa trung ương - địa phương, đặc biệt những lĩnh vực giao thoa trong công tác quản lý ATTP. Việc phân công bảo đảm nguyên tắc: một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ sở thực phẩm cũng như các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm.

- Hệ thống tổ chức quản lý ATTP đã cơ bản được thành lập và kiện toàn theo hướng quy định thống nhất từ tuyến tỉnh đến tuyến xã. Có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong công tác quản lý nhà nước về ATTP trên địa bàn phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng cấp chính quyền, từng cơ quan, đơn vị; giảm được tình trạng chồng chéo trong quản lý. Hoạt động phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong công tác đảm bảo ATTP chặt chẽ và phát huy hiệu

³⁰ Số vụ NDTP lớn và tỉ lệ ca mắc NDTP/100.000 dân cũng giảm dần qua các giai đoạn. Trung bình số vụ NDTP lớn giai đoạn 2007-2011 ghi nhận 50 vụ/năm, giảm xuống 42 vụ/năm giai đoạn 2012-2016 và 22 vụ/năm giai đoạn 2017-04/2021. Tỷ lệ ca mắc NDTP/100.000 dân của giai đoạn 2007-2011 là 7,36, giảm xuống 5,82 vào giai đoạn 2012-2016 và 3,41 vào giai đoạn 2017-04/2021.

³¹ Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản được kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện ATTP là 98%; tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản nhỏ lẻ ký cam kết theo quy định là 77%. Chất lượng đầu ra nông lâm thủy sản đảm bảo độ an toàn ở mức cao: Tỷ lệ mẫu nông lâm thủy sản được giám sát đạt yêu cầu về ATTP là 94,34%.

quả. Công tác cải cách hành chính, cắt giảm thủ tục hành chính³² được đẩy mạnh, giải quyết theo dịch vụ công mức độ 4; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý ATTP; kiểm soát xuyên suốt các hoạt động về đảm bảo ATTP từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở.

- Ban Quản lý ATTP được thí điểm thành lập tại một số tỉnh qua triển khai bước đầu cho thấy kết quả tích cực; đã góp phần tăng cường quản lý nhà nước về bảo đảm ATTP trên địa bàn một số địa phương. Thực hiện Quyết định 123/QĐ/TTg ngày 23/1/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Ban quản lý ATTP đã được thành lập ở 3 tỉnh, Tp (Hồ Chí Minh, Bắc Ninh, Đà Nẵng), (riêng Hồ Chí Minh đã thành lập Sở An toàn thực phẩm trên cơ sở Ban Quản lý ATTP) trên cơ sở tích hợp nhân lực từ 3 ngành y tế, nông nghiệp, công thương. Hệ thống quản lý nhà nước về ATTP hoạt động đồng bộ, phối hợp chặt chẽ từ tuyến tỉnh đến tuyến huyện, xã đã đem lại hiệu quả trong các khâu cấp phép, quản lý, thanh kiểm tra các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm cũng như giám sát mối nguy, đánh giá chất lượng sản phẩm và truy xuất nguồn gốc thực phẩm. Việc tiếp nhận, xử lý thông tin về ATTP được kịp thời hơn, công tác tham mưu và giải quyết các sự cố về ATTP nhanh chóng. Tạo sự tin nhiệm cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn một số địa phương.

4- Hoạt động chỉ đạo, phối hợp liên ngành được tăng cường; BCD liên ngành về ATTP tỉnh, các ngành, các cấp được giao nhiệm vụ đã bám sát các văn bản của cấp trên và của tỉnh để phối hợp xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch tổ chức, triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao đạt hiệu quả. BCD liên ngành về ATTP các cấp được củng cố, duy trì hoạt động, phát huy hiệu quả chỉ đạo, điều hành, triển khai công tác ATTP; hệ thống quản lý ATTP từ tỉnh đến cơ sở được củng cố; việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác ATTP được quan tâm thực hiện. Công tác phối hợp liên ngành trong tổ chức quản lý, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về ATTP từng bước được tăng cường, cải thiện; có sự chuyển biến rõ rệt trong xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về ATTP tại tuyến tỉnh, huyện, thị, thành phố.

5- Công tác thanh tra, kiểm tra thời gian qua được tăng cường và đẩy mạnh và triển khai đồng bộ, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, có sự tham gia của các ngành, đoàn thể. Việc thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính về ATTP đã được triển khai tương đối đồng bộ, quyết liệt và thường xuyên nên đã kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm; công tác phối hợp liên

³² (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Phòng Kinh tế các thị xã, thành phố; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện)

ngành trong quản lý, kiểm tra về ATTP từng bước được tăng cường; đã có sự chuyển biến khá rõ nét trong việc xử lý các vi phạm về ATTP tại tuyến tỉnh, huyện.

6- *Hoạt động giám sát ô nhiễm thực phẩm, phòng chống NDTP được chỉ đạo triển khai quyết liệt*; nhiều vùng, mô hình sản xuất nông sản, hàng hoá tập trung được kiểm soát về ATTP; tỷ lệ mẫu giám sát tồn dư hoá chất bảo vệ thực vật vượt giới hạn cho phép đã giảm đáng kể; ý thức trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm từng bước được nâng cao; công tác bảo đảm ATTP trên địa bàn các tỉnh đang có những chuyển biến tích cực. Hệ thống kiểm nghiệm bước đầu đã đáp ứng được hoạt động kiểm nghiệm phục vụ công tác quản lý. Hoạt động giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm, hậu kiểm và xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm được đẩy mạnh; việc lấy mẫu giám sát được toàn diện trên tất cả các nhóm thực phẩm và rộng khắp các địa bàn góp phần nâng cao hiệu quả cho việc kiểm soát chất lượng sản phẩm sản xuất, lưu thông và phân phối.

7- *Đầu tư nguồn lực cho bảo ATTP, phục vụ quản lý ATTP được tăng dần hàng năm*, đặc biệt cho công tác thanh tra, kiểm tra và việc lấy mẫu phục vụ kiểm soát nguy cơ được chú trọng hơn; đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, điều kiện làm việc; số lượng phòng kiểm nghiệm thực phẩm tăng.

8- *Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức có những kết quả đáng kể*, được triển khai đồng bộ trên các kênh truyền thông và các tuyến; các cơ quan truyền thông, các đơn vị được giao nhiệm vụ. Mặt trận tổ quốc, các tổ chức đoàn thể đã tích cực vào cuộc với nhiều nội dung, hình thức đa dạng phong phú như công khai đánh giá xếp loại cơ sở, thông tin kịp thời các hành vi vi phạm ATTP... đã tạo sự chuyển biến về nhận thức của người sản xuất kinh doanh, người tiêu dùng. Nhận thức chấp hành pháp luật về sản xuất, kinh doanh thực phẩm của người dân được nâng lên đáng kể; cơ sở vật chất, trang thiết bị đã được các chủ cơ sở từng bước đầu tư, nâng cấp; hàng hóa cung ứng ra thị trường đã được nhà sản xuất và người tiêu dùng quan tâm đến chất lượng, ATTP. Ngày càng nhiều các sản phẩm nông, lâm, thủy sản được sản xuất theo các tiêu chuẩn VietGAP, GlobGAP, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng HACCP, ISO 22000, FSSC 22000, hữu cơ, công nghệ cao, quản lý theo chuỗi ...nên an toàn của thực phẩm được bảo đảm.

II- Tồn tại, khó khăn, vướng mắc

1- *Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về ATTP chưa đồng bộ, chưa cập nhật kịp thời gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước về ATTP*; một số văn bản chậm được sửa đổi, bổ sung, cập nhật theo sự phát triển của thực tế quản lý dẫn đến tạo lỗ hổng trong quản lý; còn có sự chưa đồng bộ trong văn

bản hướng dẫn thi hành Luật ATTP, giữa Luật ATTP với các Luật đầu tư (về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư). Việc phân công, phân cấp cho nhiều bộ ngành song song với UBND các cấp cùng quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm dẫn đến chồng chéo trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát.

1.1- *Tiến độ ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành còn chậm*, như Luật ATTP có hiệu lực từ ngày 1/7/2011 nhưng đến năm 2012 mới ban hành Nghị hướng dẫn Luật. Các văn bản dưới luật quá nhiều, thường xuyên thay đổi nhưng vẫn còn nhiều nội dung chưa hướng dẫn hoặc có hướng dẫn nhưng không đồng nhất giữa các ngành y tế, NN&PTNT, Công Thương (như quy định về hồ sơ cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP).

1.2- *Các công cụ kỹ thuật cho quản lý ATTP còn thiếu*, hiện còn thiếu các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phân loại sản phẩm và quy định cho từng dòng sản thực phẩm, vì vậy gây khó khăn cho cơ sở sản xuất, kinh doanh trong việc xác định chỉ tiêu kiểm nghiệm, khó khăn cho các cơ quan quản lý Nhà nước trong việc giám sát, kiểm tra, hậu kiểm việc tự công bố của các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam mới chỉ dừng lại ở việc quy định giới hạn một số chỉ tiêu như kim loại nặng, độc tố vi nấm, vi sinh vật... tuy nhiên các sản phẩm hiện nay rất đa dạng về chủng loại, việc phát sinh các nguy cơ mất ATTP trong quá trình sản xuất, lưu thông, bảo quản thường xuyên hiện hữu đối với các chỉ tiêu không được quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam định mức giới hạn, dẫn đến việc lựa chọn chỉ tiêu tự công bố về chất lượng sản phẩm còn gặp khó khăn cũng như việc kiểm soát (lấy mẫu) của các cơ quan quản lý.

1.3- *Việc cụ thể hóa các nội dung trong Luật ATTP của cơ quan Trung ương còn chưa đồng nhất, không đồng bộ giữa các ngành khi triển khai luật*; quy định đối với sản phẩm thực phẩm thuộc ngành nông nghiệp không thuộc diện đăng ký nội dung trước khi quảng cáo nên người tiêu dùng khó nhận biết và phân biệt được chất lượng sản phẩm so với nội dung đã quảng cáo. Việc cụ thể hóa các nội dung trong Luật ATTP của cơ quan Trung ương còn chưa đồng nhất với Luật ATTP, không đồng bộ giữa các ngành khi triển khai luật do vậy khó khăn trong công tác thực hiện. Một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đảm bảo chất lượng, ATTP chưa thực sự hiệu quả do thủ tục để được hưởng chính sách hỗ trợ còn khó khăn, phức tạp.

1.4- *Hệ thống văn bản pháp luật về ATTP nhiều, tính ổn định của một số văn bản QPPL về kiểm soát ATTP chưa cao*. Một số văn bản quy phạm pháp luật về ATTP (Nghị định, Thông tư hướng dẫn...) được ban hành chỉ có hiệu lực trong một thời gian ngắn đã phải sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ nên đã gây khó khăn cho

các chủ thể kinh doanh thực phẩm cũng như công tác kiểm soát ATTP của các cơ quan nhà nước.

1.5- *Tính khả thi của các văn bản QPPL về ATTP còn chưa cao, cần phải sửa đổi bổ sung cho phù hợp với thực tiễn áp dụng.*

2- *Khó khăn về nguồn lực, nhân lực, cơ sở vật chất*

2.1- *Năng lực của hệ thống phòng kiểm nghiệm, xét nghiệm của một số địa phương còn hạn chế*, việc xác định nhiều chỉ tiêu an toàn phải thực hiện ở các tỉnh lớn hoặc đơn vị kiểm nghiệm cấp trên; nhiều phòng kiểm nghiệm của địa phương chưa đủ năng lực để được giao kiểm định các chỉ tiêu ATTP phục vụ QLNN; năng lực kiểm nghiệm của các đơn vị kiểm nghiệm trên địa bàn còn hạn chế, việc kiểm nghiệm một số chỉ tiêu cho các sản phẩm đặc thù của địa phương còn khó khăn³³; một số Phòng kiểm nghiệm quản lý nhà nước về ATTP thuộc phạm vi quản lý của Bộ NN&PTNT chưa được chỉ định là cơ sở kiểm nghiệm trọng tài.

2.2- *Nhân lực cho quản lý ATTP còn thiếu*. Nguồn lực triển khai công tác quản lý nhà nước về ATTP còn hạn chế, lực lượng cán bộ, công chức quản lý nhà nước về ATTP của các ngành còn thiếu về số lượng và hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là lực lượng thanh tra chuyên ngành nên quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ còn gặp nhiều khó khăn. Nhân lực từ tuyến huyện đến tuyến xã còn mỏng, kiêm nhiệm, chưa có sự đồng bộ giữa 3 ngành³⁴. Một số địa phương, nhất là ở cấp xã vẫn chưa thực sự quan tâm triển khai thực hiện công tác đảm bảo ATTP trên địa bàn. Nhiều tuyến xã phường không có cán bộ chuyên trách làm công tác ATTP nên việc theo dõi quản lý còn buông lỏng trong khi hầu hết các hoạt động sản xuất, chế biến, vận chuyển thực phẩm diễn ra ở cơ sở. Chế độ đãi ngộ cho cán bộ làm công tác ATTP chưa đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt cơ bản; chưa có chính sách để chi trả phụ cấp hoặc chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ cho đội ngũ chuyên trách và cộng tác viên ATTP ở cơ sở.

2.3- *Kinh phí đầu tư cho quản lý ATTP tuy đã được tăng cường nhưng vẫn còn ở mức thấp*. Nguồn lực đầu tư cho công tác bảo đảm ATTP chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu quản lý, công tác dự báo, cảnh báo và kiểm soát các nguy cơ ô nhiễm thực phẩm, NDTP và các bệnh truyền qua thực phẩm; lấy mẫu, thanh tra, kiểm tra, đào tạo, tập huấn... còn chưa được đầu tư đúng mức. Ngân sách cho quản lý ATTP còn ít, thiếu tính đồng bộ, hiệu quả chưa cao.

³³ cụ thể: Chất chống oxy hóa 316, chất chống oxy hóa 415; chất ổn định 452 (i); phẩm màu caramen, PolyUrethane và một số phụ gia khác... vẫn chưa được các phòng kiểm nghiệm trên toàn quốc triển khai thực hiện nên khó khăn cho công tác giám sát tại địa phương.

³⁴ chỉ ngành y tế có mạng lưới đến tuyến xã; việc quản lý của Ngành công thương tại tuyến huyện giao cho phòng Kinh tế - Hạ tầng, trong đó nhiều địa phương chỉ có công chức là Kỹ sư xây dựng, Kỹ sư cầu đường khó khăn trong việc triển khai nhiệm vụ

3- Khó khăn trong tổ chức quản lý ATTP

3.1- Việc quản lý ATTP còn nhiều đầu mối, chưa thống nhất trong thực hiện các nội dung như: xây dựng kế hoạch, cấp giấy, kiểm tra, thanh tra, giám sát, báo cáo không mang tính đồng bộ; mất nhiều nhân lực hơn trong công tác tham mưu và thực hiện. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về ATTP còn chưa đồng nhất giữa 3 ngành; ngay trong ngành y tế cũng tồn tại mô hình tổ chức khác nhau giữa các địa phương như Sở An toàn thực phẩm Hồ Chí Minh, Ban Quản lý ATTP Đà Nẵng, Bắc Ninh, Phòng ATTP thuộc Sở Y tế tại một số tỉnh, Chi Cục ATVSTP.

3.2- Hoạt động quản lý ATTP ở cấp xã, phường chưa thật sự được quan tâm đúng mức; đặc biệt là quản lý sử dụng hoá chất bị cấm trong chăn nuôi, trồng trọt, chế biến thực phẩm ở các đối tượng sản xuất nhỏ lẻ, kinh doanh thức ăn đường phố và ATTP tại các chợ, vệ sinh thú y trong giết mổ; chưa kiểm soát, ngăn chặn triệt để các sản phẩm thực phẩm không rõ nguồn gốc, không đảm bảo an toàn.

4- Khó khăn trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử phạt vi phạm pháp luật về ATTP

4.1- Công tác kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện Luật ATTP và các văn bản hướng dẫn còn hạn chế, chưa thường xuyên, sâu rộng, hiệu quả như mong đợi.

4.2- Ban Quản lý ATTP tỉnh được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về ATTP. Trước tháng 01/2022, Ban Quản lý ATTP tỉnh đã vận dụng thẩm quyền của Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của cơ quan quản lý nhà nước được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành để xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, ngày 28/12/2021 Chính phủ ban hành Nghị định số 124/2021/NĐ-CP³⁵ (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022), trong đó quy định rõ các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về ATTP mà không quy định chức danh tương đương. Như vậy, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành ATTP của Ban Quản lý ATTP tỉnh không thuộc chức danh Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp Sở, do đó dẫn đến khó khăn vướng mắc trong quá trình thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính về ATTP.

4.3- Số cơ sở được thanh tra chuyên ngành còn ít, xử lý một số trường hợp không kiên quyết, dứt điểm, thật sự quyết liệt xử lý vi phạm hành chính hoặc xử phạt còn ở mức thấp chưa thực sự đủ sức răn đe đặc biệt là tại tuyến

³⁵ Sửa đổi, bổ sung một điều của Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Y tế.

huyện chủ yếu mới chỉ dừng lại ở mức độ đánh giá thực trạng mang tính chất nhắc nhở các cơ sở vi phạm và tại tuyến xã hầu như chưa triển khai công tác xử lý vi phạm hành chính về ATTP. Việc xử lý vi phạm cũng rất khó khăn do nhiều cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ không có khả năng nộp phạt, hoặc không nộp phạt. Tình trạng quảng cáo, bán hàng trực tuyến đang tăng nhanh trên các nền tảng số, trong đó việc kinh doanh thực phẩm trên các Website là phổ biến. Khi phát hiện ra sai phạm đến kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp đóng cửa website nên khó khăn trong việc xử lý vi phạm.

4.4-Một vài địa phương địa hình rộng, chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, đường biên giới dài nên việc kiểm tra, kiểm soát thực phẩm qua biên giới, vùng cao còn chưa triệt để. Hoạt động kiểm tra liên ngành về ATTP ở cấp huyện, cấp xã chưa được duy trì thường xuyên, chủ yếu tập trung vào các thời điểm: Tết Nguyên đán; Tháng hành động vì ATTP; Tết Trung thu...Việc phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm về ATTP chưa được triệt để, đặc biệt tại tuyến xã, phường, thị trấn; Tình trạng người sản xuất, kinh doanh thực phẩm chưa có ý thức chấp hành pháp luật về ATTP, tình trạng vi phạm các quy định về điều kiện đảm bảo ATTP trong sản xuất, kinh doanh, cung cấp thực phẩm vẫn còn xảy ra ở nhiều địa phương. Nhiều chế tài xử lý chưa có, chưa phù hợp hoặc khó thực thi trên địa bàn.

Việc quản lý các sản phẩm tự công bố thông qua hoạt động hậu kiểm còn khó khăn do đó khó kiểm soát chất lượng, an toàn sản phẩm; tỷ lệ sản phẩm thực phẩm được lấy mẫu hậu kiểm sau công bố, tự công bố còn thấp³⁶.

5-Khó khăn trong nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật về ATTP

5.1- Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, cán bộ, lãnh đạo quản lý về vai trò của ATTP chưa đầy đủ, ý thức trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng về công tác đảm bảo ATTP còn hạn chế; công tác phối hợp giám sát và xử lý vi phạm về ATTP chưa được quan tâm thường xuyên; công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền cấp huyện và xã chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao, chủ yếu mới chỉ tập trung vào các đợt cao điểm. Công tác vận động, tuyên truyền, giáo dục về ATTP chưa thường xuyên, kết quả còn hạn chế; còn tình trạng nội dung thông tin không chính xác hoặc chưa được kiểm chứng, thiếu

³⁶ Theo quy định tại Nghị định 15/2018/NĐ-CP, đối với các sản phẩm tự công bố, tổ chức cá nhân gửi về cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và được quyền sản xuất, kinh doanh sản phẩm ngay sau khi tự công bố; do đó có hiện tượng các cơ sở sản xuất thực phẩm tự công bố một cách ồ ạt, nhiều sản phẩm chưa được kiểm soát đã đưa ra thị trường, ý thức của cơ sở trong việc chịu trách nhiệm về các sản phẩm tự công bố chưa cao, sản xuất sản phẩm theo mùa vụ hoặc theo đơn đặt hàng. Khi thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm không lấy được mẫu do các sản phẩm này không còn sản xuất, kinh doanh.

căn cứ khoa học, gây ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh và niềm tin của nhân dân đối với công tác quản lý ATTP.

5.2- Nhận thức và ý thức của một bộ phận người nông dân về đảm bảo ATTP chưa cao nên còn hiện tượng lạm dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hóa học, thuốc kháng sinh, chất cấm trong sản xuất; chưa có ý thức thu gom bao gói thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y sau khi sử dụng...; phần lớn người dân có thu nhập trung bình và thấp nên chưa có điều kiện để chọn thực phẩm sạch, có đầy đủ tem nhãn, nguồn gốc xuất xứ với giá cao; vẫn chấp nhận việc mua thực phẩm giá rẻ, không đảm bảo ATTP.

5.3- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ ký cam kết đảm bảo ATTP theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT hiện nay rất nhiều, mang tính hình thức đáp ứng tiêu chí nông thôn mới nhưng lại buông lỏng quản lý, việc kiểm tra sau ký cam kết còn rất ít hoặc không kiểm tra. Mặt khác, các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm là nhỏ lẻ, sản xuất theo mùa vụ, có quy mô vừa và nhỏ, quy mô hộ gia đình, sản xuất theo mùa vụ nên việc đầu tư trang thiết bị, nhà xưởng còn hạn chế. Tình hình sử dụng chất cấm, lạm dụng hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, chất cải tạo xử lý môi trường, chất bảo quản, nhuộm màu trong sơ chế, chế biến, sau thu hoạch nông sản, việc sử dụng phụ gia thực phẩm trong chế biến thực phẩm ngày càng phức tạp.

5.4- Địa phương còn tồn tại nhiều tập quán sử dụng thực phẩm không bảo đảm như: Ăn tiết canh, ăn gỏi cá, thói quen chế biến, sử dụng thực phẩm tại hộ gia đình không đảm bảo... Những hành vi này cần nhiều thời gian để vận động, tuyên truyền thay đổi hành vi. Thêm vào đó, công tác vận động, tuyên truyền, giáo dục về ATTP chưa thường xuyên, kết quả còn hạn chế; còn tình trạng nội dung thông tin không chính xác hoặc chưa được kiểm chứng, thiếu căn cứ khoa học, gây ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh và niềm tin của nhân dân đối với công tác quản lý ATTP; chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng thực phẩm; việc nêu gương người tốt việc tốt, biểu dương các cơ sở sản xuất, kinh doanh chấp hành tốt các quy định của pháp luật và phê phán, nêu tên tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật còn hạn chế.

III- Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

1. Nguyên nhân khách quan

- Cơ chế chính sách, pháp luật chưa được rà soát, điều chỉnh kịp thời; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ công tác quản lý chưa được soát xét,

cập nhật đảm bảo hài hòa với chuẩn mực, thông lệ quốc tế và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân doanh nghiệp. Quy định cắt giảm thủ tục hành chính (các Nghị quyết của Chính phủ) chưa đồng bộ với các quy định hiện hành nên khó thực hiện và hiệu quả.

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại các tỉnh chủ yếu là các cơ sở nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình, theo mùa vụ thường xuyên biến động, có nhiều cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố hoạt động vào đêm, gây khó khăn cho công tác kiểm soát, đảm bảo ATTP. Một số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm còn chạy theo lợi nhuận mà bất chấp hậu quả đối với sức khỏe và an toàn của cộng đồng. Đồng đảo người thu nhập trung bình và thấp thì chưa có điều kiện để chọn thực phẩm sạch với giá cao.

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm là nhỏ lẻ, hộ gia đình, thường xuyên thay đổi, do đó rất khó khăn trong công tác quản lý và xử lý vi phạm. Ý thức chấp hành pháp luật về ATTP của người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm còn chưa đầy đủ, phần lớn vì lợi nhuận nên thiếu trách nhiệm trong bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Còn tồn tại tập quán ăn uống không hợp vệ sinh ở nhiều địa phương và do thu nhập của một bộ phận người dân còn thấp, nên vẫn còn tình trạng người tiêu dùng mua, sử dụng thực phẩm giá rẻ, không bảo đảm an toàn.

2. Nguyên nhân chủ quan

- Việc kiểm soát, giám sát ô nhiễm thực phẩm từ khâu nuôi, trồng đến vận chuyển, chế biến mới chỉ được thực hiện ở các cơ sở có quy mô tập trung; các cơ sở nhỏ lẻ (chiếm trên 95%) chưa được kiểm soát thường xuyên do lực lượng mỏng và thiếu phương tiện.

- Công tác thanh tra, kiểm tra mới chỉ được đẩy mạnh ở tuyến tỉnh và huyện; tập trung chủ yếu ở các cơ sở có đăng ký ngành nghề kinh doanh. Do đó chưa ngăn chặn triệt để việc sử dụng các hóa chất độc hại, chất cấm trong chăn nuôi, trồng trọt, chế biến, bảo quản thực phẩm đối với loại hình sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ; một số địa phương do quản lý yếu kém, nên dễ xảy ra tình trạng giết mổ, kinh doanh, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật không đảm bảo an toàn. Việc xử lý vi phạm ở một số nơi, một số trường hợp không kiên quyết, dứt điểm, còn nể nang nên chưa xử lý nghiêm, đặc biệt là tại tuyến huyện và tuyến xã.

- Trong năm 2020, 2021 tình hình dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, khó lường, ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế của các tổ chức, cá nhân; đặc biệt khó khăn trong việc triển khai các hoạt động đảm bảo ATTP: việc tổ chức các lớp tập huấn, truyền thông trực

tiếp về ATTP, công tác thanh tra, kiểm tra, lấy mẫu giám sát môi nguy còn hạn chế...

- Những tác động không thuận lợi của thực phẩm không an toàn trên thế giới và các nước trong khu vực; thực phẩm nhập lậu, gian lận thương mại diễn biến ngày càng phức tạp, tinh vi, ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

B- BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1- Việc quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; nâng cao trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của cấp ủy, chính quyền; sự chủ động tham mưu, tăng cường phối hợp của các cơ quan chuyên môn, phát huy tốt vai trò của Ban Chỉ đạo các cấp là những yếu tố quan trọng để thực hiện có hiệu quả công tác quản lý ATTP.

2- Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn phù hợp với tình hình thực tiễn, hội nhập quốc tế tiếp tục là nhiệm vụ quan trọng trong công tác ATTP. Tăng cường đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác ATTP, ổn định tổ chức bộ máy, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cũng như đẩy mạnh xã hội hóa sẽ tạo nguồn lực bền vững cho công tác ATTP trong những năm tiếp theo.

3- Chú trọng, đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền, vận động giáo dục về phòng, chống ATTP cho cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên, nhân dân và các tổ chức, doanh nghiệp vẫn là giải pháp chủ yếu để thay đổi nhận thức, hành vi về ATTP, góp phần quan trọng triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách về ATTP.

4- Coi trọng công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật về ATTP; chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết; phát hiện và nhân rộng những điển hình về công tác đảm bảo ATTP; chú trọng và làm tốt công tác thi đua khen thưởng, tạo phong trào thi đua sâu rộng trong toàn xã hội... sẽ kịp thời phát hiện, giải quyết các vấn đề ATTP, đồng thời tạo động lực cho các tập thể, cá nhân làm tốt công tác đảm bảo ATTP.

5- Công tác phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tuyên truyền, vận động toàn dân tham gia bảo đảm ATTP, phát động phong trào thực hiện ATTP sâu, rộng trong toàn xã hội; tổ chức giám sát việc chấp hành các quy định về ATTP; tiếp nhận và xử lý kịp thời thông tin phản ánh, kiến nghị của nhân dân đối với hành vi vi phạm ATTP... sẽ góp

phần hiệu quả trong cuộc vận động toàn dân tự giác chấp hành quy định pháp luật về ATTP.

C- MỘT SỐ NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

I- Về hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về quản lý ATTP

1- Rà soát việc tổ chức thực thi Luật ATTP và các văn bản pháp luật có liên quan để sửa đổi Luật ATTP theo hướng: thể chế hóa đầy đủ, toàn diện chủ chương, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước trong công tác ATTP, bảo đảm an toàn, sức khỏe cho con người, phát triển kinh tế - xã hội; góp phần tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình thực hiện, đề xuất phương thức quản lý ATTP phù hợp với tình hình thực tiễn, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành và tương thích với pháp luật quốc tế.

2- Kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý ATTP đủ mạnh, tập trung, thống nhất một đầu mối trong quản lý ATTP; xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật về kiểm nghiệm, xét nghiệm thực phẩm đủ mạnh phục vụ kiểm soát nguy cơ và xử phạt vi phạm pháp luật.

3- Tăng cường nguồn lực cho hoạt động xây dựng pháp luật trong quản lý ATTP. Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác rà soát, xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý ATTP. Bảo đảm cấp đủ ngân sách nhà nước cho hoạt động nghiên cứu, xây dựng, ban hành pháp luật về quản lý ATTP ; tăng cường quản lý ATTP cấp xã, phường.

4- Rà soát, đề xuất cơ chế, chính sách cho người dân và doanh nghiệp liên kết chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn; chính sách đầu tư hạ tầng và hỗ trợ phát triển các mô hình chuỗi giá trị thực phẩm theo hướng sản xuất quy mô lớn gắn với thị trường tiêu thụ trong nước cũng như xuất khẩu.

5- Đổi mới tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, hữu cơ tạo nguồn thực phẩm an toàn cho tiêu dùng và chế biến công nghiệp. Tăng cường áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến vào sản xuất, chế biến nhằm nâng cao chất lượng, bảo đảm ATTP cho người tiêu dùng và đẩy mạnh xuất khẩu song song với hoạt động giám sát mối nguy, giám sát chất lượng của các cơ quan quản lý. Xây dựng ban hành các đề án, chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các quy định của trung ương, tuyến tỉnh, tuyến huyện và tuyến xã, phường về lĩnh vực ATTP. Căn cứ tình hình thực tế của từng địa phương để có các chương trình, đề án phù hợp; giám sát chặt chẽ việc kinh doanh và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, chất kích thích tăng trưởng; tăng cường kiểm soát thực phẩm nhập lậu, đặc biệt là các huyện có biên giới.

6- Tiếp tục xây dựng mô hình điểm và duy trì có hiệu quả các mô hình điểm điển hình về ATTP. Đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động của mô hình điểm, rút kinh nghiệm và nhân rộng mô hình tại các địa phương.

II- Tiếp tục đẩy mạnh công tác chỉ đạo, phối hợp liên ngành

1- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung của Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 và Nghị quyết đại hội Đảng XIII về công tác bảo đảm an toàn, sức khỏe cho người dân, bảo đảm ATTP.

2- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm tạo sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức và nâng cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị đối với công bảo đảm ATTP. Phân công trách nhiệm cụ thể đối với từng ngành, từng cơ quan, đoàn thể trong thực hiện các mục tiêu, giải pháp. Đưa chỉ tiêu ATTP vào kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, đơn vị hàng năm để tổ chức thực hiện.

3- Phát huy vai trò, trách nhiệm của BCD liên ngành về ATTP các cấp và duy trì hoạt động thường xuyên, hiệu quả. Thực hiện nghiêm sự phân công, phân cấp quản lý nhà nước về ATTP, tăng cường phối hợp liên ngành trong công tác quản lý nhà nước về ATTP, đặc biệt trong công tác quy hoạch, tuyên truyền, kiểm soát các hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn. Kịp thời đề xuất, bổ sung các cơ chế, chính sách, quy định về ATTP cho phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và đặc thù của địa phương.

III- Tổ chức thực hiện

1- Kien toan bo may quan ly nha nuoc ve an toan thuc pham theo huong thong nhat mot dau moi thuc hien nhien vu bao dam an ninh, an toan thuc pham tur Trung uong toi dia phuong; phat huy vai tro, trach nhien cua cong chuc cap xa thuc hien nhien vu theo doi ATTP tren dia ban quan ly; nghien cuu thanh lap bo may cua ngành công thương chuyên trách về ATTP tại các tuyến.

- Củng cố, kiện toàn các cơ quan kiểm tra nhà nước về ATTP. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện kết nối một cửa Quốc gia đối với kiểm tra thực phẩm nhập khẩu. Áp dụng phương pháp quản lý rủi ro, công nhận thừa nhận lẫn nhau với các cơ quan nước ngoài để giảm thiểu việc kiểm tra tại cửa khẩu.

- Tăng cường trách nhiệm của UBND các cấp theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016, Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ trong việc đảm bảo ATTP trên địa bàn, đặc biệt là việc kiểm soát ATTP thức ăn đường phố, bếp ăn tập thể. Tăng cường tổ chức kiểm tra công vụ, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm đối với các cán bộ, công chức những nhiều, tiêu

cực trong thực thi nhiệm vụ, góp phần bảo vệ lợi ích hợp pháp của người dân và nâng cao công tác quản lý nhà nước về ATTP.

2- Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý ATTP (tăng biên chế cho đội ngũ chuyên trách ATTP, nâng cao trình độ pháp luật và kiến thức về ATTP, nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ tốt đối với cán bộ, công chức làm công tác quản lý ATTP).

Tăng cường biên chế cho đội ngũ chuyên trách ATTP của các tuyến, đủ khả năng quản lý và điều hành các hoạt động bảo đảm ATTP trên phạm vi toàn quốc. Bổ sung nhân lực thực hiện công tác đảm bảo ATTP từ trung ương tới địa phương. Hàng năm duy trì tổ chức đào tạo, đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác quản lý ATTP tại các đơn vị được phân công, phân cấp thực hiện, đặc biệt là tuyến huyện/thị xã/thành phố, tuyến xã/phường/thị trấn. Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác, rà soát, xây dựng, ban hành văn bản pháp luật về kiểm soát ATTP.

3- Tăng đầu tư nhân lực, kinh phí cho công tác QLNN về ATTP. Bảo đảm cấp đủ NSNN cho hoạt động quản lý nhà nước về ATTP, chú trọng đầu tư cho công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về ATTP, trang thiết bị kiểm nghiệm, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về ATTP, tuyên truyền phổ biến kiến thức và pháp luật về ATTP; hoạt động lấy mẫu, điều tra phân tích nguy cơ; hạ tầng kỹ thuật thiết yếu cho công tác kiểm tra, thanh tra, xét nghiệm, kiểm nghiệm thực phẩm; hệ thống thông tin phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm; tiêu hủy sản phẩm không bảo đảm ATTP (đặc biệt là động vật mang dịch bệnh, hàng hóa không bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường...).

Chú trọng bố trí đủ ngân sách cho hoạt động bảo đảm ATTP ở địa phương, đặc biệt là cấp huyện, xã.

4- Đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về ATTP. Tiếp tục tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền về vai trò của ATTP đối với sức khỏe của nhân dân.

- Tiếp tục tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền về vai trò của ATTP đối với sức khỏe của nhân dân. Tiếp tục phát huy công tác tuyên truyền, quán triệt, phổ biến rộng rãi các quy định của pháp luật về ATTP bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Phát huy hệ thống truyền thông, phổ biến pháp luật về ATTP bằng nhiều hình thức: qua trang mạng xã hội, thông tin báo đài, các chuyên mục truyền hình... bằng hình ảnh, Pano, áp phích, tờ rơi, video clip về thực hành sản xuất an toàn, các trường hợp NDTP, để người dân nâng cao nhận thức trong lựa chọn sản phẩm tiêu dùng.

- Xây dựng Kế hoạch truyền thông hàng năm và đánh giá hiệu quả truyền thông chính sách, trong đó giao Bộ Y tế là đơn vị chủ trì, để thống nhất chỉ một đầu mối thực hiện nhiệm vụ, tránh trùng lặp, chồng chéo, lãng phí trong công tác tuyên truyền về chính sách theo đúng tinh thần Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 21/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác truyền thông chính sách.

5- Tăng cường năng lực hệ thống kiểm nghiệm ATTP

- Nâng cao tỷ lệ số phòng kiểm nghiệm đạt chuẩn ISO 17025 và tiêu chuẩn thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP); đầu tư về hạ tầng, trang thiết bị cho các phòng xét nghiệm, kiểm nghiệm đủ năng lực kiểm chứng về ATTP, triển khai và nhân rộng mô hình lắp đặt một số máy kiểm nghiệm nhanh tại các cơ sở thương mại thực phẩm, nhất là các chợ. Tiếp tục đầu tư, nâng cao năng lực phòng xét nghiệm đã đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2005 để làm cơ sở xây dựng hệ thống cảnh báo và phân tích nguy cơ về ATTP, tổ chức quản lý ATTP theo hướng chủ động dựa trên “nguy cơ”. Tiếp tục đầu tư về hạ tầng, trang thiết bị cho các Labo của một số phòng thí nghiệm để nâng cao năng lực các phòng thí nghiệm phân tích hiện có.

- Sửa đổi, bổ sung một số TCVN, QCVN phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và phù hợp với điều kiện sản xuất và trình độ công nghệ trong nước tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp khi áp dụng. Đẩy mạnh hoạt động kiểm nghiệm, tư vấn, chứng nhận về ATTP.

6- Tăng cường thanh tra và xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về ATTP, đẩy mạnh công tác hậu kiểm: Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan đến vấn đề ATTP. Quản lý chặt chẽ ATTP đối với cơ sở chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản, cơ sở giết mổ...đồng thời xử lý nghiêm và công khai các cơ sở vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định. Phối hợp liên ngành, thường xuyên thanh tra, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan đến vấn đề ATTP. Đẩy mạnh sự phối hợp liên ngành trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy định của pháp luật về ATTP, kịp thời phát hiện, xử lý, ngăn chặn các hành vi vi phạm về ATTP và công khai vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tăng cường công tác điều tra, xử lý hình sự đối với các vụ việc, tổ chức, cá nhân vi phạm nghiêm trọng về ATTP theo đúng quy định của pháp luật để việc xử lý vi phạm được nghiêm minh.

7- Tăng cường hợp tác quốc tế, tích cực vận động sự hỗ trợ của các nước, các tổ chức Liên Hợp quốc và các tổ chức quốc tế hỗ trợ cho công tác bảo đảm ATTP.

Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm an toàn, đạt và duy trì theo tiêu chuẩn quy định. Đẩy mạnh việc khuyến khích, hướng dẫn và hỗ trợ các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh tham gia chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.

D- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I- Đối với Quốc hội

1- Đề nghị xem xét, sửa đổi Luật ATTP theo hướng đổi mới phương thức quản lý thực phẩm phù hợp với thực tế trong nước và đáp ứng các yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời quan tâm giải quyết các vấn đề sau: (1) Quản lý nhà nước đối với các sản phẩm thực phẩm, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo hướng chặt chẽ hơn đặc biệt là thực phẩm chức năng (2) Kiện toàn bộ máy QLNN theo hướng thống nhất một đầu mối từ Trung ương đến địa phương, phân công, phân cấp quản lý nhà nước, quy định rõ hơn trách nhiệm quản lý nhà nước của UBND các cấp theo hướng nâng cao trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn và giao quyền chủ động hơn trong tổ chức, bộ máy, bố trí nguồn lực...(3) Đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật đủ mạnh cho công tác quản lý, phục vụ hiệu quả công tác kiểm soát nguy cơ và phân tích nguy cơ; thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm.

2- Sửa đổi bổ sung Bộ Luật hình sự để tăng cường răn đe và xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về ATTP theo hướng quy định rõ hình phạt tù và phạt tiền tương ứng với mức độ vi phạm và hậu quả trong việc sử dụng hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y, thuốc BVTV thuộc danh mục cấm sử dụng hoặc sản xuất, kinh doanh thực phẩm mà biết rõ là thực phẩm có chứa chất cấm hoặc không đáp ứng quy chuẩn thực phẩm để bảo đảm tính răn đe; làm rõ tình tiết gây hậu quả nghiêm trọng trong các Điều 193, 317 vì rất khó chứng minh, mang nhiều tính chủ quan.

3- Ưu tiên bố trí kinh phí NSNN cho công tác ATTP trung hạn và hàng năm; cho phép sử dụng kinh phí xử phạt vi phạm hành chính phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra ATTP và phục vụ các hoạt động quản lý nhà nước về ATTP. Tiếp tục bố trí kinh phí ngân sách trung ương kịp thời, đảm bảo triển khai các hoạt động liên quan đến bảo đảm ATTP và chỉ đạo địa phương dành ngân sách địa phương đủ để triển khai công tác quản lý ATTP trên địa bàn.

4- Tăng cường giám sát, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết số 134/2020/QH14 của Quốc hội về việc tiếp tục hoàn thiện thể chế trong công tác quản lý an toàn thực phẩm. Đặc biệt là tăng cường trách nhiệm của chính quyền

địa phương các cấp trong bảo đảm an toàn thực phẩm, nhất là cấp cơ sở, nơi sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

II- Đối với Chính phủ

1- Về hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật

- Chỉ đạo Bộ Y tế đầu mối phối hợp với các Bộ, ngành liên quan rà soát, sửa đổi Luật ATTP, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm để đảm các quy định đầy đủ và chặt chẽ, phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế (đổi mới phương thức kiểm tra nhà nước phù hợp đối với sản phẩm thực phẩm, bổ sung nội dung quản lý các sản phẩm thực phẩm phải kiểm soát đặc biệt, bổ sung quy định thu hồi Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, bổ sung quy định thời hạn Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, quy định kiểm nghiệm định kỳ đối với sản phẩm, các sản phẩm thực phẩm chức năng phải áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến phù hợp với từng loại hình sản xuất, ...).

- Chỉ đạo rà soát, đề nghị sửa đổi, bổ sung một số Luật có liên quan đến thực phẩm như: Luật Đầu tư, Luật Tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Thương mại, Luật Quảng cáo, Luật Thú y, ...) để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất.

- Đôn đốc các bộ, ngành, địa phương triển khai Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về tăng cường đảm bảo an ninh, ATTP trong tình hình mới. Tổng kết mô hình để quy định tập trung, thống nhất đầu mối trong Luật ATTP sửa đổi. Phân công quản lý nhà nước đảm bảo phù hợp với Chỉ thị 17-CT/TW “tổ chức bộ máy quản lý nhà nước theo hướng thống nhất chỉ một đầu mối thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm từ TW tới địa phương”.

- Giao nhiệm vụ cho các cơ quan truyền thông, báo chí làm nhiệm vụ truyền thông về an toàn thực phẩm phù hợp với yêu cầu và quy định của pháp luật; hàng năm đánh giá hiệu quả công tác truyền thông, theo tinh thần Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 21/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác truyền thông chính sách

- Chỉ đạo UBND các tỉnh/thành phố đưa tiêu chí ATTP trở thành một tiêu chí quan trọng trong kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội nhiệm kỳ và hàng năm của từng địa phương để tập trung chỉ đạo và bố trí nguồn lực cho công tác ATTP; chú trọng nguồn lực cho tuyến cơ sở để quản lý, giám sát điều kiện đảm

bảo ATTP đối với nhóm đối tượng sản xuất kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ; thực phẩm tươi sống.

2- Về kinh phí, nguồn lực

- Chỉ đạo Bộ Tài chính cấp đầy đủ, kịp thời kinh phí và sớm có hướng dẫn sử dụng kinh phí xử phạt vi phạm hành chính về ATTP, để các cấp, các ngành triển khai thực hiện nhiệm vụ đạt kết quả, đúng tiến độ; tăng mức đầu tư kinh phí về ATTP, đặc biệt cho các hoạt động sự nghiệp như truyền thông, nâng cao nhận thức về ATTP cho đồng bào vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn của các tỉnh miền núi; thanh tra, kiểm tra và giám sát nguy cơ ô nhiễm thực phẩm qua biên giới; tăng đầu tư kinh phí Trung ương cho hoạt động về ATTP, đặc biệt là đầu tư cho các hoạt động kiểm nghiệm đánh giá chất lượng, ATTP.

- Bổ sung ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Hằng năm, bố trí ngân sách đủ cho công tác quản lý ATTP theo kế hoạch; ưu tiên nguồn vốn bố trí cho công tác quy hoạch xây dựng vùng sản xuất thực phẩm an toàn; xây dựng chợ đầu mối, cơ sở giết mổ tập trung, vùng trồng rau bảo đảm an toàn; đầu tư xây dựng và kết nối hệ thống kiểm nghiệm ATTP trên toàn quốc; trang bị, cung cấp các thiết bị phục vụ hoạt động quản lý ATTP. Cho phép tạm ứng và thanh toán từ nguồn kinh phí xử phạt vi phạm hành chính để xử lý vi phạm (tiêu hủy thực phẩm không an toàn, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chế phẩm xử lý, cải tạo môi trường giả, kém chất lượng, không an toàn...), đáp ứng yêu cầu quản lý.

- Ban hành chính sách hỗ trợ địa phương quy hoạch vùng sản xuất thực phẩm an toàn; có chính sách hỗ trợ người dân xây dựng các mô hình thí điểm sản xuất, kinh doanh theo hướng an toàn, quản lý theo chuỗi từ trang trại đến bàn ăn. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kiểm nghiệm, xây dựng labo đạt chuẩn khu vực cho các tỉnh có cửa khẩu biên giới và lưu thông thực phẩm số lượng lớn.

- Có cơ chế tăng nguồn nhân lực, kinh phí, phương tiện, trang thiết bị đủ cho các đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý về ATTP ; tuyển xã, phường có cán bộ chuyên trách làm công tác ATTP.

- Tăng cường kinh phí cho công tác truyền thông về an toàn thực phẩm.

3- Về tổ chức quản lý

Kiến toàn cơ quan quản lý ATTP, thống nhất mô hình tổ chức bộ máy quản lý về ATTP trên toàn quốc theo hướng phân công trách nhiệm nội dung quản lý nhà nước về ATTP về một cơ quan quản lý thống nhất từ Trung ương

tới địa phương theo tinh thần Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới; tổng kết, đánh giá các mô hình quản lý ATTP tại các địa phương để triển khai quản lý chung trong toàn quốc để thuận lợi cho việc tham mưu, thực hiện quản lý ATTP từ Trung ương đến địa phương; bổ sung cán bộ chuyên trách quản lý ATTP cấp huyện, cấp xã.

4- Về công tác thanh tra, kiểm tra ATTP

- Chỉ đạo các Bộ, ngành tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về ATTP trong quá trình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.
- Chỉ đạo Thanh tra Chính phủ tăng cường công tác đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ quản lý, thanh tra, kiểm tra và trang thiết bị trong triển khai kiểm soát ATTP cho cán bộ làm công tác ATTP tuyến tỉnh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về ATTP; nâng mức xử phạt vi phạm hành chính về ATTP và nâng mức xử phạt cho người có thẩm quyền xử phạt ở cấp huyện, cấp xã.

III- Đối với các Bộ có liên quan

1- Đối với Bộ Y tế

- Đầu mối, phối hợp với các bộ ngành liên quan rà soát, nghiên cứu, đánh giá và đề xuất sửa đổi Luật ATTP, sửa đổi Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm để đảm bảo các quy định đầy đủ và chặt chẽ, phù hợp thực tiễn và thông lệ quốc tế; tập trung vào các nội dung liên quan đến quản lý nhà nước đối với các sản phẩm thực phẩm như giải thích từ ngữ, làm rõ các khái niệm liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, quảng cáo thực phẩm, đăng ký bản công bố sản phẩm, thu hồi giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, kiểm nghiệm thực phẩm, kiểm tra nhà nước và quản lý các sản phẩm phải kiểm soát đặc biệt...

- Rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung các nội dung về quản lý nhà nước đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, trong đó nghiên cứu áp dụng bắt buộc Hệ thống quản lý chất lượng như GMP, HACCP, ISO 22000 và tương đương đối với một số cơ sở sản xuất thực phẩm đặc thù, nguy cơ cao.

- Đầu mối, phối hợp với các bộ ngành liên quan rà soát, nghiên cứu và đề xuất sửa đổi bổ sung nội dung về bộ máy tổ chức và phân công phân cấp quản lý nhà nước về ATTP đảm bảo thực hiện Chỉ thị 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh an toàn thực phẩm trong tình hình mới.

- Sớm rà soát, bổ sung, quy định rõ ràng hơn về danh mục chất cấm, ngưỡng cho phép tồn dư hóa chất trong thực phẩm; quản lý chặt chẽ đối với các sản phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung vi chất, phụ gia thực phẩm.

- Rà soát các quy định về quản lý kiểm nghiệm thực phẩm, đồng bộ và nhất quán chính sách quản lý đối với các tổ chức đánh giá sự phù hợp hiện nay đang được quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018; Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 và chính sách quản lý cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm tại Điều 45, Điều 46 và Điều 47 trong Luật An toàn thực phẩm, trong đó làm rõ các yêu cầu về đăng ký lĩnh vực hoạt động thử nghiệm, chỉ định phòng thử nghiệm, chỉ định phòng kiểm nghiệm kiểm chứng để đảm bảo sự nhất quán trong quản lý.

- Rà soát các quy định về xử lý ngộ độc thực phẩm, xử lý sự cố an toàn thực phẩm, làm rõ trách nhiệm của các cơ quan liên quan, sự phối hợp trong tổ chức điều tra nguyên nhân, ngăn chặn nguy cơ an toàn thực phẩm.

- Chủ trì phối hợp với Bộ NN&PTNT, Bộ Công Thương: (1) hướng dẫn đồng bộ các văn bản quản lý nhà nước về ATTP; hạn chế chồng chéo trong quản lý và triển khai Luật ATTP và các văn bản hướng dẫn; hoàn thiện hành lang pháp lý để quản lý hiệu quả hình thức bán hàng thực phẩm online; cơ sở thuộc diện không phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP; xây dựng và ban hành chỉ tiêu mức giới hạn chỉ tiêu vi sinh, kim loại nặng đối với sản phẩm nông lâm thủy sản, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định ATTP giúp các ngành, địa phương có căn cứ đánh giá sản phẩm đảm bảo an toàn, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về ATTP (2) Tổ chức vận hành hệ thống thông tin về ATTP, bảo đảm để người dân, doanh nghiệp có công cụ nhận diện các địa chỉ, sản phẩm thực phẩm an toàn trên nền tảng số quốc gia đảm bảo thống nhất về công nghệ, kỹ thuật, giao diện, phương thức cập nhật/khai thác dữ liệu, báo cáo từ hệ thống và đảm bảo liên thông giữa Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, người dân, truy xuất được nguồn gốc sản phẩm.

- Đầu tư, áp dụng công nghệ số trong công tác quản lý ATTP thuận tiện cho việc truy xuất nguồn gốc thực phẩm, cảnh báo nguy cơ gây mất ATTP.

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ quản lý, thanh tra, kiểm tra bảo đảm ATTP, hỗ trợ địa phương các sản phẩm truyền thông để tăng cường và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến về ATTP.

- Đề xuất bố trí nguồn kinh phí cho công tác quản lý ATTP và xây dựng, chuẩn hóa yêu cầu, kế hoạch, phương hướng, nhiệm vụ chung cho công tác ATTP hằng năm và từng giai đoạn.

2- Đối với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh đối với các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với thực tế³⁷; sớm rà soát, bổ sung, quy định rõ ràng hơn về danh mục chất cấm, ngưỡng cho phép tồn dư hóa chất, kháng sinh, phương thức giám định xác định tỉ lệ tổn hại sức khỏe do thực phẩm bẩn gây nên để có căn cứ xử lý nghiêm minh trường hợp vi phạm; cập nhật vào Danh mục mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm đối với một số kháng sinh thế hệ mới (Tulathromycin, Flophenicol, Enrofloxacin, Cefalexin); xem xét quy định về biện pháp xử lý ngăn chặn vi phạm (đình chỉ kinh doanh, tạm giữ lô hàng, điều kiện bảo quản hàng hóa) trong thời gian chờ kết quả phân tích định lượng để xử lý theo quy định của pháp luật; ban hành quy chế quản lý ATTP gắn với truy xuất nguồn gốc thực phẩm.

- Phối hợp chặt chẽ với Bộ Y tế xây dựng Luật an toàn thực phẩm sửa đổi, sửa đổi Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- Chỉ đạo các phòng kiểm nghiệm thuộc phạm vi quản lý nâng cao năng lực, đảm bảo được chỉ định tất cả các chỉ tiêu kiểm nghiệm ATTP; chỉ định cơ sở kiểm nghiệm đủ năng lực làm nhiệm vụ kiểm chứng khi cần thiết; đầu tư xây dựng các cơ sở giết mổ tập trung, kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc động vật để đảm bảo vệ sinh ATTP, cũng như hạn chế dịch bệnh trên đàn vật nuôi; tăng cường tổ chức các lớp đào tạo nâng cao năng lực quản lý, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về ATTP.

- Tăng cường xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn thực phẩm cho các nhóm sản phẩm nông, lâm sản thuộc thẩm quyền quản lý; quy định cụ thể các thông số, chỉ tiêu chất lượng nhằm kiểm soát đối với tổ chức và cá nhân trong việc công bố sản phẩm; sớm ban hành Đề án liên kết chuỗi, liên kết giá trị; hỗ trợ, hướng dẫn địa phương triển khai các chương trình kiểm soát ATTP nông lâm thủy sản theo chuỗi giá trị.

³⁷ Thông tư 10/2016/TT-BNNPTNT, Thông tư 01/2016/TT-BNNPTNT và Thông tư 24/2013/TT-BYT để phù hợp. Thông tư số 09/2016/T1-BNNPTNT; Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018; Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT

- Xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn; đổi mới phương thức tổ chức sản xuất nông sản theo chuỗi, nâng cao giá trị.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát quản lý chặt chẽ việc kinh doanh, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y sử dụng trong chăn nuôi; quản lý nhập khẩu các loại thuốc BVTV, thuốc thú y, thức ăn biến đổi gen, chất kích thích sinh trưởng; nhân rộng chuỗi sản xuất nông sản theo hướng an toàn có hiệu quả trên phạm vi cả nước.

- Có cơ chế chính sách đặc thù về phát triển nông nghiệp của địa phương nhằm tạo ra những mô hình sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, lâm, thủy sản có sản lượng lớn, có khả năng kiểm soát an toàn thực phẩm ngay từ yếu tố đầu vào trong sản xuất, kinh doanh đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân cũng như đạt mục tiêu an ninh, an toàn thực phẩm.

3- Đối với Bộ Công Thương

- Ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm/nhóm sản phẩm; hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương; văn bản hướng dẫn việc quản lý kinh doanh trực tuyến, quảng cáo thực phẩm thuộc phạm vi quản lý; thống nhất hình thức quản lý và quy định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP đối với hành vi không thực hiện việc gửi bản cam kết đảm bảo ATTP đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP thuộc lĩnh vực quản lý.

- Phối hợp chặt chẽ với Bộ Y tế xây dựng Luật an toàn thực phẩm sửa đổi, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- Bố trí đủ phương tiện và trang thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác đảm bảo ATTP; quản lý chặt chẽ rượu, bia, nước giải khát; hạn chế tình trạng ngộ độc, đặc biệt là ngộ độc rượu; tục tăng cường công tác kiểm soát thực phẩm nhập lậu qua biên giới và hàng giả, hàng nhái trên thị trường.

4- Đối với các Bộ, ngành khác

- Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ sớm nghiên cứu đề nghị sửa đổi Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và các Nghị định hướng dẫn thi hành theo hướng hài hòa với quy định của quốc tế phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn hiện nay. Ban hành đầy đủ các tiêu chuẩn đối với các sản phẩm thực phẩm đảm bảo hoạt động quản lý ATTP.

- Đề nghị Bộ Tài chính ưu tiên bố trí nguồn lực ngân sách cho công tác ATTP đặc biệt là các cơ chế tạo sự chủ động cho hoạt động của các cơ quan làm nhiệm vụ ATTP. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo hệ thống báo chí, đài phát thanh, truyền hình các cấp từ Trung ương đến các cấp xã, phường dành thời lượng thích đáng, thời gian phát sóng phù hợp để phổ biến kiến thức, quy định pháp luật về các hoạt động bảo đảm ATTP, cần lưu ý bên cạnh việc phê phán những tồn tại, yếu kém, bắt cập cần dùng thời lượng thích hợp để tuyên truyền, biểu dương những đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác đảm bảo ATTP. Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị chức năng giám sát và quản lý chặt chẽ việc quảng cáo thực phẩm, nhất là thực phẩm chức năng.

- Chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng và hệ thống thông tin cơ sở thường xuyên thông tin, truyền thông về an toàn thực phẩm, lồng ghép chương trình thông tin, truyền thông về an toàn thực phẩm với các chương trình thông tin, truyền thông khác; gia tăng tương tác để tăng hiệu quả của công tác truyền thông chính sách; phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, ngăn chặn kịp thời những hành vi ảnh hưởng xấu đến công tác bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm, nhất là trên môi trường Internet và mạng xã hội.

- Đề nghị Bộ Công an, Bộ Công Thương tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ NN&PTNT trong thanh tra, điều tra xử lý các vi phạm ATTP nghiêm trọng như sử dụng chất cấm, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, kháng sinh...trong sản xuất, kinh doanh, vận chuyển thực phẩm.

- Đề nghị Bộ Kế hoạch đầu tư nghiên cứu, rà soát và đề xuất sửa đổi Luật Đầu tư để thống nhất ngành nghề kinh doanh có điều kiện giữa 3 bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương.

IV- Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1- Chỉ đạo các đơn vị, ngành liên quan triển khai đồng bộ công tác đảm bảo ATTP; quan tâm bố trí kinh phí; đầu tư trang thiết bị đáp ứng nhiệm vụ công tác đảm bảo ATTP, nhất là công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát ATTP; huy động các tổ chức xã hội, các thành phần kinh tế tham gia công tác đảm bảo ATTP.

2- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về ATTP đến các cấp huyện, thành, thị; các xã, phường, thị trấn; thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP theo phân công, phân cấp; biểu dương các điển hình tiên tiến, mô hình sản xuất, chế biến thực phẩm an toàn; tăng cường công tác quản lý ATTP đối với các làng nghề thực phẩm, các chợ, chợ đầu mối nông sản thực phẩm; NTDP. Thúc đẩy phát triển các vùng sản xuất nông sản thực phẩm an toàn, sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo chuỗi, chợ đầu mối nông sản an toàn; tăng cường quản lý thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón, thức ăn chăn nuôi; hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ; kiểm soát chặt chẽ các nội dung, sản phẩm thực phẩm quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng; quan tâm, đầu tư xây dựng hệ thống cảnh báo nhanh sự cố về ATTP tại các cấp trên cơ sở hệ thống giám sát dịch bệnh hiện có của ngành y tế.

3- Bố trí cán bộ có đủ chuyên môn về quản lý ATTP từ cấp huyện đến cấp xã; tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ công chức làm công tác ATTP tại địa phương đáp ứng với yêu cầu về quản lý ATTP trong tình hình mới, nhất là tuyến xã, phường, thị trấn. Sớm ban hành các chính sách hỗ trợ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách, cộng tác viên ATTP tuyến cơ sở vì đây là đầu mối quan trọng giúp cho chính quyền cấp xã thực hiện tốt vai trò quản lý ATTP.

4- Quan tâm, bố trí kinh phí hoạt động đảm bảo ATTP trên địa bàn, đầu tư trang thiết bị cho các cơ sở kiểm nghiệm ATTP tại địa phương đáp ứng với yêu cầu của kiểm tra, chứng nhận ATTP cho thực phẩm tiêu dùng trong nước. Phát triển, đầu tư hệ thống phân tích, cảnh báo nguy cơ mất ATTP một cách chủ động; hỗ trợ phát triển sản xuất nông sản sạch, an toàn theo chuỗi sản xuất quy mô lớn theo hướng hàng hóa.

5- Đổi mới, đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, chú trọng về truyền thông thay đổi hành vi. Tập trung triển khai hình thức truyền thông trực tiếp và bằng hình ảnh trực quan về bảo đảm ATTP; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội trong công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về ATTP. Hướng dẫn thực hành chế biến thực phẩm an toàn; kiểm soát các thông tin, truyền thông đại chúng khi đưa các thông tin về thực phẩm không an toàn, tránh gây mất niềm tin và gây hoang mang trong dư luận. Khuyến khích đưa các thông tin điển hình, tiêu biểu về các cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh, phân phối thực phẩm an toàn, tạo sự kết nối giữa doanh nghiệp và người tiêu

dùng. Phối hợp chặt chẽ giữa Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên trong công tác vận động, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về ATTP nhằm nâng cao nhận thức của người sản xuất và tiêu dùng về đảm bảo ATTP trên địa bàn được phân công quản lý.

6- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tại các cấp theo kế hoạch và đột xuất, đặc biệt là thanh tra đột xuất để chủ động ngăn ngừa các sự cố về ATTP; xử lý nghiêm các vi phạm; đồng thời thực hiện công khai trên phương tiện thông tin đại chúng những đơn vị, cá nhân vi phạm các quy định pháp luật về bảo đảm ATTP này; tăng cường thanh tra việc kinh doanh, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; kiểm soát thực phẩm nhập lậu, hàng giả, kém chất lượng lưu thông trên thị trường; thức ăn đường phố, thực phẩm chế biến sẵn, phụ gia thực phẩm...

V- Đối với các doanh nghiệp, hiệp hội

1- Thực hiện nghiêm túc các quy định của Việt Nam, thị trường nhập khẩu, hướng dẫn của cơ quan quản lý về bảo đảm ATTP, nâng cao chất lượng sản phẩm thực phẩm; chủ động nâng cấp cơ sở vật chất, đào tạo, tập huấn nguồn nhân lực và ứng dụng ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, hệ thống quản lý chất lượng, ATTP tiến tiến trong sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm.

2- Cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; nội dung giao dịch hàng hóa, dịch vụ; nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa để thuận tiện trong truy xuất nguồn gốc thực phẩm và thu hồi sản phẩm khi có sự cố xảy ra.

3- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan soạn thảo và chuyên gia trong quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm để có thể thực hiện một cách có hiệu quả.

4- Thường xuyên cập các văn bản, hướng dẫn mới của Nhà nước để thực hiện đúng quy định; định kỳ cập nhật kiến thức an toàn thực phẩm cho lực lượng lao động tham gia sản xuất, sơ chế, chế biến thực phẩm; tham gia góp ý xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam về ATTP phục vụ quản lý. Chủ động xây dựng và thực hiện các quy trình bảo đảm ATTP tại các công đoạn sản xuất.

Trên đây là Báo cáo tổng kết 12 năm thực hiện Luật an toàn thực phẩm; Bộ Y tế kính trình Chính phủ. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ: Tư pháp, Nông nghiệp và PTNT, Công Thương;
- Bộ trưởng Bộ Y tế (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Lưu: VT, ATTP.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG** 

Đỗ Xuân Tuyên

Phụ lục 1
HỆ THỐNG VĂN BẢN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT
VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM DO CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG BAN HÀNH
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 447/BC- BYT ngày 05/11/2024 của Bộ Y tế)

TT	Số ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
I. CHỈ THỊ CỦA ĐẢNG, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI			
1.	134/2020/QH14	17/11/2020	Tiếp tục thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề, chất vấn trong nhiệm kỳ khóa XIV và một số Nghị quyết trong nhiệm kỳ khóa XIII
2.	08-CT/TW	21/10/2011	Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề ATTP trong tình hình mới.
3.	11-KL/TW	19/01/2017	Kết luận của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị 08 của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề ATTP trong tình hình mới
4.	81-KL/TW ngày	29/7/2020	Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030.
5.	17-CT/TW	21/10/2022	Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, ATTP trong tình hình mới.
6.	01/CT-BYT	12/01/2022	Chỉ thị Về việc tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và đảm bảo công tác y tế dịp Tết Nguyên đán 2022.
7.	17/CT-TTg	13/4/2020	Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới
II. LUẬT CỦA QUỐC HỘI			
1.	55/2010/QH12	17/6/2010	Luật An toàn thực phẩm
2.	17/2003/QH11	26/11/2003	Luật Thủy sản
3.	68/2006/QH11	29/06/2006	Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật
4.	05/2007/QH12	21/11/2007	Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa
5.	56/2010/QH12	15/01/2010	Luật Thanh tra

6.	59/2010/QH12	17/01/2010	Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
7.	15/2012/QH13	20/6/2012	Luật Xử lý vi phạm hành chính
8.	16/2012/QH13	21/6/2012	Luật Quảng cáo
9.	41/2013/QH13	25/11/2013	Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật
10.	67/2014/QH13	26/11/2014	Luật Đầu tư
11.	79/2015/QH13	19/06/2015	Luật Thú y
12.	97/2015/QH13	25/11/2015	Luật Phí và lệ phí
13.	18/2017/QH14	21/11/2017	Luật Thủy sản
14.	31/2018/QH14	19/11/2018	Luật Trồng trọt
15.	32/2018/QH14	19/11/2018	Luật Chăn nuôi

III. NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

1.	127/2007/NĐ-CP	01/8/2007	Nghị định số 127/2007/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
2.	132/2008/NĐ-CP	31/12/2008	Nghị định số 132/2008/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
3.	08/2010/NĐ-CP	05/02/2010	Nghị định về quản lý thức ăn chăn nuôi.
4.	31/2010/NĐ-CP	29/3/2010	Nghị định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực thủy sản.
5.	86/2011/NĐ-CP	22/9/2011	Nghị định số 86/2011/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra.
6.	98/2011/NĐ-CP	26/10/2011	Nghị định số 98/2011/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi một số điều của các Nghị định về nông nghiệp
7.	07/2012/NĐ-CP	09/02/2012	Nghị định số 07/2012/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.
8.	38/2012/NĐ-CP	25/04/2012	Nghị định số 38/2012/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATTP.
9.	15/2018/NĐ-CP	02/02/2018	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của

			Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATTP (thay thế Nghị định số 38/2012/NĐ-CP).
10.	91/2012/NĐ-CP	08/11/2012	Nghị định số 91/2012/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP
11.	115/2018/NĐ-CP	04/9/2018	Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 4/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP.
12.	124/2021/NĐ-CP	28/12/2021	Nghị định số 124/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 115/2018/NĐ-CP.
13.	94/2012/NĐ-CP	12/11/2012	Nghị định số 94/2012/NĐ-CP của Chính phủ: Về sản xuất, kinh doanh rượu.
14.	08/2013/NĐ-CP	10/01/2013	Nghị định số 08/2013/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả.
15.	81/2013/NĐ-CP	19/7/2013	Nghị định số 81/2013/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.
16.	103/2013/NĐ-CP	12/9/2013	Nghị định số 103/2013/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản.
17.	114/2013/NĐ-CP	03/10/2013	Nghị định số 114/2013/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật
18.	119/2013/NĐ-CP	09/10/2013	Nghị định số 119/2013/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi.
19.	158/2013/NĐ-CP	12/11/2013	Nghị định số 158/2013/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo
20.	178/2013/NĐ-CP	14/11/2013	Nghị định số 178/2013/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP.
21.	181/2013/NĐ-CP	14/11/2013	Nghị định số 181/2013/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.
22.	185/2013/NĐ-CP	15/11/2013	Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng

			giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
23.	202/2013/NĐ-CP	27/11/2013	Nghị định về quản lý phân bón.
24.	210/2013/NĐ-CP	19/12/2013	Nghị định về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.
25.	36/2014/NĐ-CP	29/4/2014	Nghị định số 36/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 Quy định về nuôi, chế biến, xuất khẩu sản phẩm cá tra
26.	67/2014/NĐ-CP	07/7/2014	Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 về một số chính sách phát triển thủy sản
27.	100/2014/NĐ-CP	06/11/2014	Nghị định số 100/2014/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo
28.	116/2014/NĐ-CP	04/12/2014	Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.
29.	122/2014/NĐ-CP	25/12/2014	Nghị định số 122/2014/NĐ-CP của Chính phủ: Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra y tế.
30.	89/2015/NĐ-CP	07/10/2015	Nghị định số 89/2015/NĐ-CP của Chính phủ: sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 về một số chính sách phát triển thủy sản.
31.	09/2016/NĐ-CP	28/01/2016	Nghị định số 09/2016/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm.
32.	11/VBHN-BCT	23/01/2014	Văn bản hợp nhất Nghị định về phát triển và quản lý chợ
33.	31/2016/NĐ-CP	06/5/2016	Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 6/5/2016 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.
34.	35/2016/NĐ-CP	15/5/2016	Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y.
35.	66/2016/NĐ-CP	01/7/2016	Nghị định số 67/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.
36.	67/2016/NĐ-CP	01/07/2016	Nghị định số 67/2016/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế.

37.	77/2016/NĐ-CP	01/7/2016	Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, ATTP có liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
38.	155/2018/NĐ-CP	12/11/2018	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP của Chính phủ : Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế
39.	85/2019/NĐ-CP	14/11/2019	Nghị định số 85/2019/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
40.	14/2021/NĐ-CP	01/03/2021	Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi.
41.	8/2021/NĐ-CP	29/03/2021	Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo.
42.	70/2021/NĐ-CP	20/7/2021	Nghị định số 70/2021/NĐ-CP ngày 20/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.
43.	111/2021/NĐ-CP	09/12/2021	Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ sửa đổi quy định về xuất xứ hàng hóa ghi trên nhãn hàng hóa.
44.	43/2017/NĐ-CP	14/4/2017	Nghị định số của Chính phủ quy định ngày về nhãn hàng hóa.
45.	124/2021/NĐ-CP	28/12/2021	Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.
46.	118/2021/NĐ-CP	23/12/2021	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

47.	129/2021/NĐ-CP	30/12/2021	Nghị định sửa đổi, bổ sung 1 số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch, thể thao, quyền tác giả, quyền liên quan, văn hóa và quảng cáo.
48.	107/2016/NĐ-CP	01/7/2016	Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;
49.	154/2018/NĐ-CP	09/11/2018	Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành
50.	17/2020/NĐ-CP	05/02/2020	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
51.	107/2016/NĐ-CP	01/7/2016	Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp
52.	154/2018/NĐ-CP	09/11/2018	Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành

IV. QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1.	36/210/QĐ-TTg	15/4/2010	Ban hành “Quy chế phối hợp kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa”
2.	809/QĐ-TTg	30/5/2011	Phê duyệt Đề án: Tăng cường năng lực quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản và muối giai đoạn 2011-2015
3.	20/QĐ-TTg	04/01/2012	Phê duyệt Chiến lược quốc gia ATTP giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030
4.	01/2012/QĐ-TTg	09/01/2012	Quyết định số 01/2012//QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
5.	226/QĐ-TTg	22/02/2012	Phê duyệt Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

6.	1228/QĐ-TTg	07/09/2012	Quyết định 1228/QĐ-TTg năm 2012 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Vệ sinh ATTP giai đoạn 2012 - 2015 do Thủ tướng Chính phủ ban hành
7.	2406/QĐ-TTg	18/12/2011	Ban hành Danh mục các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2012 - 2015
8.	2088/QĐ-TTg	27/12/2012	Quyết định 2088/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phòng ngừa, ngăn chặn vận chuyển và kinh doanh gia cầm, sản phẩm gia cầm nhập khẩu trái phép
9.	518/QĐ-TTg	27/03/2013	Về việc phê duyệt Đề án xây dựng hệ thống cảnh báo nhanh và phân tích nguy cơ về ATTP tại Việt Nam
10.	550/QĐ-TTg	04/04/2013	Quyết định số 550/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Phê duyệt "Đề án truyền thông về phòng ngừa, ngăn chặn vận chuyển, kinh doanh gia cầm, sản phẩm gia cầm nhập khẩu trái phép và vệ sinh ATTP".
11.	25/2013/QĐ-TTg	04/05/2013	Ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí
12.	826/QĐ-TTg	29/05/2013	Quyết định số 826/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 2406/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2012 - 2015 và các Quyết định ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2012 - 2015.
13.	62/2013/QĐ-TTg	25/10/2013	Về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.
14.	12/2014/QĐ-TTg	27/01/2014	Quyết định số 12/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Về việc quy định chế độ bồi dưỡng đối với công chức thanh tra chuyên ngành.
15.	38/2015/QĐ-TTg	09/09/2015	Thí điểm triển khai thanh tra chuyên ngành ATTP tại quận, huyện, thị xã và phường, xã, thị trấn của thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.
16.	QĐ - ATTP	26/06/2018	Quyết định Về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Cục, các Phòng thuộc Cục ATTP
17.	47/2018/QĐ-TTg	26/11/2018	Quyết định số 47/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ : Thí điểm triển khai thanh tra chuyên ngành ATTP

			tại huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và xã, phường, thị trấn thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố của 09 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Gia Lai.
18.	459/QĐ-ATTP	06/10/2022	Quyết định về việc ban hành Quy chế làm việc của Cơ quan Cục ATTP

V. CHỈ THỊ CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1.	20/CT-TTg	01/8/2014	Chỉ thị 20/CT-TTg ngày 01/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ngăn chặn hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu và sản xuất kinh doanh tôm có tạp chất.
2.	34/CT-TTg	11/12/2014	Chỉ thị số 34/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác đảm bảo ATTP và phòng chống ngộ độc thực phẩm trong tình hình mới
3.	13/CT-TTg	09/5/2016	Chỉ thị số 13/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ: về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP

VI. THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

1.	05/2013/TTLT-BYT-BCT	8/2/2013	Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-BYT-BCT ngày 8/2/2013 về hướng dẫn việc ghi nhãn, in cảnh báo sức khỏe trên bao bì thuốc lá
2.	67/2013/TTLT-BTC-BYT	21/05/2013	Thông tư liên tịch Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Vệ sinh ATTP giai đoạn 2012 - 2015
3.	20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT	01/08/2013	Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT “Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước”
4.	42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT	16/10/2013	Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/10/2013 Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.
5.	13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT	09/04/2014	Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT- BYT-BNNPTNT-BCT Hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về ATTP

6.	34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT	27/10/2014	Thông tư liên tịch Hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bao gói sẵn
7.	45/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHCN	23/11/2015	Thông tư liên tịch Hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm biến đổi gen bao gói sẵn
8.	05/2016/ TTLT-BNNPTNT-BTNMT	16/5/2016	Thông tư số 05/2016/ TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 Hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

VII. THÔNG TƯ CỦA BỘ Y TẾ

1.	14/2010/TT-BYT	20/05/2010	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các chất được sử dụng để bổ sung kẽm vào thực phẩm.
2.	15/2010/TT-BYT	20/05/2010	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về acid folic được sử dụng để bổ sung vào thực phẩm.
3.	16/2010/TT-BYT	20/05/2010	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các chất được sử dụng để bổ sung sắt vào thực phẩm.
4.	17/2010/TT-BYT	20/05/2010	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các chất được sử dụng để bổ sung calci vào thực phẩm.
5.	18/2010/TT-BYT	20/05/2010	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất điều vị.
6.	19/2010/TT-BYT	20/05/2010	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thực phẩm - Chất làm ẩm.
7.	20/2010/TT-BYT	20/05/2010	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất tạo xốp.
8.	21/2010/TT-BYT	20/05/2010	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất chống đông.
9.	22/2010/TT-BYT	20/05/2010	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất giữ màu.

10.	23/2010/TT-BYT	20/05/2010	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất chống oxy hóa.
11.	24/2010/TT-BYT	20/05/2010	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất chống tạo bọt.
12.	25/2010/TT-BYT	20/05/2010	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất ngọt tổng hợp.
13.	26/2010/TT-BYT	20/05/2010	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất làm rắn chắc.
14.	27/2010/TT-BYT	20/05/2010	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Phẩm màu.
15.	28/2010/TT-BYT	20/05/201	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất điều chỉnh độ acid.
16.	30/2010/TT-BYT	02/06/2010	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng.
17.	31/2010/TT-BYT	02/06/2010	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng bột.
18.	32/2010/TT-BYT	02/06/2010	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm phomat.
19.	33/2010/TT-BYT	02/06/2010	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm chất bột từ sữa.
20.	34/2010/TT-BYT	02/06/2010	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.
21.	35/2010/TT-BYT	02/06/2010	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.
22.	41/2010/TT-BYT	18/11/2010	Về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa lên men.
23.	44/2010/TT-BYT	22/12/2010	Ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm.
24.	45/2010/TT-BYT	22/12/2010	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống có cồn.
25.	01/2011/TT-BYT	13/01/2011	Ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với phụ gia thực phẩm.

26.	02/2011/TT-BYT	13/01/2011	Ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm hoá học trong thực phẩm.
27.	03/2011/TT-BYT	13/01/2011	Ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các chất được sử dụng để bổ sung vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm.
28.	04/2011/TT-BYT	13/01/2011	Ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng
29.	05/2011/TT-BYT	13/01/2011	Ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước đá dùng liền.
30.	13/2011/TT-BYT	31/03/2011	Hướng dẫn phân tuyến các nhiệm vụ, chỉ tiêu kiểm nghiệm và quy trình kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm trong ngành y tế.
31.	14/2011/TT-BYT	01/04/2011	Hướng dẫn chung lấy mẫu thực phẩm phục vụ thanh tra, kiểm tra chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm.
32.	17/2011/TT-BYT	17/05/2011	Ban hành quy định mức giới hạn nhiễm phóng xạ trong thực phẩm.
33.	18/2011/TT-BYT	30/05/2011	Ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng.
34.	34/2011/TT-BYT	30/08/2011	Ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
35.	05/2012/TT-BYT	01/03/2012	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
36.	20/2012/TT-BYT	15/11/2012	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ đến 12 tháng tuổi.
37.	21/2012/TT-BYT	15/11/2012	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích y tế đặc biệt cho trẻ đến 12 tháng tuổi.
38.	22/2012/TT-BYT	15/11/2012	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi.
39.	23/2012/TT-BYT	15/11/2012	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng chế biến ngũ cốc cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi.
40.	24/2013/TT-BYT	14/08/2013	Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y.

41.	30/2013/TT-BYT	04/10/2013	Ban hành Danh mục sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc hàng hóa thực hiện bình ổn giá.
42.	43/2014/TT-BYT	24/11/2014	Quy định quản lý thực phẩm chức năng.
43.	23/2015/TT-BYT	20/08/2015	Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thuốc lá điếu.
44.	35/2015/TT-BYT	28/10/2015	Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ làm bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
45.	44/2015/TT-BYT	30/11/2015	ban hành danh mục chất dinh dưỡng sử dụng trong thực phẩm.
46.	46/2015/TT-BYT	30/11/2015	Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hương liệu thực phẩm các chất tạo hương Vani.
47.	47/2015/TT-BYT	01/12/2015	Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất hỗ trợ chế biến thực phẩm – dung môi.
48.	48/2015/TT-BYT	01/12/2015	quy định hoạt động kiểm tra thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế .
49.	49/2015/TT-BYT	11/12/2015	Công bố hợp quy đối với thuốc lá điếu.
50.	52/2015/TT-BYT	21/12/2015	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu và kiểm soát thực phẩm nhập khẩu, cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.
51.	50/2016/TT-BYT	30/12/2016	Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
52.	36/2017/TT-BYT	11/09/2017	Bãi bỏ Thông tư số <u>03/2017/TT-BYT</u> ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 5-1:2017/BYT đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng.
53.	40/2017/TT-BYT	23/10/2017	Quy định về tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn đối với thực phẩm, nước ăn uống và định lượng bữa ăn của thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam.
54.	16/2019/TT-BYT	12/07/2019	Ban hành QCVN đối với vitamin A để bổ sung vào dầu thực vật
55.	18/2019/TT-BYT	17/7/2019	Hướng dẫn Thực hành sản xuất tốt (GMP) trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe

56.	24/2019/TT-BYT	30/8/2019	Quy định việc quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm
57.	25/2019/TT-BYT	30/8/2019	Quy định truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế
58.	31/2020/TT-BYT	31/12/2020	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với phụ gia thực phẩm
59.	10/2021/TT-BYT	30/6/2021	Quy định về Danh mục chất cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe .
60.	28/2021/TT-BYT (đã thay thế)	20/12/2021	ban hành danh mục thực phẩm, phụ gia thực phẩm và dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm đã được xác định mã số hàng hóa theo danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam phục vụ cho kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu.
61.	17/2023/TT-BYT	25/9/2023	Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ các văn bản qpl về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành
62.	31/2023/TT-BYT		Quy định thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế

VIII. THÔNG TƯ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

1.	29/2012/TT-BCT	05/10/2012	Thông tư 29/2012/TT-BCT quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương
2.	40/2012/TT-BCT	21/12/2012	Thông tư 40/2012/TT-BCT quy định cấp giấy xác nhận nội dung quản cáo thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương
3.	45/2012/TT-BCT	28/12/2012	Thông tư quy định về hoạt động kiểm tra chất lượng, ATTP trong quá trình sản xuất thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công thương.
4.	05/2013/TT-BCT	18/12/2012	Thông tư quy định về hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất một số loại hàng hóa.
5.	09/2013/TT-BCT	02/05/2013	Thông tư số 09/2013/TT-BCT ngày 02 tháng 05 năm 2013 quy định về hoạt động kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính của Quản lý thị trường
6.	28/2013/TT-BCT	06/11/2013	Thông tư 28/2013/TT-BCT Quy định kiểm tra nhà nước về ATTP đối với thực phẩm nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.
7.	40/2013/TT-BCT	31/12/2013	Thông tư 40/2013/TT-BCT quy định điều kiện, trình tự

	(Đã sửa đổi)		thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về ATTP thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
8.	53/2014/TT-BCT (Bãi bỏ)	18/12/2014	Thông tư quy định điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh bia.
9.	54/2014/TT-BCT (bãi bỏ tại thông tư số 27/2016/TT-BCT)	18/12/2014	Thông tư 54/2014/TT-BCT quy định điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sữa chế biến
10.	11/VBHN-BCT	23/01/2014	Văn bản hợp nhất Nghị định phát triển và quản lý chợ.
11.	58/2014/TT-BCT	22/12/2014	Thông tư 58/2014/TT-BCT quy định cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công thương.
12.	59/2014/TT-BCT	22/12/2014	Thông tư quy định điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dầu thực vật.
13.	60/2014/TT-BCT	27/12/2014	Thông tư quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.
14.	57/2015/TT-BCT (Bãi bỏ chương II, bổ sung Đ8 tại thông tư 27/2016/TT-BCT)	31/12/2015	Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 quy định về Điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP của Bộ Công Thương.
15.	27/2016/TT-BCT	05/12/2016	Thông tư 27/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
16.	43/2018/TT-BCT	15/11/2018	Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương
17.	13/2020/TT-BCT	18/ 6/2020	Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
IX.THÔNG TƯ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN			
1.	25/2010/TT-BNNPTNT	08/4/2010	Thông tư số 25/2010/TT-BNNPTNT ngày 08/4/2010 hướng dẫn việc kiểm tra vệ sinh ATTP đối với hàng hóa có nguồn gốc động vật nhập khẩu.

2.	60/2010/TT-BNNPTNT	25/10/2010	Thông tư quy định điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ lợn.
3.	61/2010/TT-BNNPTNT	25/10/2010	Thông tư quy định điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ gia cầm.
4.	03/2011/TT-BNNPTNT	21/01/2011	Thông tư quy định về truy xuất nguồn gốc và thu hồi sản phẩm không đảm bảo chất lượng, ATTP trong lĩnh vực thủy sản.
5.	14/2011/TT-BNNPTNT	29/3/2011	Thông tư quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản
6.	16/2011/TT-BNNPTNT	01/4/2011	Thông tư số 16/2011/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2011 Quy định về đánh giá, chỉ định và quản lý phòng thử nghiệm ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.
7.	44/2011/TT-BNNPTNT	20/6/2011	Thông tư số 44/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/6/2011 Bổ sung Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ NN&PTNT(bổ sung sản phẩm muối).
8.	54/2011/TT-BNNPTNT	03/8/2011	Thông tư quy định yêu cầu năng lực phòng thử nghiệm về chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản và muối.
9.	55/2011/TT-BNNPTNT	03/8/2011	Thông tư kiểm tra, chứng nhận chất lượng, ATTP thủy sản.
10.	74/2011/TT-BNNPTNT	31/10/2011	Quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm nông lâm sản không đảm bảo an toàn
11.	75/2011/TT-BNNPTNT	31/10/2011	Thông tư 75/2011/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2011 quy định về đăng ký và xác nhận quảng cáo thực phẩm nông lâm thủy sản.
12.	76/2011/TT-BNNPTNT	03/11/2011	Thông tư 76/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/11/2011 ban hành danh mục nhóm thực phẩm và liều lượng được chiếu xạ đối với thực phẩm
13.	02/2012/TT-BNNPTNT	09/01/2012	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất nước mắm, sản phẩm thủy sản dạng mắm và thủy sản khô dùng làm thực phẩm
14.	07/2012/TT-BNNPTNT	13/02/2012	Thông tư số 07/2012/TT-BNNPTNT ngày 13/02/2012 Quy định thủ tục đăng ký, kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất thuốc thú y đạt tiêu chuẩn thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP).

15.	30/2012/TT-BNNPTNT	03/7/2012	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện vệ sinh thú y
16.	33/2012/TT-BNNPTNT	20/7/2012	Thông tư quy định điều kiện vệ sinh, đảm bảo ATTP đối với cơ sở kinh doanh thịt và phụ phẩm ăn được của động vật ở dạng tươi sống dùng làm thực phẩm
17.	34/2012/TT-BNNPTNT	20/7/2012	Thông tư quy định điều kiện vệ sinh, đảm bảo ATTP đối với cơ sở thu gom, bảo quản và kinh doanh trứng gia cầm ở dạng tươi sống dùng làm thực phẩm
18.	48/2012/TT-BNNPTNT	26/9/2012	Thông tư 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/9/2012 Quy định về chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt.
19.	50/2012/TT-BNNPTNT	8/10/2012	Thông tư số 50/2012/TT-BNNPTNT ngày 8/10/2012 bãi bỏ QĐ 85/2008/QĐ-BNN ngày 6/8/2008 ban hành Quy chế quản lý sản xuất, kinh doanh giống thủy sản; bãi bỏ một phần Thông tư 50/2010/TT-BNNPTNT ngày 30/8/2010 về sửa đổi, bổ sung Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2009/TT-BNNPTNT ngày 18/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; bãi bỏ Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011 về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 của Chính phủ.
20.	52/2012/TT-BNNPTNT	22/10/2012	Thông tư số 52/2012/TT-BNNPTNT ngày 22/10/2012 qui định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2011/TT-BNNPTNT ngày 1/4/2011 quy định về đánh giá, chỉ định và quản lý phòng thử nghiệm ngành NN&PTNT và Thông tư số 54/2011/TT-BNNPTNT ngày 3/8/2011 về yêu cầu năng lực phòng thử nghiệm về chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản và muối.
21.	53/2012/TT-BNNPTNT	26/10/2012	Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2012 Ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 9/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.
22.	55/2012/TT-BNNPTNT	31/10/2012	Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 Hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ

			Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
23.	57/2012/TT-BNNPTNT	07/11/2012	Thông tư số 57/2012/TT-BNNPTNT ngày 07/11/2012 quy định việc kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm các chất cấm thuộc nhóm Beta - agonist trong chăn nuôi.
24.	61/2012/TT-BNNPTNT	13/11/2012	Thông tư quy định việc giám sát ATTP thủy sản sau thu hoạch
25.	02/2013/TT-BNNPTNT	05/01/2013	Thông tư quy định phân tích nguy cơ và quản lý ATTP theo chuỗi sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản và muối
26.	07/2013/TT-BNNPTNT	22/01/2013	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với rau, quả, chè búp tươi đủ điều kiện bảo đảm ATTP trong quá trình sản xuất, sơ chế
27.	48/2013/TT-BNNPTNT	12/11/2013	Thông tư quy định về kiểm tra, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu
28.	49/2013/TT-BNNPTNT	19/11/2013	Thông tư hướng dẫn tiêu chí xác định vùng sản xuất trồng trọt tập trung đủ điều kiện ATTP
29.	02/VBHN-BNNPTNT	19/12/2013	Văn bản hợp nhất thông tư hướng dẫn việc kiểm tra vệ sinh ATTP đối với hàng hóa có nguồn gốc động vật nhập khẩu
30.	02/2014/TT-BNNPTNT	24/01/2014	Thông tư số 02/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/1/2014 Quy định trình tự, thủ tục cấp và thu hồi Giấy xác nhận thực vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi.
31.	20/2014/TT-BNNPTNT	26/6/2014	Thông tư quy định một số nội dung về phân công và thẩm quyền quản lý vật tư nông nghiệp
32.	24/2014/TT-BNNPTNT	19/8/2014	Thông tư quy định về điều kiện bảo đảm ATTP đối với chợ đầu mối, đấu giá nông sản
33.	45/2014/TT-BNNPTNT	03/12/2014	Thông tư quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện ATTP
34.	51/2014/TT-BNNPTNT	27/12/2014	Thông tư quy định về điều kiện bảo đảm ATTP và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ.
35.	06/2015/TT-BNNPTNT	14/02/2015	Thông tư số 06/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/02/2015 Sửa đổi Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 02/2014/TT-

			BNNPTNT ngày 24/0/2014 Quy định trình tự, thủ tục cấp và thu hồi Giấy xác nhận thực vật biến đổi gen đủ điều kiện làm thức ăn chăn nuôi.
36.	07/2015/TT-BNNPTNT	14/02/2015	Thông tư số 07/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/02/2015 Hướng dẫn chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài trong các hoạt động thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
37.	08/2015/TT-BNNPTNT	02/3/2015	Thông tư số 08/2015/TT-BNNPTNT ngày 02/3/2015 quy định về việc kiểm tra, giám sát vệ sinh thú y, ATTP đối với sản xuất, kinh doanh mật ong xuất khẩu.
38.	11/2015/TT-BNNPTNT	10/3/2015	Thông tư số 11/2015/TT-BNNPTNT ngày 10/3/2015 Quy định đánh giá rủi ro đối với thủy sản sống nhập khẩu dùng làm thực phẩm;
39.	12/2015/TT-BNNPTNT	16/3/2015	Thông tư hướng dẫn kiểm tra ATTP hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu
40.	15/2015/TT-BNNPTNT	26/3/2015	Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
41.	21/2015/TT-BNNPTNT	08/6/2015	Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.
42.	29/2015/TT-BNNPTNT	4/9/2015	Thông tư số 29/2015/TT-BNNPTNT ngày 4/9/2015 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2011/TT-B NNPTNT ngày 10/10/2011 quy định chi tiết một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi.
43.	31/2015/TT-BNNPTNT	06/10/2015	Thông tư quy định về giám sát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi.
44.	33/2015/TT-BNNPTNT	08/10/2015	Thông tư quy định về giám sát vệ sinh, ATTP trong thu hoạch nhuyển thể hai mảnh vỏ
45.	34/2015/TT-BNNPTNT	12/10/2015	Thông tư số 34/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/10/2015 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 03/2015/TT-BNNPTNT ngày 29/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam và công bố mã HS đối với thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam.

46.	42/2015/TT-BNNPTNT	16/11/2015	Thông tư số 42/2015/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2015 ban hành Danh mục bổ sung hóa chất, kháng sinh cấm nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm tại Việt Nam.
47.	01/2016/TT-BNNPTNT	15/02/2016	Thông tư số 01/2016/TT-BNNPTNT ngày 15/02/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2012/TT-BNNPTNT ngày 07/11/2012 quy định việc kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm các chất cấm thuộc nhóm Beta- agonist trong chăn nuôi.
48.	03/2016/TT-BNNPTNT	21/4/2016	Thông tư số 03/2016/TT-BNNPTNT ngày 21/4/2016 Ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam; công bố mã HS đối với thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam.
49.	06/2016/TT-BNNPTNT	31/5/2016	Thông tư ban hành Danh Mục, hàm lượng kháng sinh được phép sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm với Mục đích kích thích sinh trưởng tại Việt Nam.
50.	08/2016/TT-BNNPTNT	01/6/2016	Thông tư quy định giám sát ATTP nông lâm thủy sản.
51.	09/2016/TT-BNNPTNT	01/6/2016	Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 Quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.
52.	10/2016/TT-BNNPTNT	01/6/2016	Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 Ban hành danh mục thuốc thú y được phép lưu hành, cấm sử dụng ở Việt Nam, công bố mã HS đối với thuốc thú y nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam.
53.	13/2016/TT-BNNPTNT	02/6/2016	Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 Quy định về quản lý thuốc thú y
54.	25/2016/TT-BNNPTNT	30/6/2016	Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.
55.	26/2016/TT-BNNPTNT	30/6/2016	Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.
56.	27/2016/TT-BNNPTNT	26/7/2016	Thông tư số 27/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/7/2016 Ban hành QCVN lĩnh vực thức ăn chăn nuôi.
57.	19/2022/TT-BNNPTN	02/12/2022	Thông tư số 19/2022/TT-BNNPTNT ngày 02/12/2022 Thông tư Ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật

			được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.
58.	17/2021/TT-BNNPTNT	20/12/2021	Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn
59.	38/2018/TT-BNNPTNT	25/12/2018	Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
60.	17/2018/TT-BNNPTNT	31/10/2018	Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT

X. THÔNG TƯ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

1.	149/2013/TT-BTC	29/10/2013	Thông tư số 149/2013/TT-BTC quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý ATTP.
2.	279/2016/TT-BTC	14/11/2016	Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm
3.	Số: 117/2018/TT-BTC	28/11/2018	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.
4.	75/2020/TT - BTC	12/08/2020	Thông tư số 75/2020/TT - BTC ngày 12/8/2020 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT – BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.
5.	TT-BTC	05/08/2021	Thông tư 67/2021/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác ATTP .

IX. THÔNG TƯ CỦA BỘ KH&CN

1.	26/2012/TT-BKHCN	12/12/2012	Thông tư 26/2012/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường
2.	27/2012/TT-BKHCN	12/12/2012	Thông tư 27/2012/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.
3.	Thông tư số 12/2017/TT-BKHCN		Thông tư số 12/2017/TT-BKHCN ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường.

Phụ lục 1B: SỐ LƯỢNG VĂN BẢN Ở ĐỊA PHƯƠNG
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC- BYT ngày / /2024 của Bộ Y tế)

Quyết định	Kế hoạch	Chỉ thị	Công văn	Chương trình	Thông báo	Nghị Quyết
1444	946	103	787	17	45	32

Phụ lục 2: HỆ THỐNG PHÒNG KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM
 (Ban hành kèm theo Báo cáo số 1447/BC- BYT ngày 05/11/2024 của Bộ Y tế)

STT	Năm	Tổng số	Số phòng KN đạt ISO 17025	Số phòng KN được chỉ định phục vụ QLNN	Số phòng KN xã hội hóa được chỉ định phục vụ QLNN
1	2011	58	38	19	1
2	2012	67	45	21	1
3	2013	78	53	24	1
4	2014	88	59	27	2
5	2015	95	63	30	2
6	2016	106	69	35	2
7	2017	120	79	39	2
8	2018	135	86	44	5
9	2019	137	87	46	4
10	2020	154	96	53	5
11	2021	167	103	58	6

Phụ lục 3. KINH PHÍ ĐẦU TƯ CHO CÔNG TÁC QUẢN LÝ ATTP
 (Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC- BYT ngày / /2024 của Bộ Y tế)

STT	Năm	Nguồn kinh phí trung ương	Nguồn kinh phí địa phương	Nguồn kinh phí khác	Tổng kinh phí
				(Đơn vị: Triệu đồng)	
1	2011	48040	24793	2652.6	75485
2	2012	55886	29523	6342.5	91751
3	2013	47528	30336	2185.3	80049
4	2014	32156	33557	2112.9	67827
5	2015	44379	36697	3461	84537
6	2016	35056	87691	2266.2	125013
7	2017	47870	124222	4557.9	176650
8	2018	63999	165799	5695.5	235493
9	2019	39013	157562	7347.2	203923
10	2020	32612	104313	9662.6	146588
11	2021	2981.5	87432	7278.1	97691

Phụ lục 4: CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ATTP
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 1447/BC- BYT ngày 05/11/2024 của Bộ Y tế)

Đối tượng		Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Cơ sở sản xuất	Cơ sở kinh doanh	Cơ sở sản xuất	Cơ sở kinh doanh	Cơ sở sản xuất	Cơ sở kinh doanh	Cơ sở sản xuất	Cơ sở kinh doanh	Cơ sở sản xuất	Cơ sở kinh doanh	Cơ sở sản xuất	Cơ sở kinh doanh	Cơ sở sản xuất	Cơ sở kinh doanh	Cơ sở sản xuất	Cơ sở kinh doanh	Cơ sở sản xuất	Cơ sở kinh doanh	Cơ sở sản xuất	Cơ sở kinh doanh	Cơ sở sản xuất	Cơ sở kinh doanh
Cấp quản lý	Nhóm sản phẩm thực phẩm quản lý																						
	NN& PTNT	2052	988	2022	801	2508	756	3380	2125	4203	2057	4899	3860	6221	2445	5675	2123	5606	1639	9529	1771	9589	1274
	Công Thương	785	3009	853	2587	1181	3214	1459	3010	1261	2684	2094	4107	2111	4789	3575	4746	3509	6465	3907	4375	3135	4305
	Y Tế	3964	20845	3271	18897	2699	18115	2059	14651	2160	15303	2294	16467	2692	15739.05	2304	16964.29	2600	18680.34	2447	16976	2086	14404

Phụ lục 5: CÔNG TÁC QUẢN LÝ QUẢNG CÁO THỰC PHẨM
 (Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC- BYT ngày / /2024 của Bộ Y tế)

TT	NĂM	TIẾP NHẬN	ĐÃ CẤP
1	2011	1.099	1.755
2	2012	1.121	1.757
3	2013	1.292	2.235
4	2014	1.875	1.075
5	2015	3.361	2.730
6	2016	3.350	2.772
7	2017	2.449	2.151
8	2018	1.938	1.486
9	2019	2.908	2.645
10	2020	3.726	3.599
11	2021	3.543	3.147
12	2022	4.642	4.902
13	2023	1.099	1.755
TỔNG		31.559	28.889

Phụ lục 6: THỐNG KÊ VỀ NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 1447/BC- BYT ngày 05/11/2024 của Bộ Y tế)

STT	Năm	Số vụ NĐTP	Số ca mắc	Số ca tử vong	Số vụ ≥ 30 ca mắc	Tỉ lệ ca NĐTP/100.000 dân
1	2011	148	4.700	27	32	5,35
2	2012	168	5.541	34	39	6,24
3	2013	167	5.558	28	41	6,19
4	2014	194	5.203	43	40	5,73
5	2015	179	5.552	23	44	6,01
6	2016	174	4.554	12	46	4,92
7	2017	148	4.087	24	40	4,37
8	2018	108	3.472	17	24	3,65
9	2019	88	2.235	11	17	2,36
10	2020	139	3.094	30	22	3,27
11	2021	81	1.942	18	13	1,99
12	2022	66	1.489	29	06	1,51
13	2023	125	2.149	28	18	2,14
Trung bình/năm		137	3.814	25	29	4,13